

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình, Ngoại thần kinh);
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm;
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 12 tháng;
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu;
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 11 giờ 00, ngày 11/01/2025;
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (02).

TUO. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



PHỤ LỤC DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Công văn số ~~7087~~ /BVĐHYD-VTTB ngày 30 tháng 12 năm 2024)

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ dây cáp neo cố định xương, đường kính 1.5 - 1.8mm	Bộ dây cáp neo cố định xương dùng để cố định ổ gãy - Chất liệu Titanium - Đường kính trong khoảng 1.5 - 1.8mm, chiều dài $\geq$ 600mm - Bao gồm: dây cáp neo, ốc siết cáp Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	8
2	Bộ dây dẫn dịch vào khớp, 2 kim đầu nhọn, áp lực tối đa 150mmHg ($\pm$ 5%)	Bộ dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp - Chất liệu dây dẫn bằng nhựa/ Silicone - Áp lực tối đa 150mmHg ($\pm$ 5%), lưu lượng tối đa 2L/phút ($\pm$ 10%) - Bộ bao gồm: Dây dẫn dịch, 2 kim đầu nhọn, 3 kẹp bấm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	525
3	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi, đường kính 9 $\rightarrow$ 13mm	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi 1. Cây đinh - Chất liệu: Titanium - Đường kính từ 9mm đến 13mm với bước tăng 1mm - Chiều dài $\geq$ 200mm, có tối thiểu 05 cỡ 2. Vít nén ép - Đường kính khoảng 10 - 11mm - Dài $\geq$ 70mm 3. Vít chốt khóa - Đường kính khoảng 4.5 - 5.0mm - Dài $\geq$ 20mm, có tối thiểu 06 cỡ 4. Nắp đinh $\geq$ 5mm, có tối thiểu 3 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
4	Bộ đinh nội tủy thân xương chày, dài $\geq$ 250mm, có lỗ bắt vít	Bộ đinh nội tủy thân xương chày 1. Cây đinh - Chất liệu đinh hợp kim Titanium - Đường kính $\geq$ 8.0mm với bước tăng 1mm, có $\geq$ 4 cỡ - Chiều dài $\geq$ 250mm, có lỗ bắt vít 2. Vít chốt chéo ở đầu xa đa hướng 3. Vít chốt đầu gần: có dạng lỗ tĩnh và lỗ động 4. Nắp đinh: có $\geq$ 3 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	14
5	Bộ đinh nội tủy thân xương chày, dài $\geq$ 250mm, đinh lòng rỗng	Bộ đinh nội tủy thân xương chày 1. Cây đinh - Chất liệu đinh hợp kim Titanium - Đường kính $\geq$ 8.0mm với bước tăng 1mm, có $\geq$ 4 cỡ - Chiều dài $\geq$ 250mm, đinh lòng rỗng 2. Vít chốt khoá đường kính khoảng 4.0 - 5.0mm, dài $\geq$ 25mm	Bộ	30

Đã duyệt

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		3. Nắp khóa dài $\geq 5\text{mm}$, có ≥ 3 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
6	Bộ đinh nội tủy thân xương đùi, đường kính $\geq 9.0\text{mm}$, dài $\geq 300\text{mm}$, có lỗ bắt vít đa hướng	Bộ đinh nội tủy thân xương đùi 1. Cây đinh - Chất liệu đinh hợp kim Titanium - Đường kính $\geq 9.0\text{mm}$ với bước tăng 1mm , có ≥ 3 cỡ - Chiều dài $\geq 300\text{mm}$, có lỗ bắt vít đa hướng - Vít chốt đầu gần: có dạng lỗ tĩnh và lỗ động - Vít chốt đầu xa: có dạng lỗ tĩnh và lỗ động 2. Vít khóa ngang và khóa chéo. 3. Vít chốt khóa 4. Nắp đinh: có ≥ 3 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	14
7	Bộ đinh nội tủy thân xương đùi, đường kính $\geq 9\text{mm}$, dài $\geq 300\text{mm}$, đỉnh lòng rỗng	Bộ đinh nội tủy thân xương đùi 1. Cây đinh- Chất liệu: Titanium- Đường kính $\geq 9\text{mm}$ với bước tăng 1mm , có ≥ 4 cỡ- Chiều dài $\geq 300\text{mm}$, đỉnh lòng rỗng 2. Vít nén ép/lưỡi xoắn đường kính khoảng $7 - 10\text{mm}$, dài $\geq 60\text{mm}$, có ≥ 5 cỡ chiều dài 3. Vít chốt khóa đường kính khoảng $4.5 - 5.0\text{mm}$, dài $\geq 20\text{mm}$ 4. Nắp khóa dài $\geq 5\text{mm}$, có ≥ 5 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30
8	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính đủ cỡ từ 9mm đến 12mm , bước tăng 1mm - Mặt trong và mặt ngoài vạt góc khoảng 5° - Góc vít cổ xương đùi trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$ - Vít chốt ở cổ xương đùi có 2 loại: Dạng lưỡi chốt và dạng vít chốt - Nắp đinh + vít định vị: chống xoay ngược và ngăn chặn vít tụt ra - Có thể sử dụng vít tĩnh/vít động/cả hai vít - Thiết kế loại trái và phải Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	9
9	Bộ đinh đầu trên xương cánh tay, đường kính $\geq 7.0\text{mm}$	Đinh đầu trên xương cánh tay - Chất liệu: Đinh và vít bằng hợp kim Titanium - Đường kính $\geq 7.0\text{mm}$, có tối thiểu 03 cỡ trái và tối thiểu 03 cỡ phải - Có tối thiểu 03 cỡ mũ đinh - Đường kính vít trong khoảng $3 - 4\text{mm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
10	Bộ khớp gối toàn phần	Bộ khớp gối toàn phần 1. Lõi cầu đùi: - Chất liệu: Hợp kim Co-Cr - Thiết kế: độ gấp duỗi tối đa $\geq 150^\circ$, rãnh bánh chè nghiêng khoảng $6 - 8^\circ$ - Có ≥ 8 kích cỡ	Bộ	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		2. Mâm chày: - Chất liệu: Hợp kim Co-Cr - Thiết kế: trụ mâm chày đơn khối, trụ mâm chày nghiêng khoảng 4 - 5 độ - Có ≥ 9 kích cỡ 3. Lớp đệm: - Chất liệu: Nhựa Polyethylene cao phân tử, kiểu di động - Kích thước: độ dày ≥ 6 mm, có cỡ 6mm, có thể xoay $\pm 20^\circ$ quanh trục - Thiết kế: mỗi cỡ mâm chày có ≥ 4 cỡ độ dày lớp đệm 4. Bánh chèo: - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử - Kích cỡ: ≥ 25 mm, có trong khoảng 2 - 3 cỡ 5. Xi măng sinh học Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
11	Bộ khớp gối toàn phần cố định	Bộ khớp gối toàn phần cố định 1. Lõi cầu - Chất liệu hợp kim Cobalt Chrome - Có ≥ 11 cỡ, trong đó có ≥ 5 cỡ hẹp - Bề dày lõi cầu sau ≤ 9.5 mm - Mặt trước nghiêng $\geq 3^\circ$ 2. Mâm chày - Chất liệu Titanium - Có ≥ 5 cỡ, riêng biệt trái phải - Bề dày trong khoảng 2 - 2.5mm 3. Lót mâm chày - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Có ≥ 7 cỡ - Độ dày ≥ 9 mm 4. Bánh chèo: Polyethylene cao phân tử - Kích thước: đường kính ≥ 25 mm; có trong khoảng 2 - 3 cỡ - Độ dày ≥ 9 mm 5. Xi măng có chất chỉ thị Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
12	Bộ khớp gối toàn phần cố định loại ổn định	Bộ khớp gối toàn phần cố định 1. Lõi cầu: - Chất liệu CoCrMo- Có ≥ 7 kích cỡ- Độ nghiêng trước/sau $\geq 3^\circ$ - Sử dụng hệ thống cân chỉnh ngoài lòng tủy 2. Mâm chày cố định: - Chất liệu Titanium- Có ≥ 8 cỡ 3. Miếng lót mâm chày- Chất liệu polyethylen cao phân tử- Kích cỡ: ≥ 5 cỡ. Mỗi cỡ có trong khoảng 5 - 6 độ dày - Độ dày từ khoảng 10mm 4. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
13	Bộ khớp gối toàn phần cố định, lõi cầu phủ TiNbN, đệm mâm chày	Bộ khớp gối toàn phần cố định 1. Lõi cầu xương đùi - Chất liệu hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum, phủ nhám TiNbN - Kích cỡ: ≥ 9 cỡ, phân biệt trái, phải 2. Mâm chày:	Bộ	23

Signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	dạng giữ vững phía trước	- Chất liệu hợp kim Titanium - Kích cỡ: ≥ 8 cỡ - Dạng giữ vững phía trước 3. Miếng lót mâm chày: - Chất liệu Polyethylen cao phân tử, có dạng Vitamin E - Độ dày: ≥ 9mm - Bảo tồn dây chằng chéo sau 4. Bánh chề: - Chất liệu: Polyethylen cao phân tử - Kích cỡ: ≥ 6 cỡ 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
14	Bộ khớp gối toàn phần cố định, mâm chày có vị trí gắn chuôi nối dài và miếng ghép bù xương, miếng chêm Polyethylene, Vitamin E	Bộ khớp gối toàn phần cố định 1. Lõi cầu - Chất liệu Cobalt Chrome - Có ≥ 10 cỡ bên trái và ≥ 10 cỡ bên phải - Có thể giữ lại dây chằng chéo sau. - Độ gấp trung bình $\geq 150^\circ$ 2. Mâm chày - Chất liệu Titanium - Có ≥ 7 cỡ - Cuồng chân mâm chày dài ≥ 30mm - Mâm chày dạng cố định, có vị trí gắn chuôi nối dài và miếng ghép bù xương - Độ dày miếng ghép bù xương mâm chày trong/ ngoài có cỡ 5, 10mm 3. Miếng chêm - Chất liệu Polyethylene có vitamin E - Có ≥ 5 cỡ, có cỡ dày 9mm - Có gờ khóa chống trật, cạnh trước cao ≥ 10mm 4. Bánh chề - Chất liệu: Polyethylene liên kết chéo - Kích thước: đường kính khoảng 25 - 45mm. Bề dày khoảng 7 - 10mm - Thiết kế: thiết kế bánh chề dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	75
15	Bộ khớp gối toàn phần cố định có xi măng bản lề - xoay chuôi dài	Bộ khớp gối toàn phần cố định có xi măng 1. Lõi cầu đùi bản lề- Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo- Có ≥ 4 cỡ lõi cầu đùi phải, trái - Chuôi vẹo ngoài khoảng $5 - 6^\circ$ - Góc gấp gối $\geq 135^\circ$ 2. Mâm chày có chốt bản lề - Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo - Có ≥ 4 cỡ mâm chày phải- Có trong khoảng 4 - 5 cỡ lõi cầu đùi trái- Chiều dài từ 120mm đến 160mm- Có chốt cố định bản lề liên kết với lõi cầu 3. Miếng lót mâm chày - Chất liệu Polyethylene cao phân tử- Khóa xoay, có vít cố định với mâm chày 4. Miếng đệm mâm chày- Chất liệu nhựa siêu bền - Có trong khoảng 4 - 5 cỡ - Kích thước khoảng 5 -	Bộ	5

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		15mm5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
16	Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu đa bán kính, rãnh bánh chè sâu, xi măng kháng sinh	Bộ khớp gối toàn phần di động 1. Lõi cầu đùi - Chất liệu Cobalt Chrome - Có ≥ 5 cỡ - Dạng đa bán kính, rãnh sâu - Phía trước và sau mở góc ≥ 4 độ 2. Mâm chày - Chất liệu Cobalt Chrome - Có ≥ 5 cỡ - Có 3 dạng: giữ dây chằng chéo sau, hi sinh dây chằng chéo sau và miếng lót loại siêu tương hợp 3. Lót lót mâm chày - Chất liệu Polyethylene - Có ≥ 5 cỡ - Có cỡ dày 10mm 4. Bánh chè: - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử - Đường kính ≥ 25 mm, có trong khoảng 2 - 3 cỡ 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
17	Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu đa trục, chỉnh độ xoay trục $\pm 10^\circ$, mâm chày có chuôi nổi dài	Bộ khớp gối toàn phần di động 1. Lõi cầu - Chất liệu Cobalt-Chrome - Có ≥ 7 cỡ trung bình và ≥ 7 cỡ hẹp - Độ dày: phần xa và lõi cầu sau ≤ 8.5 mm - Chỉnh độ xoay trục $\pm 10^\circ$ - Lõi cầu tương thích tối thiểu 3 cỡ liên tiếp miếng lót 2. Mâm chày - Chất liệu Cobalt-Chrome - Có tối thiểu 6 cỡ trái và 6 cỡ phải - Cuồng dài ≥ 30 mm - Dạng di động - Có chuôi nổi dài lòng tùy xương chày 3. Miếng đệm - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Có ≥ 6 cỡ - Bề dày có cỡ 10mm 4. Bánh chè - Chất liệu: Polyethylen cao phân tử - Có cỡ dày 8mm - Có 2 dạng: đối xứng và không đối xứng, rãnh bánh chè khoảng 5° 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	75

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu nghiêng trước 4°, mâm chày có chuôi nổi dài	Bộ khớp gối toàn phần di động 1. Lõi cầu- Chất liệu bằng Cobalt-Chrome - Có ≥ 5 cỡ trái và ≥ 5 cỡ phải- Loại hi sinh dây chằng chéo sau 2. Mâm chày- Chất liệu Cobalt-Chrome - Có ≥ 5 cỡ - Dạng di động- Mỗi mâm chày tương thích với mọi cỡ miếng đệm- Có chuôi nổi dài lòng tùy xương chày 3. Miếng đệm - Chất liệu Polyethylene cao phân tử- Có ≥ 5 cỡ - Có cỡ dày 10mm 4. Bánh chèn- Chất liệu: Polyethylene siêu cao phân tử- Kích thước ≥ 25 mm, có trong khoảng 2 - 3 cỡ, rãnh bánh chèn 5° 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	75
19	Bộ khớp gối toàn phần loại bản lề -xoay, chuôi dài dạng rời	Bộ khớp gối toàn phần bản lề 1. Xương đùi bản lề - Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo - Có ≥ 4 cỡ lõi cầu đùi phải/ trái - Chuôi dài khoảng 50 - 220mm, dạng rời 2. Mâm chày có chốt bản lề - Chất liệu bằng hợp kim CoCrMo - Có trong khoảng 5 - 6 cỡ - Xoay lúc gập và khóa xoay lúc duỗi tối đa 3. Miếng lót mâm chày - Vật liệu Polyethylene cao phân tử - Khóa xoay, có vít cố định với mâm chày 4. Đệm cho lõi cầu - Bằng chất liệu Titanium/ nhựa siêu bền - Có trong khoảng 4 - 5 cỡ 5. Đệm cho mâm chày - Bằng chất liệu Titanium/ nhựa siêu bền - Có trong khoảng 5 - 6 cỡ - Kích thước khoảng 5 - 15mm 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
20	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài 100 - 120mm, phủ HA dày $\geq 150\mu\text{m}$, dạng cổ rời, chỏm lưỡng cực 36 - 65mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium Alloy, phủ HA dày $\geq 150\mu\text{m}$ - Có ≥ 5 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 100 - 120mm - Góc cổ thân trong khoảng $125^\circ - 130^\circ$ - Cổ chuôi dạng cổ rời 2. Chỏm trong - Chất liệu Cobalt - Chrome - Có trong khoảng 4 - 5 cỡ - Đường kính có tối thiểu các cỡ 22, 28, 32, 36mm 3. Chỏm lưỡng cực - Kích thước khoảng 36 - 65mm 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	6

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
21	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài 100 - 120mm, phủ Titanium Plasma, chỏm lưỡng cực 37 - 56mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi:- Chất liệu Titanium, phủ Titanium - Có ≥ 14 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 120mm - Góc cổ thân trong khoảng 130° - 140° 2. Chỏm trong:- Chất liệu Cobalt Chrome- Có tối thiểu 5 cỡ 3. Chỏm lưỡng cực:- Chất liệu Cobalt Chrome- Đường kính ngoài có tối thiểu cỡ trong khoảng 37 - 40mm 4. Lớp lót- Chất liệu Polyethylene cao phân tử Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	33
22	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài 100 - 120mm, phủ μ -CaP, có cánh và rãnh chống xoay, chỏm lưỡng cực 39 - 55mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ lớp với μ -CaP (calcium phosphate) - Có ≥ 9 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 120mm - Có cánh chống xoay 2. Chỏm - Chất liệu Cobalt-chromium 3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu: polyethylene cao phân tử, phủ ngoài thép không gỉ - Kích thước có tối thiểu cỡ trong khoảng 39 - 40mm - Biên độ xoay $\geq 135^\circ$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	26
23	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài 110 - 170mm, phủ HA dày $\geq 80\mu\text{m}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu Titanium-Niobium, phủ Hydroxyapatite (HA) dày $\geq 80\mu\text{m}$ - Chiều dài: trong khoảng 110 - 170mm, có tối thiểu cỡ trong khoảng 110 - 130mm - Góc cổ thân có cỡ trong khoảng 130° - 135° - Có ≥ 10 cỡ, có dạng cổ ngắn, trung bình, dài 2. Chỏm trong - Chất liệu Cobalt Chrome - Mỗi đường kính chỏm có ≥ 4 cỡ cổ, có cỡ cổ $\geq +10$ 3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu: lớp đệm Polyethylene cao phân tử, bên ngoài làm bằng thép không gỉ - Đường kính có tối thiểu cỡ trong khoảng 38 - 40mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	39
24	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài $\geq 130\text{mm}$, phủ HA và Titanium	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu bằng Titanium phủ HA và lớp bột Titanium - Có ≥ 7 cỡ - Chiều dài $\geq 130\text{mm}$ - Góc cổ thân khoảng 130° - 135° - Rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay 2. Chỏm trong - Chất liệu thép không gỉ - Mỗi đường kính có trong khoảng 2 - 4 cỡ	Bộ	38

Signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu bề mặt ngoài bằng thép ko gi, mặt trong bằng polyethylene Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
25	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 130 - 175mm, phủ HA dày $\geq 150\mu\text{m}$, dạng cổ rời, chỏm lưỡng cực 40 - 58mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ HA hoặc phủ Calcium - Có ≥ 8 cỡ - Chiều dài: $\geq 130\text{mm}$ - Góc cổ thân: khoảng $125^\circ - 130^\circ$ - Cổ chuỗi dạng cổ rời, có ≥ 13 cỡ, điều chỉnh $\geq 6^\circ$ góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau 2. Chỏm trong - Chất liệu Cobalt Chrome - Đường kính: có chỏm có đường kính $\geq 30\text{mm}$, với mỗi đường kính có ≥ 5 cỡ, có cỡ lớn nhất $\geq +10$ 3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu thép không gỉ, lớp đệm Polyethylene cao phân tử - Kích thước trong khoảng 40 - 58mm, có tối thiểu cỡ trong khoảng 39 - 40mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
26	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài $\geq 170\text{mm}$, phủ Titanium Plasma, dạng thẳng và cong, chỏm lưỡng cực $\geq 38\text{mm}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi- Chất liệu Titanium, phủ Titanium Plasma- Có ≥ 5 cỡ- Có 2 dạng: thẳng và cong, dài $\geq 170\text{mm}$ - Góc cổ thân: trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$ 2. Chỏm- Chất liệu Cobalt Chrome- Có ≥ 5 cỡ 3. Chỏm lưỡng cực- Chất liệu Cobalt Chrome- Đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 38mm- Chống trật: liền khối, vòng khóa trong chống tuột chỏm 4. Lớp đệm - Chất liệu Polyethylene siêu phân tử Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
27	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài $\geq 180\text{mm}$, phủ HA dày $\geq 140\mu\text{m}$, chỏm trong $\geq 30\text{mm}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ lớp HA dày $\geq 140\mu\text{m}$ - Chiều dài $\geq 180\text{mm}$ - Góc cổ thân trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$ 2. Chỏm trong - Chất liệu CoCrMo - Có ≥ 4 cỡ - Đường kính có tối thiểu cỡ 30mm 3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu CoCrMo; Polyethylene cao phân tử - Có ≥ 15 cỡ - Đường kính có tối thiểu cỡ trong khoảng 39 - 40mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	11

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 107 - 144mm, chòm lưỡng cực 38 - 60mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu: Tivanium - Có ≥ 14 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 107 - 144mm - Góc cổ chuỗi 131 độ - Cổ chuỗi côn 12/14, loại cổ định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa - Cổ chuỗi dạng thuôn gọn 2. Chòm lưỡng cực - Vật liệu: hợp kim Cobalt Chrome, bên trong phủ Polyethylene - Đường kính trong có ≥ 2 cỡ, có tối thiểu cỡ 22.2mm, 28mm - Đường kính ngoài có ≥ 3 cỡ, trong khoảng 38 - 40mm - Đường kính ngoài có ≥ 20 cỡ, trong khoảng 40 - 60mm - Có khóa chòm bán phần và lớp lót bằng kim loại dạng vòng tròn 3. Chòm khớp - Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum - Đường kính ≥ 5 cỡ, tối thiểu có cỡ trong khoảng 22.2 - 44mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8
29	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài ≥ 200 mm, phủ HA và Titanium, dạng cổ rời, chòm lưỡng cực có cỡ 40 - 60mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ HA và Titanium - Chiều dài ≥ 200mm, trong đó có cỡ trong khoảng 280 - 300mm - Góc cổ thân: trong khoảng 125° - 135° - Số cỡ cổ: ≥ 3 cỡ - Dạng cổ rời - Thân chuỗi có ≥ 2 lỗ bắt vít 2. Chòm trong - Chất liệu thép không gỉ 3. Chòm lưỡng cực - Chất liệu: polyethylene, phủ ngoài thép không gỉ - Kích thước có tối thiểu cỡ trong khoảng 40 - 42mm 4. Vít - Đường kính ≥ 3mm, dài ≥ 30mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	18
30	Bộ khớp háng bán phần thay lại, phủ Titanium, chuỗi rời 3 thành phần	Bộ khớp háng bán phần thay lại 1. Chuôi- Chất liệu Hợp kim Titanium, phủ Titanium- Chuôi rời gồm đầu chuỗi, miếng nối và đuôi chuỗi. - Đuôi chuỗi dài ≥ 180mm- Đầu chuỗi dài ≥ 40mm- Góc cổ thân trong khoảng 125° - 135°- Số cỡ: ≥ 3 cỡ miếng nối, ≥ 3 cỡ đầu chuỗi 2. Chòm lưỡng cực- Vật liệu: CoCrMo- Có ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 38 - 40mm 3. Chòm- Vật liệu: CoCrMo Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
31	Bộ khớp háng toàn phần	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi	Bộ	23

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối có bờ chống trật, chuỗi Titanium-Niobium	- Chất liệu Titanium-Niobium, phủ HA toàn bộ - Chiều dài $\geq 120\text{mm}$, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 130mm - Có ≥ 10 cỡ với mỗi dạng chuỗi ngắn, trung bình, dài. 2. Chòm - Chất liệu Ceramic - Đường kính $\geq 32\text{mm}$, mỗi đường kính có ≥ 4 cỡ chiều dài cổ - Chòm 32mm từ ổ cối 46mm; 36mm từ ổ cối 50mm. 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium-Vanadium, phủ 2 lớp: Titanium và lớp Hydroxyapatite - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Bờ chống trật trên ổ cối $\geq 5^\circ$ 4. Miếng đệm - Chất liệu Ceramic 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 6.5mm, dài $\geq 15\text{mm}$, có ≥ 3 cỡ vít Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
32	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối gờ vây chống xoay	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ HA toàn bộ chuỗi - Có ≥ 7 cỡ - Chiều dài $\geq 120\text{mm}$, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 130mm - Có ≥ 12 cỡ cổ điều chỉnh $\geq 6^\circ$ góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau 2. Chòm - Chất liệu Ceramic thể hệ 4 - Mỗi đường kính có ≥ 3 cỡ chiều dài cổ 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium phủ plasma Titanium - Thiết kế: 3 vây cá chống xoay. - Cơ chế khóa lớp đệm bằng neo hình nón. 4. Miếng lót ổ cối - Chất liệu Ceramic thể hệ 4 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 7mm, dài ≥ 15, có ≥ 3 cỡ vít Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8
33	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối hình bán cầu	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi không xi măng- Chất liệu Titanium, phủ lớp HA toàn bộ chuỗi- Chiều dài trong khoảng 90 - 190mm, trong đó có cỡ khoảng 90 - 130mm- Góc cổ thân trong khoảng 130° - 135° 2. Chòm- Chất liệu Ceramic- Đường kính: có cỡ $\geq 32\text{mm}$, với 3 kích cỡ chiều dài cổ cho mỗi đường kính 3. Ổ cối- Chất liệu Titanium với lớp đệm chất liệu Ceramic- Có ≥ 11 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 40 - 42mm- Kích thước: ổ cối trong khoảng 42 - 48mm sử	Bộ	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		dụng chỏm 32mm; ổ cối từ 50mm trở lên sử dụng chỏm 36mm4. Miếng lót ổ cối- Chất liệu: BioloX Delta5. Vít- Chất liệu: Titanium- Đường kính khoảng 5 - 6.5mm; chiều dài từ ≥ 15 mm, có trong khoảng 3 - 4 cỡ; góc xoay $\geq 20^\circ$ Tiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
34	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối có nhiều chốt khóa chống xoay, chuỗi có khoảng cách trực thân và tâm chỏm loại thường và dài	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ Plasma Titanium - Có ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 120mm - Góc cổ thân trong khoảng $125^\circ - 135^\circ$ 2. Chỏm - Chất liệu Ceramic - Đường kính: ≥ 28 mm. Mỗi đường kính có tối thiểu 3 cỡ 3. Ổ cối - Chất liệu: Titanium, phủ Titanium và HA - Kích thước ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 40 - 44mm - Thiết kế: có ≥ 10 chốt khóa chống xoay 4. Miếng lót ổ cối bằng ceramic 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 7mm - Dài ≥ 15 mm, có trong khoảng 3 - 4 cỡ vít Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
35	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối và chuỗi phủ HA	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium phủ HA toàn phần - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 100 - 120mm - Góc cổ thân trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$ 2. Chỏm - Chất liệu Ceramic - Có ≥ 3 cỡ cho mỗi đường kính - Chỏm 32mm với miếng lót 46mm, chỏm 36mm với miếng lót 50mm 3. Ổ cối - Chất liệu: Titanium, phủ HA - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 44 - 46mm - Có ≥ 2 lỗ vít ổ cối 4. Miếng lót ổ cối - Chất liệu Ceramic 5. Vít ổ cối - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 7mm - Dài ≥ 15 mm, có khoảng 4 - 5 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30
36	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng,	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng1. Chuôi:- Chất liệu Titanium, phủ Calcium Phosphate (CaP)- Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 80 - 100mm - Góc cổ thân trong	Bộ	30

Handwritten signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	chòm ceramic miếng lót polyethylene, chòm ceramic zirconia	khoảng 130° - 135°2. Chòm:- Chất liệu Ceramic Zirconia - Có ≥ 3 cỡ với mỗi đường kính3. Ổ cối: - Chất liệu Polyethylene chứa vitamin E, phủ Titanium- Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 42 - 44mm - Có ≥ 4 lỗ bắt vít4. Miếng lót ổ cối:- Chất liệu Polyethylene với Vitamin E- Ổ cối và miếng lót nguyên khối- Bờ chống trật: khoảng 8° - 10°5. Vít: - Chất liệu Titanium- Đường kính khoảng 3 - 5mm- Dài ≥ 20mm, có ≥ 3 cỡ vítTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
37	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót polyethylene, chuỗi phủ toàn bộ calcium phosphate, miếng lót có chốt định tâm	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ toàn bộ Calcium Phosphate - Có ≥ 6 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 110 - 130mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc, rãnh ngang - Góc cổ thân trong khoảng 125° - 130° 2. Chòm - Chất liệu Ceramic - Đường kính ≥ 28mm, mỗi đường kính có ≥ 3 cỡ 3. Ổ cối - Chất liệu bằng hợp kim Titanium - Cấu trúc tổ ong dày trong khoảng 150µm - 200µm, phủ ngoài lớp HA - Có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 44 - 46mm 4. Miếng lót - Chất liệu nhựa siêu bền - Bờ chống trật cao ≥ 7mm - Ổ giữa có chốt định tâm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
38	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic miếng lót Polyethylene, cổ chuỗi dạng rời chỉnh ≥ 6°, miếng lót có Vitamin E có bờ chống trật	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn bộ chuỗi - Có ≥ 8 cỡ - Chiều dài trong khoảng 110 - 187mm, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 130mm - Góc cổ thân trong khoảng 125° - 135° - Cổ chuỗi dạng cô rời, cổ điều chỉnh ≥ 6° góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau 2. Chòm - Chất liệu Ceramic - Đường kính có cỡ ≥ 32mm, mỗi đường kính có ≥ 3 cỡ 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium - Có ≥ 8 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Thiết kế: 3 vây cá chống xoay. Cơ chế khóa lớp đệm bằng neo hình nón 4. Miếng lót ổ cối - Chất liệu Polyethylene có chứa Vitamin E - Bờ chống trật ≥ 5° 5. Vít	Bộ	6

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 7mm - Dài ≥ 15mm, có 3 - 4 cỡ vít Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
39	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic miếng lót Polyethylene, ổ cối nhiều chốt khóa chống xoay, chuỗi 100 - 150mm, miếng đệm có vitamin E và chống trật $\geq 15^\circ$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi- Chất liệu Titanium, phủ Titanium - Có ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 120mm- Góc cổ thân trong khoảng $125^\circ - 130^\circ$ 2. Chòm- Chất liệu Ceramic- Có ≥ 3 cỡ- Đường kính ≥ 28 mm 3. Ổ cối- Chất liệu Titanium, phủ Titanium Plasma và phủ HA - Kích thước ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Các lỗ bắt vít có nút chặn- Có ≥ 10 chốt khóa chống xoay 4. Miếng lót ổ cối Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử bổ sung vitamin E- Bờ chống trật $\geq 15^\circ$ 5. Vít- Chất liệu Titanium- Đường kính khoảng 5 - 7mm- Dài ≥ 15 mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
40	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic miếng lót Polyethylene, ổ cối và miếng lót có bờ chống trật, chuỗi Titanium-Niobium	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium-Niobium và phủ lớp HA - Chiều dài trong khoảng 110 - 168mm, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 125mm - Thiết kế: Thân rãnh dọc, rãnh ngang; - Góc cổ thân: trong khoảng $125^\circ - 135^\circ$ - Có ≥ 10 cỡ cổ ngắn, trung bình 2. Chòm - Chất liệu Ceramic - Mỗi đường kính chòm có ≥ 4 cỡ - Chòm 32mm từ ổ cối 46mm; 36mm từ ổ cối 50mm; 40mm từ ổ cối 56mm 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium-Vanadium, phủ Titan dày và lớp HA - Cỡ nhỏ nhất trong khoảng 42 - 44mm - Bờ chống trật trên ổ cối $\geq 5^\circ$ 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử liên kết chéo - Bờ chống trật tối thiểu 10° 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 6 - 7mm, dài trong khoảng 20 - 45mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	38
41	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic miếng lót Polyethylene,	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ HA toàn bộ chuỗi - Chiều dài có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 130mm - Góc cổ thân trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$	Bộ	38

Đovan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	vành ổ cối có đỉnh cố định chống lật và chống xoay	2. Chôm - Chất liệu Ceramic 3. Ổ cối - Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, phủ Titanium, HA - Có ≥ 2 cỡ, có tối thiểu cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Vành có ≥ 5 gai cố định chống lật và xoay 4. Miếng lót - Chất liệu polyethylene cao phân tử - Miếng lót và chôm lắp sẵn với nhau, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, chôm chuyển động bên trong lớp đệm, tạo thành chuyển động kép. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
42	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chôm CobaltChrome miếng lót Polyethylene, chuôi phủ Titanium, ổ cối 40 - 68mm	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi- Chất liệu Titanium, phủ Titanium nguyên chất, lớp ngoài phủ HA - Có ≥ 10 cỡ- Chiều dài trong khoảng 110 - 175mm, trong đó có cỡ khoảng 110 - 120mm - Góc cổ thân khoảng 125° - 145°- Có dạng có và không có viên cổ 2. Chôm- Chất liệu CobaltChrome (CoCr)- Kích thước: Có tối thiểu 4 cỡ với mỗi đường kính 3. Ổ cối- Chất liệu Titanium- Kích thước trong khoảng 40 - 68mm, trong đó có cỡ trong khoảng 40 - 42mm- Có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt 4. Miếng lót - Chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene- Có bờ chống trật $\geq 20^{\circ}$, có loại thường và loại có viên bổ sung khoảng 4 - 5mm bên ngoài 6. Vít ổ cối- Chất liệu Titanium- Dài ≥ 15 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	11
43	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chôm CobaltChromMolybden miếng lót Polyethylene kết hợp Vitamine E, chuôi phủ CaP, ổ cối khoảng 40 - 42mm	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 100 - 120mm - Góc cổ thân trong khoảng 130° - 135° 2. Chôm - Chất liệu CobaltChromMolybden - Có tối thiểu 4 cỡ cho mỗi đường kính 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium, phủ CaP - Có ≥ 5 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 40 - 42mm, có ≥ 3 lỗ bắt vít 4. Miếng lót ổ cối - Chất liệu polyethylene siêu cao phân tử kết hợp Vitamine E - Bờ chống trật khoảng $\geq 5^{\circ}$ 5. Vít - Chất liệu Titanium - Kích thước ≥ 15mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	15

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
44	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Ceramic miếng lót Polyethylene, ổ cối bán cầu bằng Titanium	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu: Titanium, phủ lớp HA toàn bộ bề mặt thân chuôi - Chiều dài trong khoảng 90 - 190mm, trong đó có cỡ khoảng 90 - 130mm - Thiết kế chuôi: Có các rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa - Góc cổ thân: trong khoảng 130° - 135° 2. Chỏm - Chất liệu: Delta Ceramic - Đường kính: có cỡ ≥ 32mm, với 3 kích cỡ chiều dài cổ cho mỗi đường kính. 3. Ổ cối - Chất liệu: Titanium, bề mặt phun plasma Titanium nhám và lớp HA - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 42 - 44mm - Thiết kế: Đỉnh vòm chén phẳng. Có ≥ 3 lỗ bắt vít - Kích thước: ổ cối trong khoảng 42 - 48mm sử dụng chỏm 32mm; ổ cối từ 50mm trở lên sử dụng chỏm 36mm 4. Miếng lót ổ cối - Chất liệu: Polyethylen liên kết chéo - Có bờ chống trật ≥ 15 độ 5. Vít: - Chất liệu: Titanium - Đường kính khoảng 5 - 6.5mm; chiều dài ≥ 15mm, có trong khoảng 3 - 4 cỡ; góc xoay ≥ 20 độ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	23
45	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm hợp kim CoCrMo, miếng lót Polyethylene	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi- Chất liệu Titanium, phủ lớp HA toàn bộ chuôi- Chiều dài trong khoảng 90 - 190mm, trong đó có cỡ khoảng 90 - 130mm- Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa chống xoay- Góc cổ thân khoảng 130° - 135° 2. Chỏm:- Chất liệu Hợp kim CoCrMo- Đường kính: ≥ 22mm 3. Ổ cối:- Chất liệu Hợp kim CoCrMo, phủ HA- Có ≥ 10 cỡ, cỡ nhỏ nhất 42mm- Ổ cối in được 3D, dạng chuyển động đôi 4. Miếng lót ổ cối:- Chất liệu Polyethylen siêu cao phân tử Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
46	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, chuyển động đôi, có ≥ 1 quai bắt vít trên bờ ổ cối	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi xương đùi - Chất liệu: Hợp kim Titanium, phủ Titanium và Hydroxyapatite - Có rãnh chống lún mỗi bề mặt trước và sau - Góc cổ thân trong khoảng 125 - 135 độ - Chiều dài có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 140mm 2. Ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium Hydroxyapatite	Bộ	15

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 40 - 44mm - Trên vành ổ cối có ≥ 1 quai bắt vít phía trên bờ ổ cối hướng về xương chậu và ≥ 2 lỗ vít bên trong ổ cối tại vị trí xương mu và xương ngồi - Ổ cối được thiết kế theo kiểu chuyển động đôi 3. Chôm - Chất liệu thép không gỉ 4. Lót ổ cối - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử 5. Vít bắt bờ ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính khoảng 4 - 6mm. Chiều dài ≥ 20mm, có ≥ 4 cỡ vít Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
47	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chôm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, chuyển động đôi, có 2 quai bắt vít trên bờ ổ cối	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi xương đùi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ 1 lớp Hydroxyapatite - Góc cổ thân 130 độ. - Chiều dài có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 120mm 2. Ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium và lớp Hydroxyapatite - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 40 - 44mm - Ổ cối thiết kế chuyển động kép - Vành ổ cối có 2 quai mỗi quai bắt 2 vít và 1 móc cố định nằm sau bờ ổ cối, 2 vít bên trong ổ cối . 3. Chôm - Chất liệu: thép không gỉ 4. Lót ổ cối - Chất liệu Polyethylene cao phân tử 5. Vít ổ cối tự taro - Chất liệu - Đường kính khoảng 4 - 5mm. Chiều dài ≥ 20mm có ≥ 5 cỡ vít Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	6
48	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chôm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, ổ cối có cỡ 44 - 60mm	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ Titanium và phủ lớp hydroxyapatite - Chiều dài có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 120 - 130mm - Góc cổ thân trong khoảng 130° - 135° 2. Chôm - Chất liệu thép không gỉ 3. Ổ cối: - Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, lớp bên dưới phủ Titanium, lớp trên phủ Hydroxyapatite toàn phần - Có ≥ 2 cỡ, có tối thiểu cỡ 44mm - Thiết kế: vành ngoài ổ cối có ≥ 4 đinh cố định chống xoay;	Bộ	23

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		đỉnh ổ cối có ≥ 3 đỉnh chống lật và xoay 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Thiết kế: miếng lót và chỏm được đóng thành 1 khối, dạng chuyển động đôi, lớp đệm chuyển động trong ổ cối và chỏm chuyển động trong lớp đệm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
49	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm và lớp đệm Zirconia	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi- Chất liệu: hợp kim Ti6Al7Nb- Lớp phủ: 2 lớp Titanium và Hydroxyapatite - Chiều dài có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 110 - 120mm - Góc cổ chuôi: trong khoảng 125 - 135 độ 2. Chỏm- Chất liệu: hỗn hợp Alluminium, Zirconia- Mỗi đường kính có ≥ 4 cỡ chiều dài cổ 3. Ổ cối - Chất liệu: hợp kim Ti6Al4V- Kích cỡ: ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 42 - 44mm - Ổ cối 44mm sử dụng chỏm 32mm 4. Lớp đệm - Chất liệu: hỗn hợp Oxyde Alumina, Zirconia 5. Vít ổ cối- Chất liệu Titanium- Đường kính khoảng 5 - 6.5mm, dài: ≥ 15 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
50	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Zirconium, ổ cối nguyên khối	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu: Ti6Al4V, toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ lớp HA - Có ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 130mm 2. Chỏm: - Chất liệu: Hợp kim Aluminium - Zirconium - Có ≥ 3 cỡ với mỗi đường kính 3. Ổ cối - Chất liệu: Polyethylene HXPLE liên kết chéo cao có vitamin E, phủ TiCP - Có ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ 42mm - Thiết kế: Ổ cối nguyên khối có ≥ 3 lỗ bắt vít; - Chống trật: ≥ 10 độ 4. Vít: - Chất liệu: Titanium - Đường kính khoảng 3 - 5mm với chiều dài ≥ 20 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
51	Bộ khớp háng toàn phần chuyển động đôi Dual Mobility COP Chuôi UTF-reduced	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu: Ti6Al4V, phun Titanium Plasma nhám. - Có ≥ 14 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 130mm - Góc cổ thân có tối thiểu cỡ 130 độ 2. Chỏm: - Chất liệu: Ceramic Biolox Delta - Có ≥ 2 cỡ, có tối thiểu cỡ 22.2mm, 28mm 3. Ổ cối - Chất liệu: mặt ngoài bằng Titanium Plasma, mặt trong lớp CoCr	Bộ	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Dạng bất đối xứng, có gờ vát nhẵn dày thêm 3mm - Ổ cối ≥ 14 cỡ, trong khoảng 42mm - 68mm, mỗi bước tăng 2mm 4. Lớp lót chuyển động đôi - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử - Gờ trong: vát 65°, biên độ vận động lên $> 180^\circ$ - Có ≥ 12 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
52	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic miếng lót Polyethylene, ổ cối bán cầu bằng Tivanium	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu: Tivanium - Có ≥ 14 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 107 - 144mm - Góc cổ chuôi 131° - Cổ chuôi côn 12/14, loại cổ định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa - Cổ chuôi dạng thuôn gọn 2. Chòm: - Chất liệu: BioloX delta ceramic- Có ≥ 3 cỡ với mỗi đường kính- Đường kính ≥ 3 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 28 - 40mm 3. Ổ cối dạng bán cầu- Chất liệu: hợp kim Tivanium, phủ lớp titanium- Có ≥ 12 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 44 - 68mm- Thiết kế: Ổ cối nguyên khối có ≥ 3 lỗ bắt vít, 12 gờ chống xoay 4. Miếng lót ổ cối- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử có phủ Vitamin E- Đường kính ngoài: trong khoảng 40 - 80mm, mỗi bước tăng 2mm- Đường kính trong: trong khoảng 22 - 36mm, mỗi bước tăng 4mm- Có gờ chống trật $\geq 15^\circ$ 5. Vít tự taro- Đường kính khoảng 4 - 6.5mm- Chiều dài ≥ 15 mm, tối thiểu ≥ 4 cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8
53	Bộ khớp háng toàn phần thay lại, không xi măng, ổ cối phủ nhám Titanium có móc và tai gắn vào xương, chuôi Hợp kim Titanium Alloy	Bộ khớp háng toàn phần thay lại 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium Alloy - Chiều dài ≥ 250 mm - Góc cổ thân khoảng $125^\circ - 130^\circ$ - Cổ xương đùi tùy chỉnh hướng 360° , dài ≥ 50 mm - Dạng hoa khế, cong có vít chốt 2. Chòm - Chất liệu Ceramic BioloX Delta - Đường kính khoảng 28 - 32mm 3. Ổ cối - Chất liệu phủ nhám Titanium - Kích cỡ ≥ 44 mm - Ổ cối phía trong có khuyên hãm và vít chốt an toàn - Có 2 móc dài ≥ 45 mm 4. Lớp đệm - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Chống trật $\geq 20^\circ$ 5. Vít - Chất liệu Titanium - Kích thước: ≥ 15 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
54	Bộ khớp quay lõi cầu ngoài nhân tạo không xi măng	Bộ khớp quay lõi cầu ngoài nhân tạo không xi măng 1. Chòm quay - Chất liệu Titanium và PE - Kích cỡ: trong khoảng 15 - 25mm 2. Cổ lưỡng cực - Chất liệu Titanium phủ lớp TiNbN - Hình cầu, chuyển động tự do $\geq 10^\circ$ 3. Chuôi xương quay - Chất liệu Titanium - Có ≥ 7 cỡ - Không xi măng, hình nón Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
55	Bộ khớp thang bàn ngón cái, chuyển động đôi	Bộ khớp thang bàn ngón cái 1. Chuôi- Chất liệu Titanium, phủ Titanium và HA- Đường kính $\geq 7\text{mm}$- Chiều dài $\geq 20\text{mm}$- Tiết diện có 3 thùy 2. Cổ- Chất liệu thép không gỉ- Đường kính: khoảng 3 - 4mm- Chiều cao: có 3 cỡ $\geq 6\text{mm}$- Dạng thẳng- Độ lệch khoảng $10^\circ - 15^\circ$ 3. Ổ cối- Chất liệu thép không gỉ, phủ Titanium và HA- Đường kính: khoảng 8 - 11mm- Chuyển động đôi 4. Miếng lót ổ cối- Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
56	Bộ khớp vai toàn phần nhân tạo dạng ngược không xi măng, Titanium	Bộ khớp vai toàn phần nhân tạo 1. Chuôi cánh tay không xi măng: - Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính $\geq 12\text{mm}$ - Chiều dài $\geq 120\text{mm}$ 2. Đầu cánh tay với vít khóa - Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính: $\geq 40\text{mm}$ 3. Ổ chảo: - Chất liệu Titanium (Ti6Al4V) phủ HA và Titanium - Chất liệu bên trong chòm: CoCrMo và Ti6Al4V 4. Phần đệm ổ chảo - Chất liệu Polyethylene cao phân tử/ thép không gỉ - Kích thước khoảng 32 - 38mm 5. Vít xương: - Chất liệu Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính khoảng 6 - 7mm - Dài $\geq 20\text{mm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	9
57	Bộ kit chiết tách tế bào gốc từ máu tủy xương	Bộ kit chiết tách tế bào gốc từ máu tủy xương - Chiều dài kim $\geq 45\text{mm}$ - Thể tích đầu ra $\geq 25\text{ml}$ - Có thể chiết tách $\geq 150\text{ml}$ máu - Nồng độ tế bào gốc trung mô và tế bào gốc máu tăng gấp ≥ 5 lần so với máu tủy xương Tiệt khuẩn	Bộ	23

Dr. Amel

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
58	Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu	Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu 1. Kit chiết tách keo Fibrin giàu tiểu cầu 2. Kit trộn bơm keo với đầu vòi nội soi - Điều chế $\geq 5\text{ml}$ keo Fibrin giàu tiểu cầu - Nồng độ Fibrin $\geq 15\text{mg/ml}$ - Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong ≥ 5 giờ sau khi chiết tách Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
59	Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phối	Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phối 1. Kit chiết tách keo Fibrin giàu tiểu cầu 2. Kit trộn - bơm keo có kênh đồng phân phối - Điều chế $\geq 5\text{ml}$ keo Fibrin giàu tiểu cầu - Nồng độ Fibrin $\geq 15\text{mg/ml}$ - Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong ≥ 5 giờ sau khi chiết tách 3. Kênh đồng phân phối kết hợp cùng các loại thuốc (kháng sinh, hóa trị liệu) và các tế bào gốc (nguồn gốc tủy xương, nguồn gốc mô mỡ) trong quá trình phun keo Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	12
60	Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu Bao gồm:- 1 xi lanh 2 thân- 1 bít xi lanh dạng khóa Luer- 1 ga-ro cầm máu bằng cao su y tế không latex- 1 miếng gạc tẩm cồn- 1 bộ kim truyền- 1 miếng gạc, 2inch x 2inch- 1 băng cứu thương- 2 miếng dán nhãn tên bệnh nhân Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	45
61	Bộ nẹp cố định ngoài dùng cố định xương gãy bên ngoài, chỉnh hình xương bằng hợp kim nhôm/thép không gỉ/Titanium	Bộ nẹp cố định ngoài dùng cố định xương gãy bên ngoài, chỉnh hình xương 1. Chất liệu nẹp bằng hợp kim nhôm hoặc thép không gỉ hoặc Titanium - Thân nẹp ≥ 3 cỡ 2. Kẹp đỉnh thẳng 3. Bộ điều chỉnh nén ép - kéo giãn 4. Khớp nối 5. Đinh Steinmann đường kính thân đinh khoảng 4.0 - 5.5mm, dài $\geq 150\text{mm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	8
62	Bộ nẹp cố định ngoài dùng cho đầu xương bằng hợp kim nhôm/thép	Bộ nẹp cố định ngoài dùng cho đầu xương 1. Chất liệu nẹp bằng hợp kim nhôm hoặc thép không gỉ hoặc Titanium - Thân nẹp ≥ 3 cỡ 2. Kẹp đỉnh thẳng	Cái	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	không gi/Titanium	3. Bộ điều chỉnh nén ép kéo giãn 4. Khớp nổi 5. Kẹp chữ T hoặc Kẹp hành xương hoặc Kẹp cổ chân hoặc Kẹp gấp góc 6. Đinh Steinmann đường kính thân đinh trong khoảng 4.0 - 5.5mm, dài $\geq$ 150mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
63	Bộ vòng treo cổ định gọng chày mác điều chỉnh được, chỉ siêu bền	Bộ vòng treo cổ định gọng chày mác điều chỉnh được dùng trong phẫu thuật ổn định gọng chày mác, gãy mắt cá 1. Vòng treo bằng chỉ siêu bền 2. Nút chốt bằng Titanium hoặc thép không gỉ, kích thước trong khoảng (3.5 - 4mm) x (13 - 14mm), tròn có đường kính khoảng 6 - 7mm 3. Cây vít luồn vòng treo 4. Mũi khoan đặc 5. Mũi khoan rộng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	6
64	Cây đẩy chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay	Bộ kim và kẹp thu chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay - Chất liệu: Nitinol - Kim tròn, uốn cong sẵn. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	45
65	Cây móc chỉ nội soi khớp, cong 45°	Cây móc chỉ nội soi dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không gỉ, dây luồn bằng Nitinol - Kích thước: dài $\geq$ 250mm - Cán đẩy chỉ cong trái hoặc phải 45 độ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	18
66	Cây móc chỉ nội soi khớp, cong 90°	Cây móc chỉ nội soi dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không gỉ và dây luồn bằng Nitinol - Kích thước: dài $\geq$ 250mm - Cán đẩy chỉ cong trái hoặc phải 90 độ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	17
67	Chỉ bản dệt đa sợi siêu bền, rộng 2 →	Chỉ bản dệt đa sợi siêu bền dùng để khâu gân, mô mềm trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình hoặc tăng cường độ chắc trong phẫu thuật nội soi tái tạo gân, dây chằng các loại	Cái	75

Đovan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	5mm; chiều dài ≥ 80 cm	- Chất liệu: Polyethylen cao phân tử UHWMPE - Kích thước: rộng từ 2mm đến 5mm; dài ≥ 80 cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
68	Chỉ khâu đa sợi dùng trong nội soi khớp vai và gối, không kim	Chỉ khâu đa sợi dùng trong nội soi khớp vai và gối, không kim- Chất liệu lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE- Đường kính khoảng 2 - 2.5mm- Chiều dài ≥ 80 cm- Chỉ dẹt và được bọc 2 đầu bằng chỉ tròn. Chỉ có 2 màu giúp dễ dàng phân biệt Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	135
69	Chỉ khâu đa sợi liền kim, chất liệu Polyethylene, lực kéo ≥ 150 N	Chỉ khâu đa sợi liền kim - Chất liệu Polyethylen cao phân tử - Dài ≥ 80 cm, 2 sợi chỉ bên - Lực kéo ≥ 150 N - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài ≥ 25 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	270
70	Chỉ khâu đa sợi liền kim, Polyethylen cao phân tử, kim số 3	Chỉ khâu đa sợi liền kim dùng trong nội soi khớp vai và gối - Chất liệu Polyethylen khối lượng phân tử siêu cao - Dài khoảng 78 - 80cm - 1 kim số 3 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	240
71	Chỉ khâu đa sợi tiêu chậm bằng Polyethylene, dài ≥ 90 cm	Chỉ khâu đa sợi tiêu chậm dùng trong nội soi khớp - Chất liệu: bằng Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE - Dài ≥ 90 cm - Lực tải ≥ 350 N - 1 kim tròn bằng thép không gỉ, dài ≥ 25 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	743
72	Chỉ khâu siêu bền, lực kéo ≥ 550 N/mm ²	Chỉ khâu siêu bền - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử siêu bền - Kích thước: bề rộng chỉ ≥ 1.5 mm - Thiết kế: 2 màu, lực kéo ≥ 550 N/mm ² Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	300
73	Chỉ khâu sụn viên không nút thắt	Chỉ khâu sụn viên không nút thắt - Chất liệu: BioComposite tự tiêu - Kích thước: rộng x dài: trong khoảng (2.5 - 3mm) x (10 - 15mm) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
74	Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuôi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E	Bộ khớp gối toàn phần thay lại 1. Lõi cầu - Chất liệu Cobalt Chrome - Có ≥ 5 cỡ, dày khoảng 8 - 9mm - Chuôi nối dài lòng tùy có 2 dạng: thẳng, cong, chiều dài $\geq 30\text{mm}$, có ≥ 4 cỡ chiều dài chuôi. Đường kính $\geq 10\text{mm}$, có ≥ 6 cỡ đường kính chuôi - Gắn được miếng ghép có độ dày từ 5mm đến 15mm - Góc gấp tối đa $\geq 130^\circ$ - Độ xoay trong ngoài $\geq 10^\circ$ 2. Mâm chày - Chất liệu Titanium - Có ≥ 5 cỡ - Chuôi nối dài lòng tùy có 2 dạng: thẳng, cong, chiều dài $\geq 30\text{mm}$, có ≥ 4 cỡ chiều dài chuôi. Đường kính $\geq 10\text{mm}$, có ≥ 6 cỡ đường kính chuôi. - Gắn được miếng ghép có độ dày từ 5mm đến 10mm 3. Miếng đệm - Chất liệu Polyethylene liên kết chéo bổ sung vitamin E - Kích thước: Bề dày từ 8mm, có ≥ 6 cỡ bề dày 4. Bánh chè - Chất liệu: Polyethylene liên kết chéo - Thiết kế bánh chè dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng 5. Xi măng Tương thích với "Chuôi nối dài xương chày" hoặc "Chuôi nối dài xương đùi" hoặc "Đầu chuyển trực trong khớp gối thay lại" hoặc "Miếng ghép bù xương mâm chày" hoặc "Miếng ghép bù xương phía sau lõi cầu đùi" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30
75	Chuôi nối dài xương chày	Chuôi nối dài xương chày giúp tăng độ vững cho khớp gối thay lại - Chất liệu hợp kim Titanium - Chuôi dạng thẳng: chiều dài $\geq 30\text{mm}$, ít nhất có 4 cỡ và có cỡ trong khoảng 100 - 150mm - Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuôi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	38
76	Chuôi nối dài xương đùi	Chuôi nối dài xương đùi giúp tăng độ vững cho khớp gối thay lại - Chất liệu hợp kim Titanium - Chuôi dạng thẳng: chiều dài $\geq 30\text{mm}$, có tối thiểu 4 cỡ và trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 150mm - Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuôi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30

Donu

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
77	Đầu chuyển trực trong khớp gối thay lại	Đầu chuyển trực trong khớp gối thay lại dùng trong trường hợp mất móc giải phẫu hoặc biến dạng xương - Chất liệu bằng hợp kim Titanium - Dạng hình nêm - Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lè, có Vitamin E" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
78	Miếng ghép bù xương mâm chày	Miếng ghép bù xương mâm chày sử dụng cho trường hợp lõi cầu bị mất xương, bù xương cho lõi cầu sau - Chất liệu hợp kim Titanium - Có ≥ 3 cỡ, dày khoảng 5 - 15mm - Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lè, có Vitamin E" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
79	Miếng ghép bù xương phía sau lõi cầu đùi	Miếng ghép bù xương phía sau lõi cầu đùi dùng cho trường hợp lõi cầu bị mất xương, bù xương cho lõi cầu sau - Chất liệu bằng Cobalt Chrome - Có ≥ 3 cỡ, dày trong khoảng 5 - 15mm - Tương thích với "Bộ khớp gối toàn phần thay lại, chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lè, có Vitamin E" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
80	Dao đục sụn có đầu gấp góc, chiều dài lưỡi 20 - 25cm	Dao đục sụn có đầu gấp góc - Chiều dài lưỡi: khoảng 20 - 25cm - Độ sâu thâm nhập sụn: trong khoảng 8 - 10mm; độ rộng thâm nhập sụn: trong khoảng 4 - 6mm ² - Có 2 loại lưỡi đục cong và thẳng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
81	Dây bơm nước có kèm hộp điều khiển	Dây bơm nước có kèm hộp điều khiển dùng bơm rửa phẫu trường nội soi gối và vai - Chất liệu nhựa - Lưu lượng nước tối đa $\geq 2.5\text{L/phút}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
82	Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy	Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy - Chất liệu Polyvinyl Chloride - Dài $\geq 3\text{m}$	Cái	180

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tương thích máy bơm nước 10k Pump của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
83	Dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp	Dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp - Chiều dài dây nước tính từ máy > 3.5m - Có khóa trên thân để điều chỉnh chiều dài dây - Tương thích với máy FloControl Arthroscopy Pump của Bệnh viện Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	345
84	Dây dẫn dịch vào khớp, dài ≥ 3m, áp lực 200 - 220mmHg	Dây dẫn dịch vào khớp - Chất liệu: nhựa - Dài ≥ 3m - Tốc độ tối đa đạt ≥ 2L/phút, áp lực dòng chảy tối đa đạt ≥ 200mmHg. Tự cân bằng áp suất và nhận ra sự gián đoạn đột ngột trong dòng chảy. Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
85	Đinh Kirschner một hoặc hai đầu nhọn	Đinh Kirschner một hoặc hai đầu nhọn - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính có tối thiểu 3 cỡ trong khoảng 1.0 - 2.5mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 150mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	825
86	Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn	Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn - Tay cầm đục sụn, dài trong khoảng 20 - 25cm, chiều dài phần gập góc trong khoảng 1.5 - 2cm - Tay bẩy dùng rút lưỡi dao cắt sụn Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3
87	Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng chéo trước, đường kính 7 - 9mm	Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng chéo trước- Chất liệu: Polyethylene Terephthalate, các sợi Polyester dọc song song có độ bền cao khoảng ≥ 2000N- Đường kính khoảng 7 - 9mm, dài ≥ 700mm- Khung đỡ bằng sợi dệt Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
88	Gân nhân tạo cố định trật khớp cùng đòn	Gân nhân tạo neo cổ định trật khớp cùng đòn - Chất liệu: Polyethylene Terephthalate (Polyester) - Dây chằng neo nhân tạo: đường kính khoảng 7 - 8mm, chiều dài ≥ 200mm - Chốt khóa neo: rộng x dài: trong khoảng (4 - 5mm) x (10 - 15mm) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3
89	Gân nhân tạo các cỡ sử dụng	Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng - Chất liệu: Polyethylene Terephthalate (Polyester)	Cái	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	trong tái tạo dây chằng chéo, đường kính 4 - 10mm	- Đường kính khoảng 4 - 10mm, chiều dài trong khoảng 230 - 475 mm - Số lượng sợi nhỏ trong 1 gân: 20 - 160 - Tương thích với "Vít chốt cố định gân, đường kính 4.5 - 10mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
90	Vít chốt cố định gân, đường kính 4.5 - 10mm	Vít chốt cố định gân - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính trong khoảng 4.5 - 10mm - Chiều dài trong khoảng 15 - 60 mm - Tương thích với "Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng chéo, đường kính 4 - 10mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
91	Khóa thép với miếng đệm Titanium	Khóa thép không gỉ với miếng đệm bằng Titanium - Đường kính khoảng 1.2 - 1.5mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	38
92	Khớp bàn ngón tay	Khớp bàn ngón tay - Chất liệu Silicone - Kích cỡ: ≥ 6 cỡ - Dạng bản lề - Độ uốn cong/mở rộng hoàn toàn của khớp: $\geq 90^\circ$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
93	Bộ khớp gối bán phần, hợp kim CoCrMo, dày ≥ 8 mm	Bộ khớp gối bán phần 1. Bán cầu đùi: hợp kim CoCrMo, có ≥ 4 cỡ mỗi bên trái phải 2. Lốp đệm: nhựa PE cao phân tử, kiểu cố định, độ dày ≥ 8 mm, có ≥ 5 cỡ 3. Mâm chày bán phần: hợp kim CoCrMo, có ≥ 5 cỡ mỗi bên trái phải 4. Xi măng có kháng sinh Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	11
94	Bộ khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương	Bộ khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương 1. Phần xương đùi - Chất liệu Cobalt Chromium Alloy - Số cỡ: ≥ 4 cỡ 2. Phần xương chày - Chất liệu Cobalt Chromium Alloy - Dày ≥ 8 mm, có ≥ 4 cỡ - Thiết kế đối xứng dùng được cho cả ngăn trong và ngăn ngoài 3. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	27

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
95	Bộ khớp gối với phần lõi cầu bán rộng	Bộ khớp gối với phần lõi cầu bán rộng - Chất liệu: CoCrMo, Titanium và UHMWPE - Kích cỡ mâm chày: 2(56mm)/ 4(61mm)/ 6(66mm)/ 8(71mm)/ 10(76mm). - Chiều dài lõi cầu: 70mm, có khớp nối với chuỗi khớp cố định ống tủy. - Size Mâm chày tương thích với size lõi cầu: 2/4/6/8/10 . - Đệm mâm chày cao: 9mm. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2
96	Bộ khớp gối với phần mâm chày bán rộng	Bộ khớp gối với phần mâm chày bán rộng- Chất liệu: CoCrMo, Titanium và UHMWPE- Kích cỡ mâm chày: 2(58mm)/ 4(64mm)/ 6(70mm)/ 8(76mm)/ 10(82mm). - Chiều dài mâm chày: 62mm, có khớp nối với chuỗi khớp cố định ống tủy. - Size Lõi cầu tương thích với size mâm chày: 2/ 4/ 6/ 8/ 10 . - Đệm mâm chày cao: 9mm.Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2
97	Khớp liên đốt gần ngón tay	Khớp liên đốt gần ngón tay - Chất liệu Silicone - Có ≥ 4 cỡ - Dạng bán lẻ - Độ uốn cong/mở rộng hoàn toàn của khớp: $\geq 90^\circ$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
98	Bộ khớp vai bán phần có xi măng, chuỗi Titanium	Bộ khớp vai bán phần có xi măng 1. Chuỗi cánh tay có xi măng - Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính ≥ 11 mm, có ≥ 4 cỡ đường kính - Chiều dài khoảng 80 - 120mm, có ≥ 3 cỡ chiều dài 2. Đầu cánh tay với vít khoá - Chất liệu: hợp kim Titanium 3. Chòm: - Chòm và giá đỡ khóa: chất liệu hợp kim CoCrMo/titanium - Đường kính ≥ 40 mm, có ≥ 3 cỡ 4. Xi măng có kháng sinh Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2
99	Lưỡi bào khớp nội soi đường kính 2.5 - 4mm	Lưỡi bào khớp nội soi khớp dùng để cắt mô, sụn - Đường kính có tối thiểu 3 cỡ trong đó có cỡ khoảng 2.5 - 4mm - Chiều dài ≥ 80 mm - Loại đầu có nhiều răng cưa, trơn và răng cưa bán phần Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	128
100	Lưỡi bào khớp nội soi, đường kính ≥ 4.5 mm	Lưỡi bào khớp nội soi dùng bào cắt lọc mô xơ, sụn - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính ≥ 4.5 mm, có tối thiểu 3 cỡ	Cái	270

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Lưỡi bào có răng/ không răng, có ≥ 6 thiết kế đầu cắt Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
101	Lưỡi bào khớp nội soi, đường kính $\geq 4.0\text{mm}$	Lưỡi bào khớp nội soi - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính $\geq 4.0\text{mm}$, có tối thiểu 3 cỡ. Dài $\geq 12\text{cm}$ - Tốc độ tối đa trong khoảng 6000 - 8000 vòng/phút - Tương thích máy bào Arthrex của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	165
102	Lưỡi bào xương ngược chiều dùi trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo tất cả bên trong	Lưỡi bào xương ngược chiều dùi trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo tất cả bên trong - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính từ 5mm đến 12mm (bước tăng 0.5mm) - Thiết kế: Ở trạng thái thẳng, lưỡi bào dùi để tạo lỗ khoan dẫn đường đường kính khoảng 3 - 4mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
103	Lưỡi bào xương ngược chiều rộng nông	Lưỡi bào xương ngược chiều rộng nông - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính từ 7mm đến 12mm, bước tăng 0.5mm, lưỡi cắt có thể thu vào - Rộng nông, có mũi khoan dẫn đường đường kính khoảng 2 - 3mm và cây rút chỉ - Có ống đo chiều dài cầu xương, có kèm mũi khoan dẫn đường Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	171
104	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần, cong 90°, đường kính khoảng 4 - 4.5mm	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần tạo Plasma dùi trong phẫu thuật nội soi khớp - Đường kính thân đốt trong khoảng 4 - 4.5mm - Đầu lưỡi cong 90° - Cổng hút nước dạng hình sao Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
105	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần, cong 90°, đường kính 3.5 - 4mm	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần trong mổ nội soi khớp- Thân đầu đốt và điện cực bằng thép không gỉ, phần hút bột bằng Ceramic- Chiều dài $\geq 150\text{mm}$, đường kính khoảng 3.5 - 4mm- Đầu đốt cong 90 độ - Đầu có ≥ 5 lỗ để hút. Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật- Tương thích với máy đốt Arthrex của bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	105
106	Lưỡi cắt đốt bằng sóng	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần - Chất liệu thân nhựa, đầu đốt bằng thép không gỉ	Cái	300

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Radio cao tần, đường kính khoảng 5 - 6mm	- Đường kính mũi khoảng 5 - 6mm. Đường kính phần thân khoảng 3 - 4 mm - Đầu mũi nghiêng 90° - Có thể tái sử dụng nhiều lần Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
107	Lưỡi cắt đốt nội soi bằng sóng Radio cao tần, nhiều góc 70 - 90 độ	Lưỡi cắt đốt nội soi bằng sóng Radio cao tần - Chất liệu: Tay cầm Nhựa, đầu đốt Titanium - Gập góc trong khoảng 70 độ - 90 độ - Thiết kế: có nhiều lỗ hút nước Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
108	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma, đầu lưỡi hình móc câu	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần tạo Plasma hình móc câu - Đường kính thân đốt khoảng 3.5 - 4.0mm - Đầu lưỡi cắt đốt hình móc câu được thiết kế để cắt bỏ mô mềm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
109	Lưỡi mài ổ khớp, đường kính 3.5 - 4.0mm	Lưỡi mài dùng mài xương trong phẫu thuật nội soi khớp - Lưỡi mài được thiết kế rộng nông - Phần đầu mài có ≥ 3 dạng - Đường kính đầu mài trong khoảng 3.5 - 4.0mm - Chiều dài làm việc ≥ 120 mm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
110	Lưỡi mài xương nội soi, đường kính 4 - 5mm	Lưỡi mài xương nội soi khớp - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính khoảng 4 - 5mm - Chiều dài làm việc ≥ 120 mm - Tốc độ tối đa trong khoảng 6000 - 8000 vòng/phút - Tương thích với máy mài Arthrex của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
111	Lưỡi mài xương nội soi, đường kính 4.0mm, 5.5mm	Lưỡi mài xương nội soi dùng trong phẫu thuật nội soi soi khớp gối và vai - Đường kính: 4.0mm, 5.5mm - Chất liệu thép không gỉ - Dạng rộng nông - Tốc độ tối đa ≥ 8000 vòng/phút Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	38
112	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật nội	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng - Chất liệu thép không gỉ - Chiều dài trục trong khoảng 23 - 24cm	Cái	15

Đã kiểm tra

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	soi tái tạo dây chằng	- Đường kính đầu mũi khoan trong khoảng 3 - 4mm - Đường kính khoan đường hầm: trong khoảng 6.0 - 12mm - Có chức năng: khoan định hướng và khoan ngược Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
113	Sụn nhân tạo $\geq 2\text{cm}$	Sụn nhân tạo - Chất liệu: thành phần 100% từ Hyaluronic acid nguồn gốc phi động vật - Được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể - Không cần dùng chất kết dính - Rộng trong khoảng 2 - 2.5cm - Dài trong khoảng 2 - 2.5cm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
114	Sụn nhân tạo $\geq 5\text{cm}$	Sụn nhân tạo- Chất liệu: thành phần 100% từ Hyaluronic acid nguồn gốc phi động vật - Được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể- Không cần dùng chất kết dính- Rộng trong khoảng 5 - 6cm- Dài trong khoảng 5 - 6cm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
115	Trocar nội soi khớp	Trocar nội soi khớp - Chất liệu nhựa - Đường kính $\geq 4.5\text{mm}$, có ≥ 3 cỡ đường kính và ≥ 3 cỡ chiều dài - Tích hợp khoá ba lớp, có khóa chống rò dịch và chỗ kiểm soát chỉ Tiết khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	56
116	Vít chỉ khâu sụn chêm	Vít chỉ khâu sụn chêm - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Kèm chỉ siêu bền dài $\geq 60\text{cm}$ - Khâu được ≥ 6 mũi liên tiếp Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
117	Vít chỉ khâu sụn chêm 2 neo	Vít chỉ khâu sụn chêm - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), nút chỉ bằng UHMWP - Thiết kế: Cho phép bung neo tại mọi vị trí tay. Gồm hai neo dài $\geq 5\text{mm}$. Có khoá điều chỉnh độ sâu từ $\geq 15\text{mm}$. - Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	78
118	Vít chỉ neo khâu chóp xoay khớp vai dùng cố định chóp xoay vai	Vít chỉ neo khâu chóp xoay khớp vai dùng cố định chóp xoay vai - Chất liệu 96L/4D PLA (Poly L-Lactic Acid) - Đường kính khoảng 5 - 6.5mm - Chiều dài trong khoảng 15 - 17mm - Kèm 2 sợi chỉ siêu bền số 2	Cái	60

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Acid), đường kính 5 - 6.5mm	Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
119	Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng PEEK, ren ngược, chỉnh độ căng sau chốt neo	Vít chỉ neo khâu chóp xoay sử dụng trong phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay khớp vai, đính bám dây chằng - Chất liệu Polyether ether ketone - Đường kính $\geq 4.5\text{mm}$, có ≥ 2 cỡ, trong đó có 4.5mm - Vít ren ngược, chỉnh độ căng sau chốt neo Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	263
120	Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng PLLA phủ HA, chỉ đôi, ren chuyển tiếp	Vít chỉ neo khâu chóp xoay dùng trong phẫu thuật Nội soi chóp xoay khớp vai - Chất liệu: neo bằng PLLA -HA. Chỉ siêu bền bằng UHMWPE - Đường kính $\geq 5.5\text{mm}$, có ≥ 2 cỡ đường kính - Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. - Kèm 2 sợi chỉ đôi Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	185
121	Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng UHMWPE	Vít chỉ neo khâu chóp xoay dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp - Chất liệu chỉ Polyethylen siêu cao phân tử (UHMWPE), nút làm bằng β - TCP/PEEK/ BioComposite/ PLLA - Đường kính khoảng 4 - 5mm - Chiều dài trong khoảng 19 - 28mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
122	Vít chỉ neo khâu chóp xoay, đầu neo có đường kính khoảng 2.5 - 3.0mm, có 2 chỉ siêu bền	Vít chỉ neo khâu chóp xoay, cố định chóp xoay vai - Chất liệu chỉ bằng Polyethylen siêu cao phân tử - Đầu neo có đường kính khoảng 2.5 - 3.0mm - Có 2 chỉ siêu bền - Cấu trúc hoàn toàn bằng chỉ giảm thiểu xâm lấn. Chịu được lực căng trong khoảng 500 - 600N Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
123	Vít chỉ neo khâu gân cỡ lớn, $\geq 5.5\text{mm}$, đầu có lỗ tròn, kèm chỉ bản dẹt	Vít chỉ neo khâu gân cỡ lớn dùng cố định gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp vai, khớp gối, cổ - bàn chân, cổ - bàn tay, khuỷu tay - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Kích thước: có ≥ 2 cỡ đường kính, trong đó có tối thiểu cỡ 5.5mm, dài $\geq 18\text{mm}$. - Thiết kế: đầu vít có khuyên tròn để giữ và căng chỉ, kèm chỉ bản dẹt trong khoảng 1.5 - 2mm và chỉ siêu bền. Tiệt khuẩn	Cái	60

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
124	Vít chỉ neo khâu gân cổ lớn, $\geq 5.5\text{mm}$, đầu có lỗ tròn, không kèm chỉ bản dệt	Vít chỉ neo khâu gân cổ lớn dùng cố định gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp vai, khớp gối, cổ - bàn chân, cổ - bàn tay, khuỷu tay- Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK)- Kích thước: có ≥ 2 cỡ đường kính, trong đó có tối thiểu cỡ 5.5mm , dài $\geq 18\text{mm}$ - Thiết kế: đầu vít có lỗ tròn để giữ và căng chỉ, kèm chỉ siêu bền số Tiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
125	Vít chỉ neo khâu gân khớp vai, bằng UHMWPE, đường kính $1.8 - 3.0\text{mm}$	Vít chỉ neo khâu gân khớp vai dùng trong kỹ thuật khâu sụn viên - Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử - Đường kính khoảng $1.8 - 3.0\text{mm}$, dài $\geq 10\text{mm}$ - Chỉ siêu bền: Lực tải chỉ tối đa $\geq 300\text{N}$, chỉ dài $\geq 80\text{cm}$, có 2 màu để phân biệt Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
126	Vít chỉ neo khâu sụn viên khớp vai tự tiêu, đường kính 2.1mm và 2.6mm	Vít chỉ neo tự tiêu khâu sụn viên khớp vai dùng cố định khâu sụn viên khớp vai - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Đường kính 2.1mm và 2.6mm - Lực căng $\leq 200\text{N}$ - Neo có ren Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	36
127	Vít chỉ neo khâu sụn viên khớp vai, bằng PLLA, 2 sợi siêu bền	Vít chỉ neo khâu sụn viên khớp vai dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu tự tiêu Poly(L-lactide) - HA - Đường kính trong: khoảng $2.5 - 3\text{mm}$, đường kính ngoài: khoảng $3.5 - 4\text{mm}$ - Chiều dài neo $\geq 10\text{mm}$ - Kèm hai sợi chỉ siêu bền Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
128	Vít chỉ neo khâu sụn viên khớp vai, đường kính đầu neo khoảng $1.3 - 2.0\text{mm}$, thân uốn cong, ≥ 1 sợi chỉ siêu bền	Vít chỉ neo khâu sụn viên khớp vai - Đường kính đầu neo trong khoảng $1.3 - 2.0\text{mm}$ - Có ≥ 1 sợi chỉ siêu bền - Chịu được lực căng $\geq 250\text{N}$ - Có khả năng uốn cong Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
129	Vít chỉ neo sinh học cỡ nhỏ, $2 - 3\text{mm}$,	Vít chỉ neo sinh học cỡ nhỏ, dùng cho khớp cổ chân, tái tạo dây chằng sên mác - Chất liệu: BioComposite, chỉ siêu bền đa sợi bằng Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của	Cái	51

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	bảng BioComposite	Polyester và Polyethylene cao phân tử - Kích thước: Rộng x dài trong khoảng = (2 - 3mm) x (8 - 10mm) - Khả năng chịu lực tối đa khoảng $\geq 100N$, kèm chỉ siêu bền liên kim Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
130	Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, 4 - 5mm	Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài dùng cố định dây chằng chéo, tái tạo dây chằng các loại - Chất liệu: Titanium, vòng treo gân bằng UHMWPE - Rộng trong khoảng 4 - 5mm - Dài trong khoảng 11 - 15mm - Vòng treo điều chỉnh được độ dài và tự khóa, có 2 dạng vòng treo, khả năng chịu lực tải $\geq 900N$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
131	Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, loại gắn rời, 8 - 10mm	Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, loại gắn rời dùng tái tạo dây chằng chéo, cố định dây chằng các loại - Chất liệu: miếng treo bằng Titanium, vòng treo gân bằng UHMWPE - Rộng trong khoảng 8 - 10mm - Dài trong khoảng 10 - 15mm - Vòng treo có thể điều chỉnh độ dài, có miếng treo gắn rời Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
132	Vít chốt neo dây chằng loại tăng cường hoặc thay lại, 5 - 8mm	Vít chốt neo dây chằng loại tăng cường hoặc thay lại dùng trong phẫu thuật sửa tăng cường điểm bám tại chỗ do lỗ khoan vỏ xương bị vỡ, quá rộng hoặc dùng trong phẫu thuật thay lại dây chằng chéo, dây chằng các loại - Vật liệu: Titanium - Rộng trong khoảng 5 - 8mm - Dài trong khoảng 18 - 25mm - Tương thích với vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, có 2 dạng vòng treo, 900N-1200N Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
133	Vít neo cố định dây chằng khớp nhỏ, đường kính 3 - 3.5mm	Vít neo cố định dây chằng khớp nhỏ - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Đường kính khoảng 3 - 3.5mm, dài trong khoảng 10 - 14mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	15
134	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, kèm chỉ- Chất liệu: BioComposite, chỉ bằng Polyethylene- Đường kính khoảng 4.5 - 5.5mm, dài trong khoảng 15 - 20mm- Thiết kế: Kèm chỉ dẹt 2.0mm siêu bền . Có các lỗ thông giúp kích thích mọc	Cái	113

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	trong phẫu thuật khớp, kèm chỉ dệt	xương. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
135	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, không chỉ	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, không chỉ - Chất liệu: BioComposite, chỉ bằng Polyethylene - Đường kính khoảng 4.5 - 5.5mm, dài trong khoảng 15 - 20mm - Thiết kế: Không kèm chỉ. Có các lỗ thông giúp kích thích mọc xương. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	75
136	Vít neo tái tại dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, vòng treo bằng Polyethylene cao phân tử	Vít neo dùng trong nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối - Chất liệu nẹp bằng Titanium, vòng treo bằng Polyethylene cao phân tử - Nẹp dài trong khoảng 10 - 15mm, rộng trong khoảng 3 - 5mm, có khoảng 7 - 10 lỗ - Vòng treo dài thay đổi từ 10mm đến 90mm - Đường kính sợi vòng treo trong khoảng 1.5 - 2mm - Chỉ siêu bền bằng Polyester dùng kéo và lật chốt ngang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	495
137	Vít neo tái tạo dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, có 2 dạng chiều dài nút chặn 10 - 15mm và 20 - 25mm	Vít neo tái tạo dây chằng chéo trong phẫu thuật nội soi khớp gối bằng kỹ thuật tất cả bên trong - Chất liệu: nút chặn bằng Titanium, dây treo 2 sợi chỉ bền bằng Polyethylene cao phân tử - Kích thước: có 2 dạng chiều dài nút chặn trong khoảng 10 - 15mm và trong khoảng 20 - 25mm - Nút treo có 4 lỗ, có thể điều chỉnh độ dài vòng treo Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
138	Vít neo tái tạo dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, khóa 4 điểm, vòng treo có thể nới lỏng	Vít neo tái tại dây chằng khớp gối - Chất liệu Titanium, dây treo bằng Polyethylene siêu cao phân tử - Độ rộng chốt neo trong khoảng 10 - 15mm - Vòng treo chiều dài từ 11mm đến 60mm - Dây treo khóa 4 điểm, tự điều chỉnh chiều dài vòng treo. Khả năng chịu lực tối đa $\geq 900N$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	390
139	Vít treo dây chằng cố định dây chằng sử dụng trên xương chày,	Vít treo dây chằng cố định dây chằng sử dụng trên xương chày - Vật liệu Titanium - Có tối thiểu cỡ 14mm và 17mm - Chịu được lực căng trong khoảng 958 - 960N	Cái	38

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Titanium, chỉ siêu bền số 5	- Vòng treo mảnh ghép bằng chỉ siêu bền số 5 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
140	Vít treo dây chằng cổ định dây chằng sử dụng trên xương đùi, Titanium, chỉ siêu bền số 2	Vít treo dây chằng cổ định dây chằng sử dụng trên xương đùi - Chất liệu Titanium - Rộng trong khoảng 2 - 4mm, cao trong khoảng 1 - 2mm, dài trong khoảng 10 - 13mm - Chịu được lực căng trong khoảng 1020 - 1025N - Chỉ kéo thanh treo bằng chỉ siêu bền số 2 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	38
141	Vít tự tiêu sinh học dùng trong nội soi tái tạo dây chằng, có phủ HA, loại ren cùn, rộng ruột	Vít tự tiêu sinh học dùng trong nội soi tái tạo dây chằng - Chất liệu sinh học tự tiêu PLLA (Poly-L-Lactic Acid) kết hợp với Hydroxyapatite (HA) - Đường kính từ 7mm đến 11mm; chiều dài trong khoảng 25 - 30mm - Ren cùn, đường kính rộng trong khoảng 1 - 2mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	23
142	Xi măng hóa học có kháng sinh	Xi măng hóa học có kháng sinh - Gói bột xi măng trong khoảng 40 - 50g có kháng sinh Gentamycin, thành phần: Polymethyl methacrylate, Barium Sulphate, Benzoyl Peroxide. - Lọ chất lỏng trong khoảng 15 - 20g, thành phần: Methylmethacrylate $\geq 90\%$, N.N-Dimethyl-p-toluidine Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lọ	18
143	Xi măng hóa học thành phần có kháng sinh Gentamycine, có chất chỉ thị màu	Xi măng hóa học- Chất liệu Polymethyl Methacrylate, Zirconium dioxide, Benzoyl peroxide, Hydroquinone; có chứa chất kháng sinh Gentamycine, có chất chỉ thị màu- Bao gồm hộp có 1 gói xi măng nặng trong khoảng 40 - 50g và dung dịch pha - Thời gian thao tác ≥ 6 phút Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Lọ	36
144	Xương nhân tạo dạng bơm dung tích 5ml	Bộ xương nhân tạo dạng bơm gồm: 1. Bơm tiêm chứa xương - Dung tích ≥ 5 ml - Chất liệu 35wt - 40wt% HA ($\text{Ca}_{10}(\text{PO}_4)_6(\text{OH})_2$) - Kích thước hạt HA khoảng 30 - 50nm 2. 01 ống ngắn 3. 01 ống dài 4. 01 cây đẩy Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	23

ĐSV

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
145	Xương nhân tạo dạng hạt nhỏ đường kính 1.2 - 1.5mm, dung tích ≥ 15ml	Xương nhân tạo dạng hạt - Thành phần 100% TriCalcium Phosphate - Đường kính khoảng 1.2 - 1.5mm - Dung tích ≥ 15ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	18
146	Xương nhân tạo HA/TCP, kích thước hạt xương 1 - 4mm, dung tích ≥ 10ml	Xương nhân tạo - Dung tích ≥ 10ml - Chất liệu 50% - 60%HA + 40% - 50% TCP - Kích thước hạt xương khoảng 1 - 4mm - Lỗ lớn khoảng 300 - 800µm - Lỗ nhỏ khoảng 1.0 - 10µm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	51
147	Nẹp đầu dưới xương chày, dài ≥ 80mm, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp - Chất liệu Titanium - Có ≥ 2 dạng mặt trong và ≥ 2 dạng mặt ngoài - Chiều dài ≥ 80mm - Đầu nẹp dày trong khoảng 2.0 - 2.5mm, rộng trong khoảng 20 - 45mm - Thân nẹp dày trong khoảng 3.5 - 4.5mm, rộng trong khoảng 10 - 15mm - Số lỗ: nhiều lỗ, trong đó có 5 lỗ đến 10 lỗ, có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp, trái/ phải - Tương thích với "Vít khóa đường kính 1.5 → 6.5mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 → 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xốp 4.0 → 6.5mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
148	Nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng	Nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng - Chất liệu Titanium - Đầu nẹp có ≥ 6 lỗ - T hân nẹp đủ cỡ từ 2 lỗ đến 8 lỗ, trái/ phải - Dày trong khoảng 2.0 - 2.5mm, rộng trong khoảng 8 - 20mm - Có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp, lỗ vít khóa đa hướng - Tương thích với "Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 → 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	18
149	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp - Chất liệu Titanium - Thân nẹp đủ cỡ từ 3 lỗ đến 8 lỗ, trái/ phải - Đầu nẹp dày trong khoảng 1.2 - 3.5mm, rộng trong khoảng 0 - 25mm	Cái	9

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Thân nẹp dày trong khoảng 2.0 - 3.5mm, rộng trong khoảng 10 - 15mm - Có loại mặt lưng, mặt trong và giữa xương lõi cầu cánh tay - Lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính 1.5 → 6.5mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 → 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xóp 4.0 → 6.5mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
150	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt trong/mặt sau, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt trong/mặt sau- Chất liệu Titanium- Đầu nẹp có ≥ 3 lỗ, thân nẹp có đủ cỡ từ 3 lỗ đến 10 lỗ, trái/ phải.- Đầu nẹp dày trong khoảng 1.8mm - 2.5mm- Thân nẹp dày trong khoảng 3.5mm - 4.5mm- Lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp- Có ≥ 2 loại hình dạng nẹp- Tương thích với "Vít khóa đường kính 1.5 → 6.5mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 → 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xóp 4.0 → 6.5mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
151	Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng	Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng - Chất liệu: Titanium - Đầu nẹp ≥ 4 lỗ - Thân nẹp đủ cỡ từ 3 lỗ đến 10 lỗ, mỗi cỡ có dạng trái và phải - Chiều dài nhiều cỡ, trong có cỡ 300mm - Đầu nẹp dày trong khoảng 2.5 - 3.5mm, thân nẹp dày trong khoảng 4.5 - 5mm - Rộng: có 2 dạng đầu nẹp rộng trong khoảng 20 - 25mm và trong khoảng 35- 45mm, - Tương thích với "Vít khóa đường kính 1.5 → 6.5mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 → 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xóp 4.0 → 6.5mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	11
152	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khoá đầu trên xương đùi - Chất liệu Titanium - Thân nẹp có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 10 lỗ, trái/ phải - Đầu nẹp dày trong khoảng 2.5 - 3.5mm, thân nẹp dày trong khoảng 5 - 6mm, rộng trong khoảng 15 - 20mm - Có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính 1.5 → 6.5mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 → 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xóp 4.0 → 6.5mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	9

Don

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
153	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi kèm vít khóa, vít vỏ và vít khóa rỗng ruột	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi 1. Nẹp khóa đầu trên xương đùi - Số lỗ: đầu nẹp ≥ 3 lỗ, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi - Chiều dài trong khoảng 192 - 300mm - Độ dày nẹp có tối thiểu cỡ 6.0 mm - Chiều rộng thân nẹp trong khoảng 18 - 19mm, khoảng cách giữa các lỗ 18mm 2. Vít khóa tự taro - Đường kính 5.0 ± 0.05 mm - Chiều dài trong khoảng 12 - 50mm, mỗi bước tăng 2mm - Chiều dài trong khoảng 50 - 90mm, mỗi bước tăng 5mm 3. Vít vỏ tự taro - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính 4.5 ± 0.05 mm - Chiều dài trong khoảng 12 - 80mm, mỗi bước tăng 2mm 4. Vít khóa rỗng ruột ren toàn phần - Đường kính vít 7.3 ± 0.05 mm - Chiều dài trong khoảng 20 - 120mm, mỗi bước tăng 5mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	3
154	Nẹp khóa móm khuỷu, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khoá móm khuỷu - Chất liệu Titanium - Thân nẹp đủ cỡ từ 2 lỗ đến 8 lỗ, trái/ phải - Dày trong khoảng 2 - 3mm, rộng trong khoảng 10 - 15mm - Có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính $1.5 \rightarrow 6.5$mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính $1.5 \rightarrow 4.5$mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
155	Nẹp khóa xương cẳng tay bản nhỏ, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khoá xương cẳng tay bản nhỏ - Chất liệu Titanium - Có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 9 lỗ trên toàn bộ nẹp - Dày trong khoảng 3 - 4mm, rộng trong khoảng 8 - 12mm - Có lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính $1.5 \rightarrow 6.5$mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính $1.5 \rightarrow 4.5$mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xốp $4.0 \rightarrow 6.5$mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	24
156	Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khoá xương cánh tay (bản hẹp)- Chất liệu Titanium- - Có đủ cỡ từ 5 lỗ đến 12 lỗ trên toàn bộ thân nẹp- - Thân nẹp dày trong khoảng 4.5 - 5mm, rộng trong khoảng 10 - 15mm- - Lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp- - Tương thích với "Vít khóa đường kính $1.5 \rightarrow 6.5$mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính $1.5 \rightarrow 4.5$mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xốp $4.0 \rightarrow 6.5$mm, đầu lục giác" tại danh mục mời	Cái	6

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
157	Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khóa xương đòn - Chất liệu Titanium - Có ≥ 6 lỗ trên toàn bộ nẹp - Dày trong khoảng 3 - 4mm, rộng trong khoảng 8 - 12mm - Lỗ khóa đôi trên toàn bộ thân nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính 1.5 $\rightarrow$ 6.5mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 $\rightarrow$ 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xỏp 4.0 $\rightarrow$ 6.5mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	44
158	Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm	Vít khóa đa hướng, đầu dạng sao - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 2.5 - 5.0mm, dài ≥ 6 mm, có cỡ ≥ 80 mm - Đầu vít có ren khóa đa hướng, vít tự taro - Tương thích với "Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
159	Vít khóa đường kính 1.5 $\rightarrow$ 6.5mm	Vít khóa - Chất liệu Titanium - Đường kính từ 1.5mm đến 6.5mm, có ≥ 6 cỡ - Chiều dài ≥ 5 mm, có cỡ ≥ 80 mm - Đầu vít có ren khóa, vít tự taro - Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong/mặt sau, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp đầu dưới xương chày, dài ≥ 80 mm, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương đùi, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa móm khuỷu, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cẳng tay bản nhỏ, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 $\rightarrow$ 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	900
160	Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 $\rightarrow$ 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác	Vít vỏ xương cứng - Chất liệu Titanium - Đường kính từ 1.5mm đến 4.5mm, có ≥ 4 cỡ - Thân vít dài ≥ 5 mm, có cỡ ≥ 50 mm - Đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác - Tương thích với "Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày	Cái	150

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		mặt trong/mặt sau, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp đầu dưới xương chày, dài $\geq 80\text{mm}$, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương đùi, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa mỏm khuỷu, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cẳng tay bản nhỏ, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp", "Vít khóa đường kính $1.5 \rightarrow 6.5\text{mm}$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
161	Vít xương xỏp 4.0 $\rightarrow$ 6.5mm, đầu lục giác	Vít xương xỏp - Chất liệu Titanium - Đường kính từ 4.0mm đến 6.5mm, có ≥ 2 cỡ - Chiều dài $\geq 10\text{mm}$ đến $\geq 80\text{mm}$ - Đầu lục giác - Tương thích với "Nẹp đầu dưới xương chày, dài $\geq 80\text{mm}$, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong/mặt sau, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương đùi, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cẳng tay bản nhỏ, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	177
162	Vít rỗng đầu chìm đường kính 2.5 $\rightarrow$ 6.5mm	Vít rỗng- Chất liệu Titanium- Đường kính từ 2.5mm đến 6.5mm, có ≥ 5 cỡ - Chiều dài trong khoảng 8 - 120mm- Lòng vít rỗng, đầu vít chìm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
163	Vít rỗng đường kính 3.0 $\rightarrow$ 6.5mm	Vít rỗng - Chất liệu Titanium - Đường kính có ≥ 4 cỡ và từ 3mm đến 6.5mm - Chiều dài trong khoảng 10 - 130mm - Lòng vít rỗng, tự khoan, tự taro Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
164	Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp đầu dưới xương chày cố định đầu dưới xương chày - Chất liệu Titanium (TiAl6V4) - Độ dày có tối thiểu cỡ 4.0mm - Đầu nẹp rộng trong khoảng 20 - 30mm - Thân nẹp rộng trong khoảng 15mm - 20mm - Có đủ cỡ từ 5 lỗ đến 10 lỗ, lỗ khóa đơn hình tròn - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít vỏ	Cái	15

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		đường kính 3 - 4mm", "Vít xóp đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
165	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng - Chất liệu Titanium - Dày trong khoảng 2 - 3mm, bề rộng phần đầu nẹp trong khoảng 20 - 25mm, bề rộng phần thân nẹp trong khoảng 8 - 12mm - Lỗ khóa đơn hình tròn, đủ cỡ từ 3 lỗ đến 8 lỗ - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít vò đường kính 3 - 4mm", "Vít xóp đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	38
166	Nẹp khóa khớp cùng đòn, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa khớp cùng đòn - Chất liệu Titanium - Độ dày trong khoảng 3.0 - 5.0mm - Chiều dài móc trong khoảng 15- 20mm - Độ sâu của móc trong khoảng 15 - 25mm - Có ≥ 3 lỗ thân nẹp - Lỗ vít khóa đơn hình tròn, đủ cỡ từ 3 lỗ đến 6 lỗ trên thân nẹp - Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm", "Vít xóp đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
167	Nẹp khoá lòng máng, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khoá lòng máng cố định xương - Chất liệu Titanium - Dày trong khoảng 2 - 3mm, rộng trong khoảng 8 - 12mm, có đủ cỡ từ 6 lỗ đến 10 lỗ trên toàn bộ nẹp - Lỗ khóa đơn hình tròn - Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm", "Vít xóp đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	26
168	Nẹp khóa mắt cá chân, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa mắt cá chân - Chất liệu Titanium - Độ dày nẹp trong khoảng 2 - 3mm, bề rộng đầu nẹp trong khoảng 15 - 18mm, bề rộng thân nẹp trong khoảng 8 - 12mm, thân nẹp có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 8 lỗ - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít vò đường kính 3 - 4mm", "Vít xóp đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30

Đovan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
169	Nẹp khóa xương cẳng tay, lỗ khóa đơn	Nẹp khóa xương cẳng tay(nẹp bản nhỏ) cố định xương trụ, quay - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 3 - 4mm, rộng trong khoảng 10 - 13mm, có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 12 lỗ trên toàn bộ nẹp - Lỗ khóa đơn hình tròn - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít vò đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	44
170	Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa xương đòn - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 3 - 4mm, rộng trong khoảng 8 - 11mm - Lỗ vít khóa đơn hình tròn, có đủ cỡ từ 6 lỗ đến 9 lỗ trên toàn bộ nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít vò đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	78
171	Nẹp mắt xích tạo hình, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp mắt xích tạo hình cố định xương - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 2 - 3mm, rộng trong khoảng 8 - 12mm, có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 12 lỗ trên toàn bộ nẹp- Lỗ khóa đơn hình tròn- Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít vò đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	63
172	Vít khóa đường kính 3 - 4mm	Vít khóa bắt vào nẹp khóa cố định xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 3 - 4mm, dài ≥ 10 mm, có cỡ ≥ 80 mm - Tương thích với "Nẹp khóa mắt cá chân, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa xương cẳng tay, lỗ khóa đơn" hoặc "Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp mắt xích tạo hình, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đơn hình tròn", "Vít vò đường kính 3 - 4mm", "Vít xoắn đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
173	Vít vò đường kính 3 - 4mm	Vít vò dùng bắt vào nẹp khóa cố định xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 3 - 4mm - Dài ≥ 10 mm, trong đó có cỡ ≥ 50 mm - Tương thích với "Nẹp khóa khớp cùng đòn, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa lồng máng, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa mắt cá chân, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa xương cẳng tay, lỗ khóa đơn" hoặc "Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp mắt xích tạo hình, lỗ	Cái	450

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đơn hình tròn", "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít xoắn đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
174	Vít xoắn đường kính 3 - 4mm	Vít xoắn bắt vào nẹp khóa cố định xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 3 - 4mm - Dài $\geq 10\text{mm}$, trong đó có cỡ $\geq 50\text{mm}$ - Tương thích với "Nẹp khóa khớp cùng đòn, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa lồng máng, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa mắt cá chân, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp đầu dưới xương chày, lỗ khóa đơn hình tròn", "Vít khóa đường kính 3 - 4mm", "Vít vò đường kính 3 - 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
175	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi cố định đầu dưới xương đùi - Chất liệu Titanium (TiAl6V4) - Độ dày trong khoảng 5 - 6mm, rộng thân nẹp trong khoảng 15 - 20mm, rộng đầu nẹp trong khoảng 35 - 45mm - Số lỗ: ≥ 5 lỗ đầu nẹp, đủ cỡ từ 5 lỗ đến 10 lỗ thân nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít vò đường kính 4 - 5mm", "Vít xoắn đường kính 5 - 6mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	21
176	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay - Chất liệu Titanium - Độ dày nẹp trong khoảng 3 - 5mm - Rộng đầu nẹp trong khoảng 20 - 25mm - Lỗ vít khóa đơn hình tròn, đầu nẹp có ≥ 4 lỗ, thân nẹp có đủ cỡ từ 5 lỗ đến 14 lỗ - Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít vò đường kính 4 - 5mm", "Vít xoắn đường kính 5 - 6mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
177	Nẹp khóa đầu trên xương chày cố định mặt ngoài	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài - Chất liệu Titanium - Độ dày trong khoảng 3 - 4mm, rộng đầu nẹp trong khoảng 29 - 30mm, rộng thân nẹp trong khoảng 13 - 18mm - Đầu nẹp có ≥ 3 lỗ, thân nẹp có đủ cỡ từ 3 lỗ đến 10 lỗ - Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít xoắn đường kính 5 - 6mm", "Vít vò đường kính 4 - 5mm" tại danh mục mời thầu	Cái	15

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
178	Nẹp khóa đầu trên xương chày cổ định mặt trong, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong- Chất liệu Titanium - Độ dày trong khoảng 3 - 4mm, bề rộng đầu nẹp trong khoảng 35 - 37mm, bề rộng thân nẹp trong khoảng 13 - 16mm- Lỗ vít khóa hình tròn, đầu nẹp có ≥ 3 lỗ, thân nẹp đủ cỡ từ 3 đến 10 lỗ- Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít xỏ đường kính 5 - 6mm", "Vít vỏ đường kính 4 - 5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	21
179	Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp) - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 3 - 5mm, rộng trong khoảng 12 - 15mm, có đủ cỡ từ 6 đến 12 lỗ trên toàn bộ nẹp - Lỗ khóa đơn hình tròn - Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít vỏ đường kính 4 - 5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
180	Nẹp khóa xương đùi (bản rộng), lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa xương đùi (bản rộng) - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 5 - 6mm, rộng trong khoảng 15 - 18mm - Lỗ vít khóa đơn hình tròn, có đủ cỡ từ 7 lỗ đến 12 lỗ trên toàn bộ thân nẹp - Tương thích với "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít vỏ đường kính 4 - 5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	9
181	Vít khóa đường kính 4 - 5mm	Vít khóa bắt vào nẹp khóa cổ định xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 4 - 5mm, dài ≥ 10 mm, có cỡ ≥ 80 mm - Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương chày cổ định mặt ngoài" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày cổ định mặt trong, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa xương đùi (bản rộng), lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ khóa đơn hình tròn", "Vít vỏ đường kính 4 - 5mm", "Vít xỏ đường kính 5 - 6mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
182	Vít vỏ đường kính 4 - 5mm	Vít vỏ dùng bắt vào nẹp khóa cổ định xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 4 - 5mm - Dài ≥ 10 mm, trong đó có cỡ ≥ 80 mm	Cái	225

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương chày cổ định mặt ngoài" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày cổ định mặt trong, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ khóa đơn hình tròn", "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít xóp đường kính 5 - 6mm" tại danh mục mời thầu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
183	Vít xóp đường kính 5 - 6mm	- Vít xóp bắt vào nẹp khóa cổ định xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 6mm - Dài $\geq 25\text{mm}$, có cỡ $\geq 80\text{mm}$ - Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên xương chày cổ định mặt ngoài" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương chày cổ định mặt trong, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, lỗ khóa đơn hình tròn" hoặc "Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ khóa đơn hình tròn", "Vít khóa đường kính 4 - 5mm", "Vít vò đường kính 4 - 5mm" tại danh mục mời thầu - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
184	Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng chữ T	- Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng chữ T - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 1 - 1.5mm, rộng đầu nẹp trong khoảng 10 - 14mm, rộng thân nẹp trong khoảng 4 - 6mm - Thân nẹp có đủ cỡ từ 2 lỗ đến 6 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ trong khoảng 4 - 6mm - Tương thích với "Vít vò 2.0mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	18
185	Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng thẳng	- Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng thẳng - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 1 - 1.5mm - Thân nẹp rộng trong khoảng 4 - 6mm, có đủ cỡ từ 3 lỗ đến 6 lỗ - Tương thích với "Vít vò 2.0mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	18
186	Vít vò 2.0mm, đầu lục giác	- Vít vò bắt vào xương cứng, đầu lục giác - Chất liệu: hợp kim TiAl6V4- Đường kính vít 2.0mm, đường kính đầu vít 4.0mm- Chiều dài vít $\geq 5\text{mm}$, có cỡ $\geq 20\text{mm}$, bước tăng 2mm- Tương thích với nẹp "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng chữ T" hoặc "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng thẳng" tại danh mục mời thầu - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
187	Nẹp khóa đầu trên ngoài	- Nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày - Chất liệu: hợp kim Titanium	Cái	11

Long

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	xương chày, vít khóa đa hướng	- Nẹp dày trong khoảng 2 - 3.5mm, rộng trong khoảng 10 - 14mm, có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 9 lỗ, mỗi cỡ có dạng trái và phải - Thiết kế: lỗ vít đa hướng $\geq 15^\circ$. Lỗ bắt vít hình giọt nước phù hợp cho lựa chọn bắt vít khóa hoặc vít vò - Tương thích với "Vít khóa đa hướng đường kính 3 - 4mm", "Vít khóa đa hướng đường kính 4 - 6mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
188	Vít khóa đa hướng đường kính 3 - 4mm	Vít khóa đa hướng - Chất liệu Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính khoảng 3 - 4mm - Chiều dài ≥ 10 mm, trong đó có cỡ ≥ 80 mm - Góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$ - Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày, vít khóa đa hướng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	368
189	Vít khóa đa hướng đường kính 4 - 6mm	Vít khóa đa hướng - Chất liệu Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính khoảng 4 - 6mm - Chiều dài ≥ 15 mm, trong đó có cỡ ≥ 80 mm - Góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$ - Tương thích với "Nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày, vít khóa đa hướng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
190	Vít khóa đa hướng đường kính 2.4 - 2.8mm	Vít khóa đa hướng - Chất liệu Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.7mm - Chiều dài trong khoảng 8 - 60mm (mỗi bước tăng 2mm) - Đầu vận hành ngôi sao tự taro Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
191	Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$	Vít khóa dùng trong phẫu thuật kết hợp xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 2 - 3mm - Dài ≥ 5 mm, trong đó có cỡ ≥ 40 mm - Đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ - Tương thích với "Nẹp khóa đầu dưới xương quay, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa mắt cá chân, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp", "Vít vò xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn	Cái	420

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
192	Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$	Vít khóa dùng trong phẫu thuật kết hợp xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 3 - 4mm - Dài $\geq 10\text{mm}$, có cỡ $\geq 70\text{mm}$ - Đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ - Tương thích với "Nẹp đầu dưới xương chày, 240 - 260mm, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp đầu dưới xương chày, dài $\geq 120\text{mm}$, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay" hoặc "Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn dạng móc, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cẳng tay, thép không gỉ, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	525
193	Vít khóa đường kính 4 - 6mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$	Vít khóa dùng trong phẫu thuật kết hợp xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 4 - 6mm - Dài $\geq 10\text{mm}$, có cỡ $\geq 80\text{mm}$ - Đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ - Tương thích với "Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
194	Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$	Vít vỏ xương dùng trong phẫu thuật kết hợp xương- Chất liệu Titanium- Đường kính từ 2.7mm đến 3.5mm- Dài $\geq 5\text{mm}$, trong đó có cỡ $\geq 50\text{mm}$- Vít tự tạo ren, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$- Tương thích với "Nẹp đầu dưới xương chày, 240 - 260mm, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp đầu dưới xương chày, dài $\geq 120\text{mm}$, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương quay, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay" hoặc "Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn dạng móc, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cẳng tay, thép không gỉ, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay" hoặc "Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay", "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$", "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	165

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
195	Nẹp đầu dưới xương chày, dài $\geq 220\text{mm}$, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp đầu dưới xương chày cố định mặt ngoài đầu dưới xương chày - Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ - Dài $\geq 220\text{mm}$ - Ron vít bằng Titanium khóa bên trong lỗ nẹp - Đầu nẹp có ≥ 7 lỗ khóa - Thân nẹp có ≥ 8 lỗ khóa và ≥ 1 lỗ nén ép - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
196	Nẹp đầu dưới xương chày, dài $\geq 120\text{mm}$, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp đầu dưới xương chày cố định đầu dưới xương chày - Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ - Dài $\geq 120\text{mm}$ - Ron vít bằng Titanium khóa bên trong lỗ nẹp - Đầu nẹp có ≥ 7 lỗ khóa - Thân nẹp có đủ cỡ từ 4 đến 6 lỗ khóa và khoảng 1 - 2 lỗ nén ép - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	11
197	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi cố định đầu dưới xương đùi - Chất liệu thép không gỉ, ron vít bằng Titanium - Đầu nẹp có ≥ 7 lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 8 lỗ khóa - Có ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
198	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp khóa đầu dưới xương quay cố định xương gãy đầu dưới xương quay - Chất liệu: Titanium - Đầu nẹp có ≥ 6 lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ 2 lỗ đến 5 lỗ khóa - Ron vít bằng Titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
199	Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay	Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay - Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn Đầu nẹp có khoảng 3 - 4 lỗ khóa, thân nẹp có khoảng 4 - 7 lỗ khóa - Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
200	Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay	Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay - Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, Ron vít bằng Titanium - Đầu nẹp có ≥ 4 lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 7 lỗ khóa - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
201	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn dạng móc, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn dạng móc- Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium- Đầu nẹp có ≥ 3 lỗ khóa và thân nẹp có ≥ 3 lỗ khóa- Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
202	Nẹp khóa mắt cá chân, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp khóa mắt cá chân - Chất liệu bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium - Đầu nẹp có >3 lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ 3 lỗ đến 5 lỗ khóa - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
203	Nẹp khóa xương cẳng tay, thép không gỉ, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp khóa xương cẳng tay - Chất liệu thép không gỉ, ron vít bằng Titanium - Thân có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 6 lỗ khóa - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình	Cái	11

Handwritten signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		nón $\geq 2^{\circ}$, "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^{\circ}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
204	Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp), ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp khóa xương cánh tay (bản hẹp) - Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium - Thân nẹp có đủ cỡ ≥ 8 lỗ khóa - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^{\circ}$, "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^{\circ}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
205	Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi	Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi - Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, ron vít bằng Titanium - Thân nẹp có ≥ 14 lỗ khóa - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^{\circ}$, "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^{\circ}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
206	Nẹp khoá xương gót, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp	Nẹp khoá xương gót - Chất liệu Titanium - Có ≥ 10 lỗ khóa trên toàn bộ nẹp - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^{\circ}$, "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^{\circ}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
207	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới ngoài xương đùi, lỗ vít đa hướng	Nẹp đầu dưới xương đùi - Chất liệu: Titanium - Đủ cỡ từ 6 lỗ đến 12 lỗ . Chiều rộng nẹp trong khoảng 15 - 20mm, độ dày nẹp trong khoảng 4.5 - 6mm - Thiết kế lỗ vít đa hướng ≥ 15 độ bất kỳ; Thiết kế trái- phải - Lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vỏ. - Tương thích với "Vít xóp đường kính 5 - 6mm, đầu vít dạng sao, dài 30 $\rightarrow$ 110mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
208	Vít xóp đường kính 5 - 6mm,	Vít xóp dùng cố định nẹp - Chất liệu: hợp kim Ti-6Al-4V	Cái	75

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	đầu vít dạng sao, dài 30 → 110mm	- Đường kính khoảng 5 - 6mm, chiều dài từ 30mm đến 110mm, bước tăng 5mm - Đầu vít đường kính khoảng 8.0 - 8.5mm, đường kính lõi trong khoảng 3.0 - 3.5mm - Thiết kế: đầu vắn hình ngôi sao tự taro, ren toàn phần và bán phần - Tương thích với "Nẹp khóa đa hướng đầu dưới ngoài xương đùi, lỗ vít đa hướng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
209	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn, lỗ vít đa hướng	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn, lỗ vít đa hướng - Chất liệu: Titanium - Thân nẹp có đủ cỡ từ 3 lỗ đến 7 lỗ, mỗi cỡ có dạng trái và phải - Độ dày nẹp trong khoảng 3 - 3.5mm, chiều rộng trong khoảng 8 - 12mm - Thiết kế lỗ vít đa hướng ≥ 15 độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vò. - Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 10mm", "Vít vò đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 15mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
210	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp	Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng 3 - 4.5mm, rộng trong khoảng 10 - 15mm- Thân nẹp có đủ cỡ từ 3 lỗ đến 10 lỗ- Có lỗ khóa đôi đa hướng toàn bộ thân nẹp (≥ 15 độ)- Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 10 mm", "Vít vò đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 15 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
211	Nẹp khóa lòng máng, lỗ khóa đa hướng	Nẹp khóa lòng máng, lỗ khóa đa hướng - Chất liệu: Titanium - Nẹp có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 12 lỗ, chiều rộng nẹp trong khoảng 8 - 10mm, độ dày nẹp trong khoảng 1.0 - 1.2mm - Thiết kế: Lỗ khóa đa hướng ≥ 15 độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vò. - Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 10mm", "Vít vò đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 15mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
212	Nẹp khóa mắt xích, lỗ vít đa hướng	Nẹp khóa mắt xích, lỗ vít đa hướng - Chất liệu: Titanium - Nẹp có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 12 lỗ. Độ dày nẹp trong khoảng 3 - 3.5mm, chiều rộng nẹp trong khoảng 8 - 12mm - Thiết kế lỗ vít đa hướng ≥ 15 độ bất kỳ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vò. - Tương thích với "Vít vò đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng	Cái	3

Đan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		sao, dài 10 → 80mm", "Vít vỏ đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 15mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
213	Nẹp khóa móm khuỷu, lỗ vít đa hướng	Nẹp khóa móm khuỷu dùng cố định gãy đầu trên lưng xương trụ, móm khuỷu - Chất liệu: Titanium - Nẹp có đủ cỡ từ 3 lỗ đến 6 lỗ. Độ dày nẹp trong khoảng 2.5 - 3.5mm, chiều rộng nẹp trong khoảng 10 - 15mm - Thiết kế lỗ vít đa hướng ≥ 15 độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vỏ. - Tương thích với "Vít vỏ đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 → 80mm", "Vít vỏ đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 15mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
214	Nẹp khóa xương đòn, lỗ vít đa hướng	Nẹp khóa xương đòn - Chất liệu: Titanium - Nẹp có đủ cỡ từ 6 lỗ đến 10 lỗ, mỗi cỡ có dạng trái và phải, chiều rộng trong khoảng 9 - 13mm - Thiết kế lỗ vít đa hướng ≥ 15 độ, lỗ bắt được vít khóa hoặc vít vỏ. - Tương thích với "Vít vỏ đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài 10 → 80mm", "Vít vỏ đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 15mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
215	Vít vỏ đường kính 3 - 4mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 10mm	Vít vỏ dùng cố định nẹp - Chất liệu: hợp kim Ti-6Al-4V - Đường kính khoảng 3 - 4mm - Chiều dài ≥ 10mm, trong đó có cỡ ≥ 70mm - Thiết kế: đầu vận hình ngôi sao tự taro - Tương thích với "Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn"/ "Nẹp khóa lòng máng" hoặc "Nẹp khóa mắt xích"/ "Nẹp khóa móm khuỷu"/ "Nẹp khóa xương đòn"/ "Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" có lỗ vít đa hướng tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
216	Vít vỏ đường kính 4 - 5mm, đầu vít dạng sao, dài ≥ 15mm	Vít vỏ dùng cố định nẹp - Chất liệu: hợp kim Ti-6Al-4V - Đường kính khoảng 4 - 5mm, chiều dài ≥ 15mm, trong đó có ≥ 80mm - Thiết kế: đầu vận hình ngôi sao, tự taro - Tương thích với "Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn, lỗ vít đa hướng"/ "Nẹp khóa lòng máng, lỗ khóa đa hướng" hoặc "Nẹp khóa mắt xích, lỗ vít đa hướng"/ "Nẹp khóa móm khuỷu, lỗ vít đa hướng"/ "Nẹp khóa xương đòn" hoặc "Nẹp khóa đầu	Cái	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		trên xương cánh tay, vít khóa đa hướng, lỗ khóa đôi toàn bộ thân nẹp" có lỗ vít đa hướng tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
217	Nẹp khóa xương bàn ngón chân, dày 1 - 1.4mm	Nẹp khóa xương bàn ngón chân - Chất liệu: Ti6Al4V - Độ dày trong khoảng 1 - 1.4mm, có ≥ 5 hình dạng nẹp khác nhau - Dừng vít trong khoảng 1.8 - 2.2mm - Số lỗ: từ 4 lỗ đến 10 lỗ - Tương thích với "Vít khóa 1.5mm, đầu chữ thập", "Vít khóa 2.0mm, đầu chữ thập" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
218	Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.7 - 1.0mm	Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay- Chất liệu: Ti6Al4V- Độ dày trong khoảng 0.7 - 1.0mm, có ≥ 5 hình dạng nẹp khác nhau - Dừng vít trong khoảng 1.4 - 2.0mm- Số lỗ: từ 3 lỗ đến 8 lỗ - Tương thích với "Vít khóa 1.5mm, đầu chữ thập", "Vít khóa 2.0mm, đầu chữ thập" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	26
219	Vít khóa 1.5mm, đầu chữ thập	Vít khóa tự taro, đầu chữ thập - Chất liệu: Ti6Al4V - Đường kính có tối thiểu cỡ 1.5mm - Dài ≥ 5 mm, trong đó có cỡ ≥ 20 mm - Tương thích với nẹp "Nẹp khóa xương bàn ngón chân, dày 1 - 1.4mm" hoặc "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.7-1.0mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
220	Vít khóa 2.0mm, đầu chữ thập	Vít khóa tự taro, đầu chữ thập - Chất liệu: Ti6Al4V - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.0mm - Dài ≥ 5 mm, trong đó có cỡ ≥ 20 mm - Tương thích với nẹp "Nẹp khóa xương bàn ngón chân, dày 1 - 1.4mm" hoặc "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.7-1.0mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	105
221	Nẹp khóa mỏm khuỷu có móc	Nẹp khóa mỏm khuỷu có móc - Chất liệu: Ti6Al4V - Có ≥ 5 cỡ, từ 2 lỗ đến 10 lỗ - Loại trái/ phải. Có móc - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3
222	Nẹp khóa mắt cá trong, thân nẹp ≥ 4 lỗ, chất liệu Ti6Al4V	Nẹp khóa mắt cá trong - Chất liệu: Ti6Al4V - Có ≥ 4 cỡ, - Thân nẹp ≥ 4 lỗ, đầu nẹp có ≥ 7 lỗ, có lỗ vít nén và vít khóa xen kẽ - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không	Cái	15

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		ren" tại danh mục mời thầu - Loại trái/ phải Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO		
223	Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren	Vít khóa động tự taro, đầu hình sao - Chất liệu: Ti6Al4V - Dài $\geq 15\text{mm}$ và có cỡ $\geq 50\text{mm}$ - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.5mm, tự taro - Phần gần đầu vít không có ren, đường kính có tối thiểu cỡ 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm, thiết kế 3 lưỡi - Tương thích với "Nẹp khóa mòm khuỷu có móc" hoặc "Nẹp khóa mắt cá trong, thân nẹp ≥ 4 lỗ, chất liệu Ti6Al4V" hoặc "Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	210
224	Vít vò động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren	Vít vò động tự taro, đầu hình sao - Chất liệu: Ti6Al4V - Dài $\geq 15\text{mm}$, có cỡ $\geq 50\text{mm}$ - Đường kính 3.5mm, tự taro - Phần gần đầu vít không ren, đường kính có tối thiểu cỡ 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm, thiết kế 3 lưỡi - Tương thích với "Nẹp khóa mòm khuỷu có móc" hoặc "Nẹp khóa mắt cá trong, thân nẹp ≥ 4 lỗ, chất liệu Ti6Al4V" hoặc "Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
225	Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước	Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước - Chất liệu Ti6Al4V hoặc Pure Titanium - Chiều dài trái/phải có tối thiểu các cỡ 57, 77, 96, 116mm - Số lỗ trong khoảng 5 - 11 lỗ, tối thiểu 4 cỡ - Có 2 lỗ nén ở giữa để nén ép và cố định ổ gãy - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vò động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
226	Nẹp khóa đầu xa xương quay hình quạt, chiều dài 66 - 123mm	Nẹp khóa đầu xa xương quay hình quạt- Chất liệu Ti6Al4V- Chiều dài trái/ phải có tối thiểu các cỡ 66, 85, 104, 123mm- Đầu mặt khớp 9 lỗ và 12 lỗ- Số lỗ trong khoảng 2 - 8 lỗ, có tối thiểu 4 cỡ- Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" hoặc "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vò động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
227	Nẹp khóa mắt cá ngoài, chiều	Nẹp khóa mắt cá ngoài - Chất liệu Ti6Al4V - Đuôi nẹp vát nhọn	Cái	5

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	dài 74 - 230mm	- Đầu mặt khớp có 7 lỗ - Đầu nẹp có 2 móc - Số lỗ trong trong khoảng 2 - 14 lỗ, tối thiểu ≥ 6 cỡ - Chiều dài trái/phải có tối thiểu cỡ 74, 100, 126, 152, 178, 204, 230mm - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" hoặc "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
228	Nẹp khóa đầu xa xương trụ mỏng, chiều dài 52 - 68mm	Nẹp khóa đầu xa xương trụ mỏng - Chất liệu Ti6Al4V - Đầu và đuôi nẹp được vát cạnh bo tròn - Chiều dài trái/ phải có tối thiểu cỡ 52, 60, 68mm - Số lỗ trong khoảng 1 - 3 lỗ, có tối thiểu 3 cỡ - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" hoặc "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
229	Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren	Vít khóa động tự taro - Chất liệu Ti6Al4V - Dài trong khoảng 8 - 30mm, mỗi bước tăng 2mm - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.4mm, tự taro - Phần gần đầu vít không có ren, đường kính 2.0mm - Phần đuôi vít đường kính 2.4mm, thiết kế 3 lưỡi - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Tương thích với "Nẹp khóa đầu xa xương quay hình quạt, chiều dài 66 - 123mm" hoặc "Nẹp khóa mắt cá ngoài, chiều dài 74 - 230mm" hoặc "Nẹp khóa đầu xa xương trụ mỏng, chiều dài 52 - 68mm", "Vít vô tự taro, đầu chữ thập, đường kính 2.0mm, dài 6 - 30mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	210
230	Vít vô tự taro, đầu chữ thập, đường kính 2.0mm, dài 6 - 30mm	Vít vô tự taro, đầu chữ thập - Chất liệu: Ti6Al4V - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.0mm - Dài trong khoảng 6 - 16mm, mỗi bước tăng 1mm - Dài trong khoảng 16 - 30mm, mỗi bước tăng 2mm - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
231	Bộ chỉ thép có chốt, đường kính trong khoảng 1.6 - 1.8mm	Bộ chỉ thép có chốt dùng cố định ổ gãy, buộc giữ hoặc buộc tăng cường các mảnh gãy nhỏ, các đoạn xương gãy - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính trong khoảng 1.6 - 1.8mm - Chiều dài ≥ 650mm	Bộ	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Bao gồm: chỉ thép, chốt Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO		
232	Xương nhân tạo dạng khối, kích thước lỗ 300 - 600µm	Xương nhân tạo dạng khối - Chất liệu gồm Hydroxyapatite (HAP, 60wt%) và beta-tricalcium phosphate (β-TCP, 40wt%) - Có độ xốp cao 75 - 85% - Kích thước lỗ 300 - 600µm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	8
233	Bộ khâu sụn chêm khớp gối	Bộ khâu sụn chêm khớp gối - 01 tay cầm cán kim luồn chỉ rộng - 01 lim luồn chỉ rộng	Bộ	8
234	Bộ đinh chốt đầu trên xương đùi, rộng nông, dài 170 - 240mm	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi 1. Đinh rộng nông loại ngắn- Chất liệu đinh hợp kim Titanium- Đường kính có tối thiểu các cỡ 9, 10, 11, 12mm- Chiều dài từ 170 - 240mm- Độ lớn góc 130°. Vít nén/lưỡi chốt xoắn ốc đầu gần- Đường kính lưỡi chốt xoắn trong khoảng 10 - 11mm. - Chiều dài trong khoảng 75 - 120mm, bước tăng 5mm.3. Vít khóa chốt ngang đầu xa- Mũi vít lục giác, tạo góc 90°- Đường kính vít trong khoảng 4.5 - 5mm. - Chiều dài từ 26 - 100mm4. Nắp đinh giúp cố định cổ đinh- Kích thước 0mm, 5mm, 10mm, 15mmTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8
235	Bộ đinh nội tủy thân xương đùi, vít đầu gần 6 - 6.5mm	Bộ đinh nội tủy đầu thân xương đùi 1. Đinh nội tủy xương đùi rộng nông, bề mặt trơn láng, có một đầu thuôn nhọn. - Chất liệu đinh hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 9.5, 10, 11mm. - Chiều dài trong khoảng 320 - 440mm, bước tăng 20mm 2. Vít nén đầu gần - Đường kính có tối thiểu cỡ 6.5mm - Chiều dài trong khoảng 65 - 115mm, bước tăng 5mm. 3. Vít khóa đầu xa - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.5mm - Chiều dài trong khoảng 35 - 80mm, bước tăng 5mm 4. Nắp khóa dùng chung đinh nội tủy rộng nông - Hình trụ tròn - Kích thước trong khoảng 0 - 20mm, mỗi bước tăng 5mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8
236	Bộ đinh nội tủy thân xương chày, rộng nông, ≥ 4 cỡ đường kính	Bộ đinh nội tủy đầu thân xương chày 1. Đinh rộng nông đa hướng, có khung định vị 3 chiều cho xương chày. Bề mặt trơn láng, có một đầu thuôn nhọn. Cổ đinh dài tạo góc nghiêng cố định so với thân 10°. - Chất liệu đinh hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 8.2, 9, 10, 11mm. - Chiều dài trong khoảng 240 - 360mm, bước tăng 20mm 2. Vít khóa đầu gần tạo khung định vị 3 chiều	Bộ	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đường kính có tối thiểu cỡ 4.8mm - Chiều dài trong khoảng 25 - 90mm, mỗi bước tăng 5mm 3. Vít khóa ngoại biên/đầu xa - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.5mm - Chiều dài trong khoảng 25 - 70mm, mỗi bước tăng 5mm. 4. Nắp khóa - Kích thước trong khoảng 0 - 15mm, mỗi bước tăng 5mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
237	Vít xóp tự taro, mũ vít lục giác, thân vít có ren phủ bán phần	Vít xóp tự taro, mũ vít lục giác, thân vít có ren phủ bán phần - Chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V/Ti6Al4VELI) - Đường kính đầu vít trong khoảng 6 - 6.5mm - Đường kính trong có tối thiểu cỡ 2.0mm - Đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 4.0mm - Chiều cao đầu vít 2.8mm và chiều dài đầu vít 1.8mm - Chiều dài vít trong khoảng 10 - 60mm, mỗi bước tăng 2mm hoặc 5mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
238	Keo dán da dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu, 0.7-0.9ml	Keo dán da dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu - Thành phần: 60% 2-Octyl cyanoacrylate + 40% N-Butyl cyanoacrylate - Dung tích trong khoảng 0.7 - 0.9ml - Khô trong 60 giây, sử dụng trong 1 giờ sau khi mở Tuýp - Sức căng giữ vết thương 11.53N, độ đàn hồi 60%, độ dính cao 251 CP, tỏa nhiệt thấp 3.25°C - Gồm 1 tuýp keo và 1 đầu bôi keo gắn sẵn Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tuýp	15
239	Keo dán da dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu, 1.0 - 1.5ml	Keo dán da dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu - Thành phần: 100% 2-Octyl cyanoacrylate + chất xúc tác - Dung tích trong khoảng 1.0 - 1.5ml - Khô trong 30 giây, sử dụng trong 2 - 3 phút sau khi mở Tuýp - Sức căng giữ vết thương 16.10N, độ đàn hồi 100%, độ dính cao 195CP, tỏa nhiệt thấp 6.91°C - Sản phẩm gồm 1 tuýp keo và 1 đầu bôi keo vát xéo Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tuýp	15
240	Keo dán da dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu, 0.5 - 0.7ml	Keo dán da dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu- Thành phần 100% 2-Octyl cyanoacrylate + chất xúc tác- Dung tích trong khoảng 0.5 - 0.7ml- Khô trong 30 giây, sử dụng trong 2-3 phút sau khi mở Tuýp.- Sức căng giữ vết thương 16.10N, độ đàn hồi 100%, độ dính cao 195CP, tỏa nhiệt thấp 6.91°C- Sản phẩm gồm 1 tuýp keo và 1 đầu bôi keo gắn sẵnTiết khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tuýp	15
241	Keo dán da kèm màng lưới	Keo dán da kèm màng lưới dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu, sử dụng trong thay khớp háng, khớp gối, tạo hình nhũ, cắt nhũ	Kit	45

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	dùng đóng vết mổ thay chỉ khâu	Thành phần 100% Octyl cyanoacrylate, chất xúc tác + lưới - Dung tích: 1.7ml x 2 tuýp keo - Khô trong 45 giây, sử dụng trong 2 - 3 phút sau khi mở Tuýp - Bộ phận đi kèm: + 1 lưới hình oval kích thước 30 x 4cm. + 2 tuýp keo + 2 đầu bôi gắn sẵn Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
242	Miếng vá chóp xoay nhân tạo	Miếng vá chóp xoay nhân tạo - Chất liệu Poly-Tape Vật tư đi kèm: - Cây dò cứng - Cây dò mềm uốn được bằng thép không gỉ, dài ≥ 20 cm - Mũi khoan đường kính có tối thiểu cỡ 4.5mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	8
243	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài kèm vít khóa và vít vỏ	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài 1. Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài - Số lỗ: đầu nẹp ≥ 5 lỗ, thân nẹp có tối thiểu 5, 7, 9, 11 lỗ - Chiều dài trong khoảng 123 - 283mm - Độ dày nẹp có tối thiểu cỡ 5.0mm - Chiều rộng thân nẹp trong khoảng 17 - 18mm, khoảng cách giữa các lỗ 20mm 2. Vít khóa tự taro - Đường kính 5.0 ± 0.05 mm - Chiều dài trong khoảng 12 - 50mm, mỗi bước tăng 2mm - Chiều dài trong khoảng 50 - 90mm, mỗi bước tăng 5mm 3. Vít vỏ tự taro - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính 4.5 ± 0.05 mm - Chiều dài trong khoảng 12 - 80mm, mỗi bước tăng 2 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	3
244	Bộ nẹp khóa bản hẹp kèm vít khóa và vít vỏ	Bộ nẹp khóa bản hẹp 1. Nẹp khóa bản hẹp - Số lỗ thân nẹp trong khoảng 7 - 12 lỗ, tối thiểu ≥ 5 cỡ - Chiều dài trong khoảng 116 - 242mm - Độ dày nẹp có tối thiểu cỡ 4.4mm - Chiều rộng thân nẹp trong khoảng 14 - 15mm, khoảng cách giữa các lỗ 18mm 2. Vít khóa tự taro - Đường kính 5.0 ± 0.05 mm - Chiều dài trong khoảng 12 - 50mm, mỗi bước tăng 2mm - Chiều dài trong khoảng 50 - 90mm, mỗi bước tăng 5mm 3. Vít vỏ tự taro - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính 4.5 ± 0.05 mm	Bộ	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Chiều dài trong khoảng 12 - 80mm, mỗi bước tăng 2 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
245	Bộ nẹp khóa bản nhỏ kèm vít khóa và vít vỏ	Bộ nẹp khóa bản nhỏ cẳng tay 1. Nẹp khóa bản nhỏ- Số lỗ thân nẹp trong khoảng 5 - 9 lỗ, tối thiểu ≥ 5 cỡ- Chiều dài trong khoảng 59 -137mm- Độ dày nẹp có tối thiểu cỡ 3.5mm- Chiều rộng thân nẹp trong khoảng 11 - 12mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm2. Vít khóa- Đường kính 3.5 ± 0.05 mm- Chiều dài trong khoảng 12 - 60mm, mỗi bước tăng 2mm3. Vít vỏ tự taro- Chất liệu hợp kim Titanium- Đường kính 3.5 ± 0.05 mm- Chiều dài trong khoảng 12 - 50mm, mỗi bước tăng 2 mmTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	3
246	Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu	Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu - Chất liệu: Titanium - Côn 12/14, Góc nghiêng 135 độ - Chiều dài cổ tối thiểu có cỡ 50mm - Đường kính thân tối thiểu có cỡ 24mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
247	Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối	Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối - Chất liệu: Titanium. - Chiều dài khớp nối ≥ 8 cỡ, trong khoảng 40 - 120mm, mỗi bước tăng 10mm - Đường kính khớp nối có tối thiểu cỡ 24mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
248	Khớp nối đầu xa lồi cầu	Khớp nối đầu xa lồi cầu - Chất liệu: Titanium và UHMWPE - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 105, 115, 125, 135mm - Đường kính trong khoảng 11 - 13mm, mỗi bước tăng 1mm - Chiều dài modul kết nối trong khoảng 30 - 60mm, mỗi bước tăng 10mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
249	Bơm rửa vết thương bằng sóng xung với 2 tốc độ	Bơm rửa vết thương bằng sóng xung với 2 tốc độ: - Tốc độ cao: Lưu lượng dòng chảy ≥ 500 ml / phút, Tần số xung nước ≥ 4 lần /s - Tốc độ thấp: Lưu lượng dòng chảy ≥ 300 ml / phút, Tần số xung nước ≥ 3 lần /s - Áp suất xả xung: 4.4 - 10 Psi Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	45

dom

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO		
250	Bộ bơm rửa trong phẫu thuật chỉnh hình, cột sống và làm sạch vết thương	Bộ bơm rửa trong phẫu thuật chỉnh hình, cột sống và làm sạch vết thương - Chất liệu: Nhựa - Có 2 chế độ: + Năng lượng thấp + Năng lượng cao - Tốc độ bơm $\geq 1000\text{ml/phút}$ - Có tối thiểu ≥ 3 dạng đầu phun Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	45
251	Xương nhân tạo có yếu tố tăng trưởng 5ml	Xương nhân tạo có yếu tố tăng trưởng - Chất liệu từ xương đồng loại đã khử khoáng 100% dạng dẻo trộn với hạt xương xốp, có chứa nhiều protein - Dung tích có tối thiểu cỡ 5ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
252	Xương nhân tạo có yếu tố tăng trưởng 10ml	Xương nhân tạo có yếu tố tăng trưởng - Chất liệu từ xương đồng loại đã khử khoáng 100% dạng dẻo trộn với hạt xương xốp, có chứa nhiều protein - Dung tích có tối thiểu cỡ 10ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
253	Xương nhân tạo hạt 1-4mm, 5ml	Xương nhân tạo dạng hạt loại nhỏ- Chất liệu từ xương đồng loại dạng hạt nhỏ- Kích thước hạt trong khoảng 1 - 4mm- Dung tích có tối thiểu cỡ 5mlTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	8
254	Xương nhân tạo hạt 4 - 10mm, 10ml	Xương nhân tạo dạng hạt - Chất liệu từ xương xốp xương đồng loại - Kích thước hạt trong khoảng 4 - 10mm - Dung tích có tối thiểu cỡ 10ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	8
255	Vít tự tiêu sinh học, tự khóa, đường kính từ 4 -11mm các cỡ	Vít tự tiêu sinh học dùng cố định dây chằng - Chất liệu sinh học tự tiêu hoàn toàn: PLGA kết hợp β -TCP - Đường kính từ 4 - 11mm, mỗi bước tăng 1mm - Chiều dài trong khoảng 10 - 35mm, tối thiểu 5 kích cỡ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
256	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống không bóng	Bộ	5

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	kèm bộ trộn dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống không bóng	- Hệ thống bơm xi măng không bóng gồm 06 bộ phận: + 01 bộ trộn có lưỡi dao trộn, có cửa sổ để lắp bơm tiêm + 01 phễu đổ xi măng và dung dịch trộn + 01 pittong đẩy xi măng vào bơm tiêm + 01 bơm tiêm chứa xi măng được kết nối với bộ trộn + 01 tay cầm được sử dụng với bơm tiêm + 01 ống nối kéo dài - Hệ thống bơm có van an toàn - Bộ bơm đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao (120bars) - Có chức năng tự động điều chỉnh áp lực bơm. - Dung tích bơm tối đa hơn 10ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
257	Bộ trộn xi măng cột sống kèm theo bơm tiêm	Bộ trộn xi măng cột sống kèm theo bơm tiêm - Thành phần gồm: + 01 đầu nối chuyên dụng Luer + 01 bộ trộn + 01 phễu rót + 01 thìa khuấy + 04 bơm tiêm + Súng bơm áp lực cao Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	45
258	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thang đo áp lực theo dòng chảy kèm catheter não thất, đường kính trong 1.6 - 1.9mm	Bộ dẫn lưu dịch não tủy có thang đo áp lực dòng chảy dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài 1. Dây dẫn dài trong khoảng 175 - 200cm 2. Túi chứa dịch não tủy, thể tích chứa khoảng 650 - 750ml 3. Van chống trào ngược, khóa 4 chiều giúp kiểm soát dòng chảy dịch não tủy 4. Thang đo áp lực dẫn lưu dịch: 30 cmH ₂ O và 20 mmHg 5. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài khoảng 30 - 40cm, đường kính trong: khoảng 1.6 - 1.9mm, đường kính ngoài: khoảng 3.0 - 3.3mm 6. Trocar: 10Fr, dài ≥ 15cm 7. Dụng cụ đặt catheter não thất bằng thép không gỉ, dài > 35cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
259	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thang đo áp lực theo dòng chảy kèm catheter não thất, đường kính trong 1.5mm	Bộ dẫn lưu dịch não tủy có thang đo áp lực dòng chảy dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài 1. Dây dẫn: kết nối một đầu với catheter não thất và đầu còn lại với thang đo thông qua van khóa, dài trong khoảng 60 - 65cm, chất liệu nhựa 2. Túi chứa: chứa dịch não tủy, thể tích chứa khoảng 650 - 750ml 3. Van điều chỉnh dòng chảy: giúp khóa mở dòng chảy dịch não tủy 4. Thang đo áp lực dẫn lưu dịch: 0 - 25 mmHg	Bộ	36

Đón

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		5. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài khoảng 30 - 40cm, đường kính trong có tối thiểu cỡ 1.5mm, đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 2.8mm 6. Trocar: đặt vào lõi dây dẫn lúc đặt vào não thất, chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, chiều dài 35cm tương ứng với catheter não thất Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
260	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất vào màng bụng có phủ kháng sinh, van thanh có bộ điều chỉnh áp lực từ bên ngoài thích hợp người lớn và trẻ em có 5 mức áp lực	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất vào màng bụng có phủ kháng sinh¹. Chất liệu bộ dẫn lưu bằng Polypropylene và Acetalplastic cùng với màn chắn bằng silicone². Catheter và dây dẫn phủ thuốc kháng sinh Rifampicin và Clindamycin, có đường kính trong có tối thiểu cỡ 1.3mm, đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 2.5mm- Catheter não thất dài ≥ 23cm - Catheter ổ bụng dài ≥ 120cm 3. Van có thể chỉnh áp lực từ 15 - 167 mm H₂O⁴. Dây dẫn vào ổ bụng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30
261	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van điều chỉnh áp lực từ bên ngoài, có 6 mức áp lực	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng, có thể điều chỉnh được áp lực van 1. Chất liệu bộ dẫn lưu bằng Titanium 2. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài khoảng 10 - 15cm 3. Van điều chỉnh tối thiểu 17mm, van hấp dẫn ≥ 12mm, có 6 mức áp lực van 4. Ống thông xa tích hợp dài 1200mm. Ống thông tâm thất dài 250 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	11
262	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài có thang đo áp lực cột nước	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài dùng trong dẫn lưu và theo dõi dịch não tủy từ khoang dưới nhện thất lưng 1. Catheter thất lưng: đặt vào khoang dưới nhện, chất liệu silicone, dài ≥ 80cm 2. Kim chọc dò thất lưng: chất liệu thép không gỉ 3. Van chống trào ngược có cổng lấy mẫu 4. Van khoá 5. Buồng dẫn lưu thể tích ≥ 50ml, thể tích túi chứa dịch ≥ 700ml có tích hợp thang đo theo mmHg và cmH₂O Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	75
263	Bộ dẫn lưu thất lưng ra ngoài với buồng nhỏ giọt ≥ 75 ml có khả năng theo dõi dòng chảy	Bộ dẫn lưu thất lưng ra ngoài có khả năng theo dõi dòng chảy 1. Catheter bằng silicone phủ barium - Chiều dài catheter ≥ 80cm - Đường kính trong: khoảng 0.6 - 0.8mm; đường kính ngoài ≥ 1.5mm - Dung tích trong khoảng 0.30 - 0.31ml	Bộ	135

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		2. Buồng nhỏ giọt $\geq 75\text{ml}$ 3. Có 4 thang đo áp lực, có thể xoay chuyển đổi giữa dẫn lưu não thất hoặc dẫn lưu thất lưng 4. Túi chứa dịch $\geq 600\text{ml}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
264	Bộ đo áp lực nội sọ tại não thất, cỡ 4Fr	Bộ đo áp lực nội sọ tại não thất dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ - Catheter bằng silicon, dây cáp quang gắn đầu vi cảm biến - Kiểu cáp quang 4Fr - Tương thích với máy ICP Camino của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	23
265	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não, cỡ 4Fr	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ - Catheter bằng silicon, dây cáp quang gắn đầu vi cảm biến - Kiểu cáp quang 4Fr - Tương thích với máy ICP Camino của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	38
266	Bộ đo áp lực nội sọ và dẫn lưu não thất	Bộ đo áp lực nội sọ và dẫn lưu não thất dùng trong phẫu thuật sọ não 1. Bộ chuyển đổi áp lực (DPT) để đo tăng áp lực nội sọ (ICP) 2. Khoang kiểm soát dịch dẫn lưu: Thể tích $\geq 100\text{ml}$. 3. Van một chiều không khí kháng khuẩn, van điều lưu 1 chiều chống trào ngược, tiếp hợp chống xoắn dạng chữ L 4. Thang áp lực kép với 2 loại đơn vị mmHg và cmH_2O 5. Thể tích túi dẫn lưu $\geq 800\text{ml}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8
267	Bộ kẹp vít cố định sọ, đường kính 1.5, 1.7mm	Bộ kẹp vít cố định sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu bằng Titanium - Gồm 3 kẹp thẳng và 6 vít tự khoan đường kính 1.5mm, 1.7mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
268	Bộ kẹp vít gồm 1 kẹp tròn, 6 vít	Bộ kẹp vít và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Gồm 1 kẹp tròn 6 lỗ, kèm 6 vít - Bề dày bản kẹp 0.25mm, 0.5mm Tiệt khuẩn	Cái	15

don

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
269	Bộ nẹp vít và sọ, đường kính khoảng 2.0mm	Bộ nẹp vít và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ- Chất liệu Titanium- Kích thước: dày 1.0mm ($\pm$ 0.05mm) đường kính lỗ nẹp 2.0mm ($\pm$ 0.05mm)- Gồm 1 nẹp sọ thẳng 16 lỗ, và 10 vít và sọTiết khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	60
270	Bộ lập chương trình cho người bệnh đặt điện cực kích thích não sâu	Bộ lập chương trình cho người bệnh đặt điện cực kích thích não sâu dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động - Dùng chỉnh sửa các thông số, dành cho người bệnh - Gồm máy cầm tay, phụ kiện kết nối người bệnh, dây sạcTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8
271	Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu sạc nhiều lần	Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu, pin sạc nhiều lần dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động - Chất liệu thép không gỉ - Tuổi thọ sản phẩm trong khoảng 9 - 10 năm - Loại có thể sạc không dây qua da nhiều lầnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5
272	Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu, không sạc lại	Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu, không sạc lại dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động, dành cho người bệnh bị Parkinson cần thay pin - Chất liệu Titanium, silicone, polysulfone - Tuổi thọ sản phẩm trong khoảng 4 - 5 nămTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2
273	Bộ sạc pin dùng cho bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu sạc nhiều lần	Bộ sạc pin dùng cho thiết bị cấy ghép DBS dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động - Kết nối không dây qua dây đeo, tiện sử dụng cho người bệnhTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
274	Bộ thiết bị kích thích não sâu (gồm điều khiển trung tâm, bộ lập trình, dây nối dài, dây cáp, vi điện cực), không sạc lại	Bộ thiết bị kích thích não sâu dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động 1. Dây cáp kết nối vi điện cực 2. Vi điện cực kích thích não sâu 3. Bộ đầu điện cực kích thích não sâu, dài $\geq$ 40cm 4. Bộ dây nối dài điện cực, dài $\geq$ 60cm 5. Dụng cụ tạo đường hầm 6. Thiết bị kiểm tra tín hiệu điện trở 7. Thiết bị điều khiển trung tâm kích thích não sâu, loại không sạc lại được, tuổi thọ trung bình $\geq$ 5 năm 8. Thiết bị điều chỉnh pin dành cho người bệnhTiết khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	9
275	Bộ thiết bị kích thích não sâu (gồm điều	Bộ thiết bị kích thích não sâu dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động 1. Dây cáp kết nối vi điện cực	Bộ	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	khuyến trung tâm, bộ lập trình, dây nối dài, dây cáp, vi điện cực), pin sạc sử dụng nhiều lần	2. Vi điện cực kích thích não sâu 3. Bộ đầu điện cực kích thích não sâu, dài $\geq 40\text{cm}$ 4. Bộ dây nối dài điện cực, dài $\geq 60\text{cm}$ 5. Dụng cụ tạo đường hầm 6. Thiết bị kiểm tra tín hiệu điện trở 7. Thiết bị điều khiển trung tâm kích thích não sâu, loại sạc lại được, tuổi thọ trung bình 9 - 10 năm 8. Thiết bị điều chỉnh pin dành cho người bệnh 9. Bộ thiết bị sạc pin di động cho người bệnh Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
276	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van dạng bóng, điều chỉnh được áp lực bên ngoài, 8 hệ áp lực từ 30 đến 200mmH ₂ O	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng điều chỉnh áp lực bên ngoài dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng Bao gồm: catheter, van, dây dẫn - Catheter, van và dây dẫn dịch bằng polypropylene với màng chắn silicone chống dính - Van có thể điều chỉnh bằng bộ điều khiển bên ngoài 8 hệ áp lực từ 30 đến 200mmH ₂ O Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
277	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van điều chỉnh áp lực bên ngoài, có 5 mức áp lực	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng van có thể điều chỉnh áp lực, có khoá chống ngoại lực dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng - Catheter, van và dây dẫn dịch bằng polypropylene với màng chắn silicone chống dính 1. Catheter não thất dài trong khoảng 20 - 25cm, đường kính trong khoảng 1.0 - 1.3mm, đường kính ngoài 2.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$) 2. Van dạng bóng có lõi: không bị tác động bởi từ trường, áp lực từ 30 đến 200mmH ₂ O. Đường kính van khoảng 15 - 17mm 3. Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài trong khoảng 100 - 120cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
278	Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng có van kiểm soát hiện tượng thay đổi áp lực theo tư thế	Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng 1. Chất liệu bộ van dẫn lưu bằng phi kim loại- Có 3 loại áp lực: 1; 1.5 và 22. Catheter phủ lớp cản quang, kèm phụ kiện cố định chống xoắn 3. Van 2 đầu rời 4. Có thiết bị kiểm soát hiện tượng siphon Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
279	Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng, có thể điều chỉnh áp lực	Bộ van dẫn lưu nhân tạo từ não thất xuống màng bụng - Bao gồm hệ thống bóng và van áp lực hình nón, màng kiểm soát siphon 1. Catheter được phủ barium, đường kính trong 1.3mm; đường kính ngoài 2.5mm - Kích thước van là 35 x 13 x 7mm/ 47 x 16 x 7mm.	Bộ	8

Đón

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Chiều dài catheter não thất $\geq 23\text{cm}$, catheter ổ bụng $\geq 90\text{cm}$ 2. Van có lớp nền bằng polypropylene và acetalplastic, lớp vòm bằng silicone, đánh dấu cản quang bằng tantalum - Có 5 mức áp lực: từ 0.5 đến 2.5 - Có van kiểm tra khả năng nghẹt van trước và sau khi đặt Shunt - Có van điều chỉnh mức áp lực sau mổ - Tương thích với Hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI) lên đến 3.0 Tesla Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
280	Bóng dẫn lưu não thất tạo đường truyền liên tục	Bóng dẫn lưu não thất tạo đường truyền liên tục dùng trong các trường hợp điều trị viêm màng não nặng, viêm não thất cần truyền kháng sinh trực tiếp vào não thất 1. Catheter não thất 2. Bóng Silicon dẫn lưu kiểu Burr hole đường kính ngoài sọ $\geq 2.2\text{cm}$, đường kính trong sọ có tối thiểu cỡ 1.5cm, chiều cao bóng ngoài sọ $\geq 6\text{mm}$ và chiều cao trong sọ có tối thiểu cỡ 5.8mm 3. Có đầu nổi, đường kính trong có tối thiểu cỡ 1.1mm, đường kính ngoài $\geq 1.9\text{mm}$ - Thể tích xả trong khoảng 0.60 - 0.70ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2
281	Bóng nong thân đốt sống, áp lực $\geq 400\text{psi}$, tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh	Bóng nong thân đốt sống trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống Bóng nong thân đốt sống: - Đường kính bóng có tối thiểu 10, 15, 20mm - Áp lực bơm tối đa $\geq 400\text{psi}$ - Thể tích bơm tối đa $\geq 2\text{ml}$, có tối thiểu 4ml, 6ml - Đường kính bóng nong: thể tích 2ml và 4ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
282	Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz, dùng 1 lần - Chất liệu Silicone - Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút - Tốc độ bơm từ 1 đến 10ml - Tốc độ tưới nhanh trong khoảng 25 - 30ml. Áp lực đáp ứng $\geq 660\text{mmHg}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	45
283	Đầu dao 36khz, đường kính 1.1 - 1.2mm, dài 11.4 - 11.5cm	Đầu dao 36kHz, là đầu mũi dao dành cho mô canxi hoá, phẫu thuật thần kinh - Đầu dao bằng Titanium - Đường kính khoảng 1.1 - 1.2mm, dài trong khoảng 11.4 - 11.5cm. Biên độ dao động trong khoảng 117 - 135 μm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính.	Cái	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Trọng lượng trong khoảng 9 - 10g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
284	Đầu dao 36khz, đường kính 1.5 - 1.6mm, dài 11.7 - 11.8cm	Đầu dao 36kHz, là đầu mũi dao dành cho mô xơ, phẫu thuật thần kinh - Đầu dao bằng Titanium - Đường kính khoảng 1.5 - 1.6mm, dài trong khoảng 11.7 - 11.8cm. Biên độ dao động trong khoảng 165 - 203µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính. - Trọng lượng trong khoảng 7.5 - 7.8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
285	Đầu dao 36khz, đường kính 1.5 - 1.6mm, dài 12.1 - 12.2cm	Đầu dao 36kHz, là đầu mũi dao micro cong kéo dài, phẫu thuật thần kinh - Đầu dao bằng Titanium - Đường kính khoảng 1.5 - 1.6mm, dài trong khoảng 12.1 - 12.2cm. Biên độ dao động trong khoảng 165 - 195µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính. - Trọng lượng trong khoảng 7 - 8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao, kèm 6 đầu phun dịch - Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
286	Đầu dao 36khz, đường kính 1.5 - 2mm, dài 19 - 20cm	Đầu dao 36kHz dùng cho phẫu thuật thần kinh- Đầu dao bằng Titanium- Đường kính khoảng 1.5 - 2mm, dài trong khoảng 19 - 20cm. Biên độ dao động trong khoảng 135 - 155µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính.- Trọng lượng trong khoảng 7 - 8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao- Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
287	Đầu dao 36khz, đường kính 1.9 - 2.0mm, dài 11 - 12cm	Đầu dao 36kHz dùng cho phẫu thuật thần kinh - Đầu dao bằng Titanium - Đường kính khoảng 1.9 - 2.0mm, dài trong khoảng 11 - 12cm. Biên độ dao động trong khoảng 135 - 155µm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng trong khoảng 7 - 8g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tương thích với máy Cusa Excel của Bệnh viện Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
288	Đầu đốt C3, đốt lạnh dây thần kinh vùng cột sống lưng,	Đầu đốt C3, đốt lạnh dây thần kinh vùng cột sống lưng, cổ và xương cùng cụt - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính khoảng 1.3 - 2.1mm	Cái	8

Don

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	cổ và xương cùng cụt, đường kính 1.3 - 2.1mm	- Thiết kế: Đầu tù Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
289	Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống, dài 275 ± 05mm	Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống - Chất liệu thân và đầu mũi bằng thép không gỉ - Mũi cầu, dài 275 ± 05mm, đường kính có tối thiểu cỡ 2.5mm, có cách điện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
290	Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống, dài 320 ± 05mm	Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống - Chất liệu thân và đầu mũi bằng thép không gỉ - Mũi cầu, dài 320 ± 05mm, đường kính có tối thiểu cỡ 2.5mm, có cách điện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
291	Đầu đốt lập thể TC đơn cực dẫn sóng RF đốt nhân sâu trong não, dài 190mm, 300mm (tái sử dụng)	Điện cực TC dẫn sóng RF đốt dây thần kinh não, tái sử dụng - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: 190mm, 300mm, Đơn cực, chiều dài đầu tiếp xúc: 1.5 - 3.5 - 4mm, đường kính đầu tiếp xúc: trong khoảng 1 - 2mm, đường kính sắc: trong khoảng 2 - 2.2mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
292	Đầu đốt TC đầu dẫn sóng RF đốt dây thần kinh vùng cột sống lưng và cổ (tái sử dụng)	Điện cực TC đầu dẫn sóng RF đốt dây thần kinh vùng cột sống lưng và cổ - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 50mm, 100mm, 115mm, 150mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
293	Đĩa đệm cột sống cổ chuyển động sinh lý, cao 5 - 8mm	Đĩa đệm cột sống cổ chuyển động sinh lý dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lỗi trước - Chất liệu bề mặt bằng titanium, không sử dụng UHMWPE. - Cao trong khoảng 5 - 8mm, tối thiểu ≥ 4 cỡ - Rộng có tối thiểu cỡ 16mm, 18mm - Dài ≥ 15mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
294	Đĩa đệm cột sống cổ có bắt vít, cao 5 - 10mm	Đĩa đệm cột sống cổ có bắt vít dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lỗi trước - Chất liệu Titanium - Cao trong khoảng 5 - 10mm - Rộng trong khoảng 15 - 17mm - Dài trong khoảng 12 - 14mm - Khoang trống để nhồi xương tự thân - Kèm 2 vít bằng titanium, có đường kính khoảng 3 - 3.5mm, dài tối thiểu 12 mm, tối đa 18mm	Cái	23

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
295	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động, cao 5 - 8mm, bằng Titanium	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Titanium - Cao trong khoảng 5 - 8mm, mỗi bước tăng 1mm - Dài trong khoảng 12 - 18mm, mỗi bước tăng 2mm - Khả năng nghiêng/gập: +/- 10° Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
296	Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước, cao 5 - 10mm	Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước- Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK)- Chiều cao trong khoảng 5 - 10mm- Chiều sâu trong khoảng 12 - 14mm- Chiều rộng trong khoảng 14 - 17mm - Có 2 hình dạng góc uốn, loại cong lõi 0° và hình nêm khoảng 7°- Có khoang trống ghép xương trong khoảng 1.5cc đến 9cc- Trên thân đĩa có 2 vạch đánh dấu, cách nhau khoảng 10 - 13mmTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
297	Đĩa đệm cột sống cổ toàn phần, cao 5 - 9mm	Đĩa đệm cột sống cổ toàn phần dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 5 - 10mm - Rộng trong khoảng 12 - 18mm - Dài trong khoảng 11 - 14mm - Khớp hình cầu và hình trụ, đĩa gấp duỗi $\pm 15^\circ$, uốn theo hướng bên ngoài $\pm 10^\circ$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
298	Đĩa đệm cột sống cổ tự khóa kèm 3 vít tự tạo ren	Đĩa đệm cột sống cổ tự khóa dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cổ - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Độ nghiêng 7° - Kèm vít vự taro Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
299	Đĩa đệm cột sống cổ, có răng cưa, cao 4 - 9mm	Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cột sống cổ - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 4 - 10mm, tối thiểu ≥ 4 cỡ - Rộng ≥ 14 mm - Dài có tối thiểu cỡ 13mm - Có khoang ghép xương tự thân Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	9
300	Đĩa đệm cột sống cổ, có	Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	Cái	18

Don

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	răng cửa, có sẵn xương, cao 4 - 9mm	- Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 4 - 10mm, tối thiểu ≥ 4 cỡ - Rộng ≥ 14mm - Dài có tối thiểu cỡ 13mm - Có sẵn xương nhân tạo để ghép Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
301	Đĩa đệm cột sống cổ, có sẵn xương ghép, cao 5 - 7mm	Đĩa đệm cột sống cổ có sẵn xương ghép dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), tricalciumphosphate - Cao trong khoảng 5 - 7mm - Rộng trong khoảng 12 - 15mm - Dài trong khoảng 15 - 17mm - Đĩa đệm có 2 điểm đánh dấu bằng titanium - Khoảng trống ghép xương trong khoảng 258 - 260mm² Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
302	Đĩa đệm cột sống cổ, độ nghiêng 5°, cao 4 - 8mm	Đĩa đệm cột sống cổ nghiêng góc 5° dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 4 - 10mm, tối thiểu ≥ 5 cỡ - Rộng trong khoảng 14 - 15mm - Sâu có tối thiểu cỡ 12mm, 14mm - Có 2 dạng: Dạng thẳng và dạng cong vòng mặt trên, có điểm đánh dấu, độ nghiêng 5° Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
303	Đĩa đệm cột sống cổ, độ nghiêng 7°, cao 5 - 10mm	Đĩa đệm cột sống cổ độ nghiêng 7° dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 5 - 10mm, có tối thiểu 4 cỡ - Rộng trong khoảng 12 - 15mm, có tối thiểu 2 cỡ - Dài trong khoảng 14 - 20mm, có tối thiểu 2 cỡ - Cong lõi, độ nghiêng 7°; Có khoang ghép xương Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	27
304	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động, cao 5 - 7mm, bằng Cobalt-chrome-molybdenum	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Cobalt-chrome-molybdenum - Cao trong khoảng 5 - 7mm, mỗi bước tăng 1mm - Rộng trong khoảng 15 - 20mm, mỗi bước tăng 2mm - Dài trong khoảng 13 - 15mm - Độ xoay uốn 20°, nghiêng bên 16°, quay được 360° Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
305	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần, cao 5 - 7mm	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước- Chất liệu Titanium có lõi phủ Diamolith- Cao trong khoảng 5 - 7mm- Rộng có tối thiểu cỡ 16mm- Dài có tối thiểu cỡ 13mm - Gồm 2 đĩa, mỗi đĩa bề mặt ngoài có 3 đỉnh chống trượt, phủ lớp bột TitaniumTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
306	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 → 14mm, phần đầu được bo tròn, răng bám dạng nghiêng	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao từ 7mm đến 14mm (mỗi size tăng 1mm) - Độ nghiêng 5° - Chiều dài x chiều rộng: 29 x 11mm, 29 x 14mm, 34 x 16mm - Phần đầu miếng ghép có các cạnh được bo tròn - Bề mặt có các răng bám dạng nghiêng - Có 3 điểm đánh dấu chất liệu Tantalum không thấu xạ - Khoang ghép xương lớn có thể tích từ 0.7ml đến 2.2ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	68
307	Đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh độ cao, cao 8 - 14mm, độ nghiêng 0°, 8°, 15°	Đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh độ cao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Cao trong khoảng 8 - 15mm - Độ nghiêng 0°, 8°, 15° - Rộng có tối thiểu cỡ 11mm, dài trong khoảng 22 - 28mm - Đĩa có đầu viên đạn, đĩa có thể chỉnh được độ cao Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
308	Đĩa đệm cột sống lưng hình móng ngựa, cao 7 - 13mm, đầu vào hình viên đạn	Đĩa đệm cột sống lưng hình móng ngựa đầu vào hình viên đạn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 7 - 13mm (mỗi bước tăng 1mm) - Độ nghiêng ≥ 5° - Rộng trong khoảng 11.0 - 11.5mm, dài trong khoảng 26 - 35mm - Có điểm đánh dấu cản quang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
309	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 6 → 14mm, in 3D nguyên khối	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong in 3D nguyên khối dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Ti6Al4V ELI - Cao ≥ 4 cỡ, trong khoảng 6 - 14mm - Độ nghiêng ≥ 12° - Dài trong khoảng 28 - 32mm - Đầu hình viên đạn, hai mặt lõi. Bề mặt trên và dưới đĩa có răng cưa Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8

Don

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
310	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có 2 khoang nhồi xương	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 15 mm - Độ nghiêng $\geq 8^{\circ}$ - Rộng trong khoảng 9 - 11mm, dài 25mm - Đầu hình viên đạn, có 2 khoang ghép xương - Có điểm đánh dấu cân quang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
311	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong với cơ chế khớp nối được kiểm soát dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực, cao 7 - 18mm	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong với cơ chế khớp nối được kiểm soát dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 5 - 20mm, bước tăng 1mm - Độ nghiêng 0 và 6 độ - Dài > 30mm - Viên đầu đĩa thuôn nhọn cả hai hướng - Khoang ghép xương có thể tích trong khoảng 0.5 - 2.0ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
312	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 14mm, đặt xoay 90°	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 15 mm - Độ nghiêng $\geq 4^{\circ}$, đặt xoay 90° - Rộng trong khoảng 9 - 11mm, dài trong khoảng 20 - 35mm - Có điểm đánh dấu cân quang Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
313	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 6 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực- Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK)- - Cao trong khoảng 8 - 14mm, mỗi bước tăng 1mm- Độ nghiêng trong khoảng 0° - 8°- Rộng trong khoảng 10 - 12mm, dài trong khoảng 28 - 32mm, - Có điểm đánh dấu cân quang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	36
314	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 15mm, độ nghiêng $\geq 7^{\circ}$	Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 15mm - Độ nghiêng $\geq 7^{\circ}$ - Rộng trong khoảng 8 - 15mm, dài trong khoảng 20 - 30mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
315	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 7 - 14mm, có mũi nhọn phẳng	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 7 - 14 mm, mỗi bước tăng 1mm - Độ nghiêng có tối thiểu các cỡ 5°, 12°	Cái	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Rộng có tối thiểu cỡ 10mm, dài trong khoảng 24 - 29mm - Khoảng ghép xương trong khoảng 0.5 - 1.5ml - Miếng ghép dạng thẳng, bề mặt có răng bám dạng nghiêng Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
316	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 15mm, đầu hình viên đạn	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng đầu hình viên đạn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 15mm, mỗi bước tăng 1mm - Độ nghiêng 5°, 8° - Rộng 9mm, dài 22mm, 24mm, 26mm - Đầu hình viên đạn kèm khung nhồi xương. Điểm đánh dấu bằng Tantalum Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
317	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có sẵn xương ghép bên trong	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, có sẵn xương ghép bên trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), 2 điểm đánh dấu bằng tantalum, xương ghép sẵn được làm bằng vật liệu tricalciumphosphate với tricalciumphosphate (TCP) và hydroxyapatite (HA) - Cao trong khoảng 8 - 14mm, mỗi bước tăng 2mm - Độ nghiêng $\geq 4^\circ$ - Rộng có tối thiểu cỡ 11mm, dài ≥ 28mm - Khoảng trống ghép xương trong khoảng 159 - 160mm² Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
318	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 17mm, giải ép qua lỗ liên hợp (TLIF)	Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực giải ép qua lỗ liên hợp (TLIF) - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), titanium plasma - Cao trong khoảng 7 - 17mm - Rộng có tối thiểu cỡ 10mm, dài trong khoảng 27 - 30mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
319	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°	Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 7 - 16mm - Độ nghiêng trong khoảng 0° - 8° - Rộng có tối thiểu cỡ 11mm, dài trong khoảng 28 - 32mm - Có đánh dấu bằng chất liệu Tantalum Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	53
320	Đĩa đệm cột sống lưng lõi sau loại thẳng, cao 7 - 15mm	Đĩa đệm cột sống lưng lõi sau loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 7 - 15mm, mỗi bước tăng 1mm	Cái	8

Loan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Rộng có tối thiểu cỡ 9mm, dài trong khoảng 24 - 36mm - Độ nghiêng 0°/ 4°/ 8° - Đĩa đệm dạng hình viên đạn có răng 2 mặt trên và dưới Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
321	Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên loại cong, cao 8 - 14mm	Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 14mm, mỗi bước tăng 1mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 25, 30mm - Chiều rộng có tối thiểu cỡ 10mm - Độ uốn ≥ 6 độ - Mũi nhọn hình viên đạn, có răng. Có khoang ghép xương tự thân Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
322	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 16mm, dài 26mm	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực- Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK)- Cao trong khoảng 8 - 16mm, mỗi bước tăng 2mm- Chiều dài x chiều rộng: 26 x 10mm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
323	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 15mm	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 7 - 15mm, mỗi bước tăng 2mm - Chiều dài trong khoảng 26 - 32mm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
324	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 6 - 14mm, góc nghiêng 0°	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 6 - 14mm - Độ nghiêng 0° - Rộng trong khoảng 10 - 12mm, dài trong khoảng 25 - 30mm - Khoang nhồi xương rộng trong khoảng 0.6 - 1.4ml - Có điểm đánh dấu cản quang Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
325	Điện cực áp vỏ não loại khoảng 2 x 4	Điện cực áp vỏ não hình lưới sử dụng đo điện não trong lúc mổ - Chất liệu các điện cực dạng silicon mỏng, dẻo có đĩa tiếp xúc bạch kim với khoảng cách 1cm và nhãn có đánh số để phân biệt - Kích thước lưới khoảng 2 x 4 điện cực (2 dây, mỗi dây 4 cái) - Dây dẫn dài ≥ 2.5m Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	6
326	Điện cực đơn kim dưới da	Điện cực kim dưới da dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật	Cái	600

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	dùng cho máy dò thần kinh, dài 1 - 2.5m	- Điện cực hình kim thẳng, dài $13 \pm 0.5\text{mm}$, đường kính có tối thiểu 0.4mm - Chiều dài dây cáp trong khoảng 1.0 - 2.0m - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiết niệu - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
327	Điện cực hai kim dưới da và cáp xoắn dùng cho máy dò thần kinh, dài khoảng 1 - 2.5m	Điện cực thần kinh kim dưới da xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh - Điện cực hình kim thẳng, dài $13 \pm 0.5\text{mm}$, đường kính có tối thiểu cỡ 0.4mm - Chiều dài dây cáp trong khoảng 1.0 - 2.0m, cáp xoắn - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiết niệu - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2.250
328	Điện cực kim dưới da dạng cong dùng cho máy dò thần kinh, dài khoảng 1 - 2.5m	Điện cực kim cong dưới da - Chiều dài: $13 \pm 0.5\text{mm}$, đường kính có tối thiểu cỡ 0.4mm - Chiều dài dây cáp trong khoảng 1 - 2.5m - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiết niệu - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	600
329	Điện cực kim dưới da dạng móc dùng cho máy dò thần kinh, dài khoảng 1 - 2.5m	Điện cực kim móc dưới da - Chiều dài: $13 \pm 0.5\text{mm}$, đường kính có tối thiểu cỡ 0.4mm - Chiều dài dây cáp trong khoảng 1 - 2.5m - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiết niệu - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	600
330	Điện cực kim dưới da dạng xoắn dùng cho máy dò thần kinh, dài khoảng $1.5 \pm 0.05\text{m}$	Điện cực thần kinh kim dưới da dạng xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài dây cáp $1.5 \pm 0.05\text{m}$ - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiết niệu - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	750
331	Điện cực của máy dò thần kinh, đơn cực,	Điện cực thần kinh đơn cực dạng nón dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Loại điện cực: uốn cong để bám vào da đầu - Chiều dài dây cáp trong khoảng 2.0 - 3.0m.	Cái	30

Đovan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	dạng nón, uốn cong	- Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
332	Điện cực của máy dò thần kinh, đơn cực, dạng thẳng	Điện cực thần kinh đầu dò đơn cực thẳng dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài điện cực: $100 \pm 0.05\text{mm}$ - Chiều dài tay cầm: trong khoảng 9 - 11cm - Chiều dài dây cáp: trong khoảng 2.0 - 3.0m - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
333	Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực, dạng cong	Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực cong dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài thân điện cực $95 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài tay cầm khoảng: trong khoảng 9 - 11cm- Chiều dài dây cáp trong khoảng 2 - 3m- Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh việnTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
334	Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực, dạng móc	Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực móc dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài đầu dò $20 \pm 0.5\text{mm}$, tay cầm trong khoảng 9 - 11cm - Chiều dài dây cáp trong khoảng 2.0 - 3.0m - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
335	Điện cực dán dạng đơn nối đất dùng cho máy NIMEclipse, dài khoảng 2 - 2.5m	Điện cực dán dạng đơn nối đất dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài trong khoảng 2.0 - 2.5m - Có 1 đầu dán nối với dây dẫn - Tương thích với máy NIMEclipse của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
336	Điện cực dạng đầu dò qua nếp vít dùng cho máy NIMEclipse, dài khoảng 2 - 3m	Điện cực dạng đầu dò qua nếp vít dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài trong khoảng 2.0 - 3.0m, đầu dò dài $100 \pm 5\text{mm}$ - Gồm 1 đầu dò thẳng, có đầu mũi dò hình tròn, đều, nối với dây dẫn - Tương thích với máy NIMEclipse của Bệnh viện Tiệt khuẩn	Cái	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
337	Điện cực đầu dò qua chân cung dùng cho máy dò thần kinh	Điện cực thần kinh đầu dò chân cung dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Đầu dò dạng hình tròn, đường kính $3.0 \pm 0.05\text{mm}$, dài $100 \pm 0.05\text{mm}$ - Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$ - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
338	Điện cực thần kinh dạng kim 1 kênh dùng cho máy NIMEclipse, dài $\geq 2.5\text{m}$	Điện cực thần kinh dạng kim 1 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$ - Có 1 kim, nối với dây dẫn - Tương thích với hệ thống máy NIMEclipse của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	450
339	Điện cực thần kinh dạng kim 2 kênh dùng cho máy Nimeclip, dài $\geq 2.5\text{m}$	Điện cực thần kinh dạng kim 2 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$ - Có 2 kim, nối với dây dẫn - Tương thích với hệ thống máy NIMEclipse của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.800
340	Điện cực thần kinh dạng xoắn dùng cho máy NIMEclipse, dài $\geq 2.5\text{m}$	Điện cực thần kinh dạng xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$ - Đầu có dạng hình xoắn ốc, nối với dây dẫn - Tương thích với hệ thống máy NIMEclipse của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	600
341	Điện cực thần kinh đầu dò kích thích dây thần kinh tương thích hệ thống máy NIMEclipse	Điện cực thần kinh đầu dò kích thích dây thần kinh dùng cho phẫu thuật thần kinh cột sống dùng để kích thích dây thần kinh cho máy cảnh báo dây thần kinh liệt tủy - Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$ - Đầu điện cực dạng cong hoặc thẳng Tiệt khuẩn - Tương thích với hệ thống máy NIMEclipse của Bệnh viện Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
342	Điện cực vỏ não và cột sống đa lớp, Tương thích với máy dò thần kinh	Điện cực dùng đo điện não trong mô, điện cực bạch kim - Số điện cực tiếp xúc: 8 - Đường kính tiếp xúc 4mm	Cái	8

Đovan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Neuro-IOM 32B	- Cáp dài trong khoảng 2.50 - 2.55m - Đầu nối cảm ứng 1.5mm - Dây chì Cu / Sn với vỏ bọc bằng PVC - Kết nối CuZn / Ni với vỏ bọc bằng PVC - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
343	Đốt sóng cột sống cổ nhân tạo liền khối, điều chỉnh được độ cao bằng 1 vòng trên thân đốt sóng	Đốt sóng cột sống cổ nhân tạo liền khối dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sóng cổ, điều chỉnh được độ cao bằng 1 vòng trên thân đốt sóng- Chất liệu Ti6AL4V-Eli- Đường kính khoảng 12 - 16mm, tối thiểu ≥ 3 cỡ- Góc uốn có tối thiểu các cỡ 0°, 6°- Độ cao thay đổi trong khoảng 10 - 65mm - Trên thân có 1 vít khóa Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
344	Đốt sóng cột sống cổ, kèm vít cố định	Đốt sóng cột sống cổ kèm vít cố định dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sóng cổ - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính khoảng 10 - 40mm - Chiều cao có tối thiểu cỡ 13 - 18mm, 17 - 26mm, 25 - 41mm, 40 - 65mm - Góc uốn trong khoảng 0° - 18°, tối thiểu ≥ 3 cỡ - Vít cố định có tối thiểu các cỡ 4.0, 5.0mm. Chiều dài trong khoảng 14 - 18mm - Trên thân có một vít khóa Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
345	Đốt sóng cột sống ngực, lưng	Đốt sóng cột sống nhân tạo liền khối dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sóng ngực, lưng - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 20, 24, 26, 29, 32mm - Dài có tối thiểu các cỡ 35, 45, 55mm - Cao trong khoảng 15 - 124mm - Nắp đầu có dạng hình tròn hoặc hình oval Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	6
346	Đốt sóng cột sống ngực, lưng nhân tạo dạng lồng	Đốt sóng cột sống ngực, lưng nhân tạo dạng lồng dùng trong phẫu thuật thay thân sóng ngực, lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 13, 16, 19mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 30, 40, 60, 90mm - Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
347	Đốt sống cột sống ngực, lưng, hình trụ, có thân rỗng nhồi xương	Đốt sống cột sống ngực lưng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 20 - 25mm - Cao trong khoảng 25 - 90mm - Hình trụ tròn Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
348	Kẹp cổ túi phình mạch máu não dùng trong mổ mở và xâm lấn tối thiểu	Kẹp cổ túi phình mạch máu não dùng trong phẫu thuật kẹp túi phình mạch máu não - Chất liệu Titanium - Ngâm dài trong khoảng 3.0 - 20mm - Có dụng cụ gắn kẹp Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	360
349	Kẹp vá sọ não tự tiêu loại hai miếng cố định trong và ngoài bàn sọ	Kẹp vá sọ não tự tiêu dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định nắp sọ - Đường kính khoảng 11 - 20mm, có tối thiểu 2 cỡ - Gồm 1 trục và 2 đĩa nẹp Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	195
350	Kim chọc dò cuống sống 11G	Kim chọc cuống sống, dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống có bóng - Chất liệu thép không gỉ - Kích cỡ tối thiểu 11G - Bao gồm kim mũi hình kim cương và trocar Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
351	Kim chọc dò cuống sống 11G, 13G, 15G	Kim chọc dò cuống sống dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống - Chất liệu kim chọc dò bằng thép không gỉ và tay cầm nhựa - Mũi vát, có tối thiểu cỡ 11G, 13G, 15G - Chiều dài có tối thiểu cỡ 100mm, 120mm, 150mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	36
352	Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sốc, 9G, 11G, 13G và 15G	Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sốc dùng kết hợp với xi măng tạo hình thân đốt sống - Chất liệu phần cán làm bằng nhựa, phần kim làm bằng thép không gỉ - Kích thước có tối thiểu cỡ: 9G, 11G, 13G và 15G - Chiều dài trong khoảng 120 - 150mm - Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sốc các cỡ, mũi kim vát hoặc mũi kim cương, đầu nối Luer Lock Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	18

Loan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
353	Kim định vị và dùi chân cung cho vít đa trục rỗng nông, bắt qua da, khóa ngàm vuông	Kim định vị và dùi chân cung cho vít đa trục rỗng nông, bắt qua da, khóa ngàm vuông dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn- Chất liệu thép không gỉ, có tay cầm- Đầu nhọn hoặc có mặt vácTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
354	Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu, lượng máu 10 ml	Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu - Lượng máu: 10 ml thu nhận được trong khoảng 5 - 6 ml PRP - Chức năng: phục hồi tiểu cầu > 90%, tỷ lệ sót hồng cầu HCT <1% - Tốc độ quay ly tâm tương ứng với 1.500 RCF là 3.000 RPM - Tương thích sinh học và không chứa Pyrogen Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ổng	75
355	Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu, lượng máu 06 ml	Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu - Lượng máu: 6 ml thu nhận được 3 ml PRP - Chức năng: phục hồi tiểu cầu > 70%, tỷ lệ sót hồng cầu HCT <1% - Tốc độ quay ly tâm tương ứng với 1.500 RCF là 3.000 RPM - Tương thích sinh học và không chứa Pyrogen Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ổng	75
356	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng: - Đầu mũi đốt cách nhiệt giảm tổn thương mô và đảm bảo cho cắt mô và cầm máu - Khả năng hút ưu việt giúp giảm các bong bóng cản trở tầm nhìn đảm bảo phẫu trường rõ ràng. - Lớp phủ cách nhiệt trên bề mặt lưỡi đốt giúp giảm bám dính mô mềm và giữ nhiệt độ thấp kéo dài trong suốt ca phẫu thuật - Góc nghiêng của lưỡi cắt đốt: 90°/70 Tiệt khuẩn	Cái	8
357	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống hai cổng	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong nội soi cột sống hai cổng - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.8mm, chiều dài làm việc ≥ 135mm - Đầu dao đốt uốn được Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
358	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống một cổng	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống một cổng - Đường kính tối thiểu 2.4mm, chiều dài làm việc 400 ± 10mm - Đầu dao đốt uốn Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
359	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma đường kính thân đốt	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần tạo Plasma dùng trong nội soi cột sống hai cổng - Đường kính thân đốt tối thiểu 1.6mm và góc đầu nhọn cong khoảng 24°	Cái	15

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	tối thiểu 1.6mm dùng trong nội soi cột sống hai công	Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
360	Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 công	Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 công: - Đường kính lưỡi mài: 2, 3, 4, 5mm - Chiều dài lưỡi mài $\geq 130\text{mm}$ Tiệt khuẩn	Cái	8
361	Lưỡi mài phá, đầu tròn dùng trong nội soi cột sống 2 công	Lưỡi mài phá, đầu tròn dùng trong nội soi cột sống 2 công: - Đường kính lưỡi mài: 3mm, 4mm - Chiều dài lưỡi mài $\geq 130\text{mm}$ Tiệt khuẩn	Cái	8
362	Lưỡi mài xương kim cương dài $\geq 265\text{mm}$	Lưỡi mài xương kim cương thô cho nội soi cột sống - Chất liệu thân bằng thép không gỉ, mũi phủ kim cương - Chiều dài $\geq 265\text{mm}$, đường kính thân có tối thiểu 4.5mm, mũi cầu có tối thiểu 4.4mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
363	Lưỡi mài xương kim cương dài $\geq 320\text{mm}$	Lưỡi mài xương kim cương thô cho nội soi cột sống - Chất liệu thân bằng thép không gỉ, mũi phủ kim cương - Chiều dài $\geq 320\text{mm}$, đường kính thân có tối thiểu 3.5mm, mũi cầu có tối thiểu 3.4mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
364	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh 2.5 x 7.5cm ($\pm 05\%$)	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị vá lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu Collagen siêu tinh khiết- Kích thước 2.5 x 7.5cm ($\pm 05\%$) - Tự tiêu và màng cứng tự thân sau 12 tháng, tự dính, không cần khâu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
365	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh kích thước 10 x 12.5cm ($\pm 05\%$)	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị vá lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu Collagen siêu tinh khiết - Kích thước 10 x 12.5cm ($\pm 05\%$) - Tự tiêu và màng cứng tự thân sau 12 tháng, tự dính, không cần khâu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
366	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị vá lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu Collagen siêu tinh khiết - Kích thước 2.5 x 2.5cm ($\pm 05\%$) - Tự tiêu và màng cứng tự thân sau 12 tháng, tự dính, không cần khâu	Cái	30

2074

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	kích thước 2.5 x 2.5cm ($\pm$ 05%)	Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
367	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh thước 7.5 x 7.5cm ($\pm$ 05%)	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị và lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu Collagen siêu tinh khiết - Kích thước 7.5 x 7.5cm ($\pm$ 05%) - Tự tiêu và màng cứng tự thân sau 12 tháng, tự dính, không cần khâu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
368	Màng cứng nhân tạo Poly-L-Lactic Acid tự dính dùng phẫu thuật thần kinh cỡ 15 x 15cm ($\pm$ 05%)	Màng cứng nhân tạo dùng thay thế màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não và cột sống - Chất liệu Poly-L-Lactic Acid - Kích cỡ 15 x 15cm ($\pm$ 05%) - Có dạng miếng, không dính mô, tự dính, tự tiêu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
369	Màng cứng nhân tạo Poly-L-Lactic Acid tự dính dùng phẫu thuật thần kinh cỡ 2.5 x 7.5cm ($\pm$ 05%)	Màng cứng nhân tạo dùng thay thế màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não và cột sống - Chất liệu Poly-L-Lactic Acid - Kích cỡ 2.5 x 7.5cm ($\pm$ 05%) - Có dạng miếng, không dính mô, tự dính, tự tiêu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
370	Màng cứng nhân tạo Poly-L-Lactic Acid tự dính dùng phẫu thuật thần kinh cỡ 5 x 5cm/ 6 x 6cm ($\pm$ 05%)	Màng cứng nhân tạo dùng thay thế màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não và cột sống - Chất liệu Poly-L-Lactic Acid - Kích cỡ 5 x 5cm hoặc 6 x 6cm ($\pm$ 05%) - Có dạng miếng, không dính mô, tự dính, tự tiêu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
371	Màng cứng nhân tạo sinh học tự tiêu	Màng cứng nhân tạo sinh học tự tiêu phủ khuyết điểm màng cứng khoảng 1cm - Chất liệu Collagen tinh khiết, từ màng ngoài tim bò, kết hợp 2 vật liệu (polyester và Polypropylen) - Kích thước 7.5 x 7.5cm ($\pm$ 05%) - Độ bám dính cao Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	75
372	Miếng ghép tạo hình cân cơ thái dương các cỡ trái, phải	Miếng ghép tạo hình cân cơ thái dương dùng trong phẫu thuật sọ não - Chất liệu Polyethylene - Kích cỡ: 76 x 61 x 19mm; 90 x 73 x 19mm; 101 x 85 x 19mm ($\pm$ 05%); mỗi cỡ có dạng trái và phải Tiệt khuẩn	Cái	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
373	Miếng ghép tạo hình khuyết sọ một bên bán cầu cỡ 174 x 133 x 5.0mm ($\pm 05\%$)	Miếng ghép tạo hình một bên bán cầu sọ dùng trong phẫu thuật sọ não - Chất liệu Polyethylene - Kích cỡ 174 x 133 x 5.0mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
374	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt cỡ 50 x 76 x 1.5mm ($\pm 05\%$)	Miếng ghép dùng trong phẫu thuật sọ não - Chất liệu Polyethylene - Kích cỡ 50 x 76 x 1.5mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
375	Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, 45 x 45mm ($\pm 05\%$)	Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh- Thành phần cấu tạo từ collagen bò- Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG)- Kích thước 45 x 45mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	8
376	Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, 45 x 90mm ($\pm 05\%$)	Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh - Thành phần cấu tạo từ collagen bò - Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG) - Kích thước 45 x 90mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	8
377	Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, khoảng 27 x 27mm ($\pm 05\%$)	Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh - Thành phần cấu tạo từ collagen bò - Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG) - Kích thước 27 x 27mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	8
378	Miếng vá khuyết sọ khoảng 120 x 120 x 0.6mm ($\pm 05\%$), dạng 3D	Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D - Lỗ bắt vít chìm - Kích thước 120 x 120 x 0.6mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	5
379	Miếng vá khuyết sọ khoảng 150 x 150 x 0.6mm	Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D - Lỗ bắt vít chìm - Kích thước 150 x 150 x 0.6mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn	Miếng	3

Handwritten signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	(± 05%), dạng 3D	Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
380	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu Polycaprolacton, 100 x 2 x 4mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lắp khoảng trống và tái tạo xương đường cắt sọ sau phẫu thuật cắt sọ - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 100 x 2 x 4mm (± 05%) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	60
381	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu Polycaprolacton, 100 x 3.5 x 4mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lắp khoảng trống và tái tạo xương đường cắt sọ sau phẫu thuật cắt sọ - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 100 x 3.5 x 4mm (± 05%) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	60
382	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton tái tạo lỗ khoan sọ trong phẫu thuật shunt, dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu tái tạo các lỗ khoan sọ trong phẫu thuật đặt shunt - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, dày trong khoảng 0.5 - 30mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	30
383	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton tái tạo lỗ khoan sọ, dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu tái tạo các lỗ khoan sọ - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, hình dáng tròn - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, dày trong khoảng 0.5 - 30mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	30
384	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 25 x 25 x 1.25mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt, - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 25 x 25 x 1.25mm (± 05%) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	23
385	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 50 x 50 x 1.25mm (±	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt, - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 50 x 50 x 1.25mm (± 05%)	Miếng	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	05%), dạng xốp	Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
386	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 50 x 50 x 2mm ($\pm 05\%$), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt, - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600 μ m, cỡ 50 x 50 x 2mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	15
387	Miếng vá nhân tạo hố yên	Miếng vá nhân tạo hố yên dùng trong phẫu thuật vùng hố yên, tái tạo sàn sọ vùng hố yên - Chất liệu Polyethylene - Cỡ 40 x 40 x 2.7 x 0.7mm ($\pm 05\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	3
388	Mũi khoan cắt sọ, hình răng cưa, tương thích với máy khoan model IPC	Mũi khoan cắt sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.3mm, dài trong khoảng 16 - 16.5mm - Mũi khoan hình răng cưa, đuôi hình trụ có tối thiểu 6 cạnh đều nhau dài ≥ 4 mm, chiều dài làm việc có tối thiểu 8cm - Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	300
389	Mũi khoan mài kim cương có đường dẫn nước, tương thích với máy khoan model IPC	Mũi khoan mài kim cương, có đường dẫn nước dùng trong phẫu thuật nội soi u tuyến yên - Đường kính có tối thiểu cỡ 3mm - Đầu mũi khoan hình kim cương, có đường dẫn nước tưới hốc mô trên mũi khoan, đuôi mũi khoan bằng nhựa - Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	38
390	Mũi khoan mài sọ, mũi mài hình tròn, tương thích với máy khoan model IPC	Mũi khoan mài sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh - Đường kính khoảng 2 - 5mm, tối thiểu ≥ 4 cỡ - Chiều dài làm việc trong khoảng 9 - 14cm - Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
391	Mũi khoan phá sọ, mũi hình tròn, tương thích với máy khoan model IPC	Mũi khoan phá sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh - Đường kính khoảng 2 - 7.5mm, tối thiểu ≥ 4 cỡ - Chiều dài làm việc trong khoảng 9 - 14cm - Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
392	Mũi khoan tạo lỗ xương sọ, tương thích với	Mũi khoan tạo lỗ xương sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh - Đường kính từ 1mm đến 7.5mm - Chiều dài trong khoảng 7 - 15cm	Cái	45

Đón

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	máy khoan model IPC	- Tương thích với máy khoan model IPC của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
393	Nẹp cột sống cổ lõi trước kèm vít khóa, ngang $\geq$ 1.7mm, dài 19 - 80mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước kèm vít khóa dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Titanium - Ngang $\geq$ 1.7mm, dài trong khoảng 19 - 80mm - Nẹp được uốn cong Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
394	Nẹp kèm vít khóa nổi, tương thích vít xương chậu rộng nông đầu mũi thấp	Nẹp kèm vít khóa nổi dùng trong phẫu thuật bắt vít xương chậu. - Chất liệu hợp kim Titanium - Vít nổi với vít xương chậu tạo góc xoay $\pm 8^\circ$ - Tương thích với "Vít xương chậu rộng nông đầu mũi vít thấp" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
395	Vít xương chậu rộng nông đầu mũi vít thấp	Vít xương chậu loại rộng nông có phần đầu mũi vít thấp - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 7.5, 8.5, 10.0mm - Chiều dài trong khoảng 40 - 140mm - Tương thích với "Nẹp kèm vít khóa nổi, tương thích vít xương chậu rộng nông đầu mũi thấp" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
396	Nẹp liên kết vít cổ lõi sau	Nẹp liên kết vít cổ lõi sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Ti-6Al-4V EL - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.6mm, 6.1mm - Loại đồng trục: chiều dài có tối thiểu các cỡ 13.5mm, 19mm - Loại mặt bên: chiều dài từ 13.5mm đến 15.5mm (bước tăng 1.0mm) - Loại bên phải/ trái (10°): chiều dài từ 16mm đến 18mm (bước tăng 1.0mm) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
397	Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực	Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Chiều dài trong khoảng 30 - 75mm - Có móc 2 đầu có thể điều chỉnh độ dài Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
398	Nẹp ngang nối thanh nẹp dọc cột sống lưng	Nẹp ngang nối thanh nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống- Chất liệu Ti-6Al-4V ELI+ Loại đồng trục: các cỡ 20, 22, 24, 26mm, tương thích vít đường kính khoảng 5.5 - 6.35mm, 2 đầu mở+ Loại bên: các cỡ 20, 22, 24, 26mm, tương thích vít đường kính khoảng 5.5 - 6.35mm, 2 đầu mở+ Loại bên kết nối ngoài vít cánh chấu: ≥ 4 cỡ từ 15mm đến 40mm, 2 loại mở và đóngTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
399	Nẹp thẳng và sọ sinh học tự tiêu, khoảng 20 lỗ	Nẹp thẳng và sọ sinh học dùng trong phẫu thuật sọ não, độ bền phù hợp trong suốt quá trình liền xương - Chất liệu sinh học khoảng 80 - 82% Poly-L-Lactic Acid và khoảng 18 - 20% Poly-Glycolic Acid - Dạng thẳng, có ≥ 20 lỗ, kích cỡ 1.5 hoặc 2.0mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
400	Nẹp thẳng và sọ, 16 lỗ	Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Dày trong khoảng 0.6 - 1mm, dạng thẳng, có 16 lỗ Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
401	Nẹp thẳng và sọ, 20 lỗ	Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Dày 0.6mm, dạng thẳng, có 20 lỗ Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
402	Nẹp tròn và sọ, 5 lỗ	Nẹp tròn và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Dày 0.5mm, dạng tròn, có 5 lỗ Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
403	Ống nong dùng cho điều trị đau cột sống, lưng, cổ, dạng cong 8 độ	Ống nong dùng cho điều trị đau cột sống, lưng, cổ, dạng cong 8 độ - Chất liệu thép không gỉ - Tổng chiều dài 100 - 150mm - Đường kính 0.7/0.9mm, đầu tiếp xúc 5/10mm - Ống nong dùng 1 lần, dạng thẳng và sắc: - Chiều dài: 50mm, đường kính: 0.7/0.9/1.4mm, đầu tiếp xúc: 4/5/7/10mm Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	3
404	Ống nong dùng cho đốt nhân sâu trong não	Ống nong dùng cho đốt nhân sâu trong não - Chất liệu thép không gỉ - Chiều dài có tối thiểu cỡ 115mm, đường kính có tối thiểu cỡ 1.2mm, đầu tiếp xúc: 2/5/7/10mm. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
405	Ống soi dùng trong nội soi cột sống 2 công	Ống soi dùng trong nội soi cột sống 2 công - Chiều dài làm việc có tối thiểu cỡ 142mm, đường kính có tối thiểu cỡ 4mm, góc nghiêng 30 độ và 90 độ, nặng 60g - Thiết kế quang học được cấp bằng sáng chế tạo ra hình ảnh	Cái	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		chất lượng 4K Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
406	Que luồn dưới da dài ≥ 60 cm	Que luồn dưới da dùng hỗ trợ luồn Catheter xuống bụng trong mổ đặt shunt dẫn lưu não thất - màng bụng Gồm 3 bộ phận: - Trục ống dài ≥ 60 cm: làm từ thép không gỉ. Đường kính trong có tối thiểu cỡ 3.3mm. Đường kính ngoài ≥ 4.8 mm - Tay cầm chữ T - Bộ phận dùng để lắp với đầu tip hình viên đạn chất liệu Polypropylene Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	38
407	Vít cột sống lưng đa trục rỗng đuôi vít rời, có lỗ bơm xi măng kèm vít khóa trong	Vít cột sống lưng đa trục rỗng đuôi vít rời, có lỗ bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu hợp kim Ti-6Al-4V ELI - Đường kính khoảng 4.5 - 9.5mm, dài trong khoảng 25 - 100mm - Có lỗ bơm xi măng kèm vít khóa trong Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
408	Xi măng sinh học cột sống độ nhót cao đóng kín hoàn toàn	Xi măng sinh học cột sống độ nhót cao đóng kín hoàn toàn dùng trong tạo hình thân đốt sống - Thành phần: khoảng 24g bột xi măng (có tối thiểu Zirconium dioxide 45%) và 10ml dung dịch pha, độ nhót cao - Thời gian trộn trong khoảng 30 - 45 giây Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
409	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha trong bơm thân sống	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha dùng trong phẫu thuật tạo hình thân sống - Bột xi măng 20g ($\pm 5\%$) và dung dịch pha xi măng 8ml ($\pm 5\%$) - Thành phần: + Bột xi măng: Polymethyl Methacrylate (PMMA) 12.5g ($\pm 5\%$); Barium Sulphate (BaSO ₄): 7.0g ($\pm 5\%$); Benzoyl Peroxide (BPO) 0.3g ($\pm 5\%$) + Dung dịch pha: Methyl Methacrylate (MMA) khoảng 7.5 - 8.0ml, Dimethylparatoluide (DmpT) khoảng 0.1 - 0.2ml, Hydroquinone (HQ): 75ppm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	18
410	Xương nhân tạo, bằng β Tricalcium Phosphate, ≥ 1 ml	Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương- Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt - Thê tích ≥ 1 ml, dạng gel- Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước trong khoảng 1 - 100 μ m Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
411	Xương nhân tạo, bằng β Tricalcium Phosphate, $\geq 2.5\text{ml}$	Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương - Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt - Thể tích $\geq 2.5\text{ml}$, dạng gel - Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước trong khoảng $1 - 100\mu\text{m}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	3
412	Xương nhân tạo, bằng β Tricalcium Phosphate, $\geq 5\text{ml}$	Xương nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống để kích thích hàn xương - Thành phần β Tricalcium Phosphate tái hấp thu dạng vi hạt - Thể tích $\geq 5\text{ml}$, dạng gel - Các hạt kết nối với nhau tạo lỗ xốp có kích thước trong khoảng $1 - 100\mu\text{m}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	3
413	Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ	Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Dày trong khoảng $0.6 - 1\text{mm}$, dạng thẳng, có 6 lỗ - Tương thích với "Miếng và khuyết sọ khoảng $131 \times 235 \times 0.65\text{mm}$ ($\pm 01\%$)" hoặc "Vít và sọ tự khoan, mũ vít 1.65mm và 2mm ", "Vít và sọ tự khoan đường kính $1.5 - 2.0\text{mm}$ " tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
414	Miếng và khuyết sọ khoảng $131 \times 235 \times 0.65\text{mm}$ ($\pm 01\%$)	Miếng và khuyết sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để che phủ vị trí khuyết sọ - Chất liệu Titanium - Kích thước $131 \times 235 \times 0.65\text{mm}$ ($\pm 01\%$) - Tương thích với "Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	5
415	Vít và sọ tự khoan, mũ vít 1.65mm và 2mm	Vít và sọ tự khoan dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Mũ vít có tối thiểu cỡ 1.65mm và 2mm , đầu vít tự khoan, tự tạo ren, loại chống long - Tương thích với "Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
416	Vít và sọ tự khoan đường kính $1.5 - 2.0\text{mm}$	Vít và sọ não tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng $1.5 - 2.0\text{mm}$, dài trong khoảng $4 - 7\text{mm}$, loại chống long - Tương thích với "Nẹp thẳng và sọ, 6 lỗ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn	Cái	60

Lưu

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
417	Vít và sọ tự khoan, tự tạo ren, đường kính $\geq 2.0\text{mm}$, dài 5 - 6mm	Vít và sọ tự khoan, tự tạo ren, dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.0mm, dài trong khoảng 5 - 6 mm - Tương thích với "Nẹp và sọ, tối thiểu 16 lỗ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	300
418	Nẹp và sọ, tối thiểu 16 lỗ	Nẹp và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não - Chất liệu Titanium - Có tối thiểu 16 lỗ, dài $\geq 10\text{cm}$, khoảng cách lỗ 6mm - Tương thích với "Vít và sọ tự khoan, tự tạo ren, đường kính $\geq 2.0\text{mm}$, dài 5 - 6mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
419	Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng	Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu: Ti6Al4V ELI - Đường kính có tối thiểu các cỡ 5.2mm, 6.2mm, 7.2mm - Chiều dài ≥ 6 cỡ và có tối thiểu các cỡ 65, 70, 75, 80mm tương ứng đường kính 7.2mm - Bước ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng, khoảng cách ren 5mm, mũi vít tự dẫn hướng. Góc dao động: 52° - Tương thích với "Nẹp dọc thẳng đường kính tối thiểu 5.5mm dài $\geq 470\text{mm}$ " hoặc "Nẹp nối ngang tự điều chỉnh kích cỡ với 2 trục xoay", "Vít khóa trong cho vít cột sống đa trục, 2 bước ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
420	Nẹp dọc thẳng đường kính tối thiểu 5.5mm dài $\geq 470\text{mm}$	Nẹp dọc thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực - Chất liệu: Ti6Al4V ELI - Đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm - Chiều dài $\geq 470\text{mm}$ - Thiết kế: đầu nẹp dọc hình thập giác - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng", "Vít khóa trong cho vít cột sống đa trục, 2 bước ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
421	Nẹp nối ngang tự điều chỉnh kích cỡ với 2 trục xoay	Nẹp nối ngang tự điều chỉnh với 2 trục xoay dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực- Chất liệu: Ti6Al4V ELI - Kích thước trong khoảng: 33 – 34mm; 34 – 36mm; 36 – 40mm; 39 – 47mm; 47 – 61mm; 61 – 90mm- Thiết kế có thể co rút được với 2 trục xoay và chiều dài có thể điều chỉnh được. Kèm vít khóa trong - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, hai	Cái	2

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		bước ren, mũi vít tự dẫn hướng", "Vít khóa trong cho vít cột sống đa trục, 2 bước ren" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
422	Vít khóa trong cho vít cột sống đa trục, 2 bước ren	Vít khóa trong cho vít cột sống đa trục, 2 bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu: Ti6Al4V ELI - Thiết kế: Lỗ ốc khóa hình ngôi sao, ren vuông - Tương thích với "Nẹp dọc thẳng đường kính tối thiểu 5.5mm dài $\geq 470\text{mm}$ " hoặc "Nẹp nối ngang tự điều chỉnh kích cỡ với 2 trục xoay", "Vít cột sống lưng đa trục, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng" tại danh mục mời thầu - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
423	Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau	Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Hợp kim titanium - Đường kính trong khoảng 3.5 - 4.5mm, dài trong khoảng 10 - 50mm - Tự tạo ren/ tự khoan. - Vít đặc, vít rỗng lòng - Tương thích với "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng hợp kim Titanium", "Nẹp dọc cột sống cổ sau, dài 25 - 240mm, đường kính $\leq 4.0\text{mm}$, dài 25 - 240mm" hoặc "Nẹp ngang cổ sau góc xoay $\pm 20^\circ$, đường kính $\leq 4.0\text{mm}$, dài 34 - 60mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
424	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng hợp kim Titanium	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau. - Chất liệu hợp kim titanium. - Vít khóa trong, có phần chụp đầu mũ vít - Tương thích với "Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
425	Nẹp dọc cột sống cổ sau, dài 25 - 240mm, đường kính $\leq 4.0\text{mm}$, dài 25 - 240mm	Nẹp dọc cột sống cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu hợp kim titanium/ CoCr - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.0mm, dài trong khoảng 25 - 240mm - Đầu nẹp phẳng hoặc hình lục giác - Tương thích với "Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng hợp kim Titanium" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
426	Nẹp ngang cổ sau góc xoay $\pm 20^\circ$, đường	Nẹp ngang cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu hợp kim titanium hoặc CoCr - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.0mm, dài trong khoảng 34 -	Cái	3

Lozw

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	kính $\leq 4.0\text{mm}$, dài 34 - 60mm	60mm, góc xoay $\pm 20^\circ$ - Tương thích với "Vít cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
427	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng hai bước ren, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng hai bước ren - Mũ vít bằng Colbalt Chrome, thân vít bằng Titanium - Đường kính khoảng 4.5 - 8.5mm, dài trong khoảng 5 - 80mm - Tương thích với "Vít khóa trong", "Nẹp dọc qua da uốn sẵn, đường kính tối thiểu 4.75 mm, dài 30 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
428	Vít khóa trong	Vít khóa trong - Chất liệu: hợp kim Titanium - Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9mm - Đường kính ren khoảng 7.5 - 8.0mm - Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong khoảng 4.8 - 5.0mm - Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũ vít khóa trong: khoảng 10.0 - 10.5mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng hai bước ren, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm", "Nẹp dọc qua da uốn sẵn, đường kính tối thiểu 4.75 mm, dài 30 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
429	Nẹp dọc qua da uốn sẵn, đường kính tối thiểu 4.75 mm, dài 30 - 90mm	Nẹp dọc qua da uốn sẵn các cỡ - Chất liệu Cobalt Chrome - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.75mm, dài trong khoảng 30 - 90mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng hai bước ren, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm", "Vít khóa trong" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
430	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng, đường kính 5.5 - 7.5mm, dài 30 - 50mm	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da, dùng trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu cột sống ngực, lưng- Chất liệu hợp kim Titanium- Đường kính có tối thiểu các cỡ 5.5, 6.5, 7.5mm- Chiều dài trong khoảng 30 - 50mm- Rỗng nòng. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28° - Tương thích với "Vít khoá trong cho vít đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng", "Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn, qua da, dài 30 - 130mm, đường kính tối thiểu 5.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
431	Vít khoá trong cho vít đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng	Vít khoá trong cho vít đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng - Chất liệu: hợp kim Titanium - Tổng chiều dài của vít khoá trong bao gồm phần bẻ vít: 10.38mm - Đường kính > 8.5mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0mm - Chiều dài của phần vít khoá trong không bao gồm phần bẻ vít: 4.65mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng, đường kính 5.5 - 7.5mm, dài 30 - 50mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
432	Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn, qua da, dài 30 - 130mm, đường kính tối thiểu 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn bắt qua da dùng trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu cột sống ngực, lưng - Chất liệu: Titanium - Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm - Dài từ 30mm đến 130mm, bước tăng 5mm - Thiết kế có 1 đầu tù, 1 đầu có mấu - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng cánh ren ngược bắt qua da cột sống lưng, đường kính 5.5 - 7.5mm, dài 30 - 50mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
433	Kim chọc dò cuống sống dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu	Kim chọc dò cuống sống dùng trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu cột sống ngực, lưng: - Chất liệu thép không gỉ - Chiều dài ≥ 150mm - Tay cầm có khóa có thể tháo rời, có vạch chia trên thân dụng cụ - Gồm hai phần: phần kim bên ngoài với đường kính > 4mm và nòng bên trong với đường kính > 3mm - Bao gồm 01 kim mũi vát, 01 kim mũi trocar Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	38
434	Vít cột sống lưng đơn trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng, đường kính 4.0 - 7.5mm, dài 25 - 60mm	Vít cột sống lưng đơn trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính có ≥ 4 cỡ từ 4.0mm đến 7.5mm (bước tăng 0.5mm) - Chiều dài có ≥ 5 cỡ từ 25mm đến 60mm, góc xoay 60° - Ren đầu vít dạng khóa ngàm vuông - Tương thích với "Vít khóa trong cho vít đơn và đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng", "Nẹp dọc cột sống lưng, tròn, dài ≥ 500mm, đường kính tối thiểu 5.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn	Cái	15

Low

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
435	Vít cột sống lưng đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng, đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính có ≥ 5 cỡ 4.0mm đến 8.5mm (bước tăng 0.5mm) - Chiều dài có ≥ 5 cỡ từ 25mm đến 60mm, góc xoay 60° - Ren đầu vít dạng khóa ngàm vuông - Tương thích với "Vít khóa trong cho vít đơn và đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng", "Nẹp dọc cột sống lưng, tròn, dài ≥ 500 mm, đường kính tối thiểu 5.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
436	Vít khóa trong cho vít đơn và đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực - Chất liệu Titanium - Đầu vít khóa trong hình sao, khóa ngàm vuông - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục/ đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
437	Nẹp dọc cột sống lưng, tròn, dài ≥ 500 mm, đường kính tối thiểu 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng, tròn, dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực - Chất liệu Cobalt chrome và Titan - Đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm, dài ≥ 500 mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục/ đa trục ren đôi khóa ngàm vuông cột sống lưng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
438	Vít cột sống cổ, đơn/đa hướng, đường kính 4.0, 4.5mm, dài 11 - 17mm	Vít cột sống cổ, đơn/ đa hướng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 4.5mm* Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 11mm đến 17mm, bước tăng 1mm, đường kính trong 2.4mm, đường kính ngoài 4.0mm* Vít đường kính 4.5mm: chiều dài từ 11mm đến 17mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9mm, đường kính ngoài 4.5mm- Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ từ trong ra ngoài. - Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài. - Tương thích với "Nẹp cột sống cổ lồng trước, khóa tự động, dài 19 - 33mm/27 - 55mm/45 - 73mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
439	Nẹp cột sống cổ lồng trước, khóa tự động, dài 19 - 33mm	Nẹp cột sống cổ lồng trước, khóa tự động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài trong khoảng 19 - 33mm, dày ≥ 2.5 mm, rộng trong khoảng 17 - 18mm	Cái	3

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Trên nẹp có khóa vít, 4 lỗ, 1 tầng - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước, đơn/đa hướng, đường kính 4.0, 4.5mm, dài 11 - 17mm" tại danh mục mời thầu - TTiêu chuẩn CE (Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
440	Nẹp cột sống cổ lõi trước, khóa tự động, dài 27 - 55mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước, khóa tự động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài trong khoảng 27 - 55mm, dày ≥ 2.5mm, rộng trong khoảng 17 - 18mm - Trên nẹp có khóa vít, 6 lỗ, 2 tầng - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước, đơn/đa hướng, đường kính 4.0, 4.5mm, dài 11 - 17mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
441	Nẹp cột sống cổ lõi trước, khóa tự động, dài 45 - 73mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước, khóa tự động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài trong khoảng 45 - 73mm, dày ≥ 2.5mm, rộng trong khoảng 17 - 18mm - Trên nẹp có khóa vít, 8 lỗ, 3 tầng - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước, đơn/đa hướng, đường kính 4.0, 4.5mm, dài 11 - 17mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
442	Nẹp sọ não thẳng khoảng 20 lỗ bắt vít dùng kèm vít 1.6mm	Nẹp sọ não dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não - Chất liệu titanium - Đường kính lỗ nẹp tương thích với vít 1.6mm, lỗ bắt vít chìm trong khoảng 0.4 - 0.5mm - Nẹp thẳng có tối thiểu 20 lỗ, dày trong khoảng 0.65 - 0.7mm - Tương thích với "Vít và sọ não tự khoan, đường kính ≥ 1.6mm, dài ≥ 4mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	180
443	Vít và sọ não tự khoan, đường kính ≥ 1.6 mm, dài ≥ 4 mm	Vít và sọ não tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 1.6mm, dài có tối thiểu cỡ 4mm - Vít tự khoan, bước ren đơn, khoảng cách giữa các bước ren trong khoảng 0.9 - 1.0mm - Đầu vít hình chữ thập, đầu bắt vít cao trong khoảng 0.9 - 1.0mm - Tương thích với "Nẹp sọ não thẳng khoảng 20 lỗ bắt vít dùng kèm vít 1.6mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.200
444	Nẹp thẳng và sọ, ≥ 8 lỗ	Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Dày 1mm, dài 50mm, dạng thẳng, có 8 lỗ, khoảng cách lỗ	Cái	150

Long

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		bắt vít 6mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
445	Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 8G	Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: size 3, cỡ 8G (đường kính ngoài khoảng 4.2mm) - Bao gồm: + 02 ống Trocar dạng rỗng nòng có đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 4.2mm, có vạch chia trên thân ≤ 120 mm + 01 nòng bên trong ống Trocar + 01 mũi khoan thân sống có vạch chia độ thể hiện sâu vào thân sống trên thân mũi khoan (tối đa ≥ 40 mm) + 02 kim dẫn đường mũi nhọn + 02 kim dẫn đường đầu tù - Tương thích với "Bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm xi măng sinh học tạo hình thân sống có độ quán tính cao có kháng sinh, có cản quang", "Bộ trộn và phân phối xi măng sinh học có độ quán tính cao có kháng sinh, có cản quang", "Bộ dụng cụ đưa xi măng vào thân đốt sống tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23
446	Bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm xi măng sinh học tạo hình thân sống có độ quán tính cao có kháng sinh, có cản quang	Bơm áp lực đẩy xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống- Chất liệu nhựa- Áp lực bơm tối đa ≥ 400 psi- Có 02 chế độ hiển thị là psi và atm- Tương thích với "Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 8G" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
447	Bộ trộn và phân phối xi măng sinh học có độ quán tính cao có kháng sinh, có cản quang	Bộ trộn và phân phối xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống Bộ bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc kèm bộ trộn gồm: - 01 tay trộn - 01 thân bộ trộn dung tích 70ml trong đó có cơ chế khóa Luer - 01 pittong áp lực để đẩy xi măng vào kim chọc - 01 phễu đổ xi măng vào bộ trộn - 01 dây hút chân không - 01 bộ kết nối với khóa Luer trên thân bộ trộn - 01 bơm tiêm để hút dung dịch pha vào xi măng thể tích 10ml - 01 kim tiêm - Tương thích với "Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 8G" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	23
448	Bộ dụng cụ đưa xi măng vào	Bộ dụng cụ đưa xi măng vào thân đốt sống, dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống	Bộ	45

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	thân đốt sống tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh	- Chất liệu thép không gỉ và tay cầm nhựa - Bao gồm: + 01 ống rỗng nòng có đường kính 8G + 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch chia dung tích - Dung tích tối thiểu 1.5ml, cỡ 3 - Tương thích với "Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 8G" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
449	Xi măng sinh học dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống, có độ quán quang cao có kháng sinh, có cản quang	Xi măng sinh học dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống qua da - Bao gồm dung dịch đơn phân và polymer dạng bột trong đó có khoảng 30 - 32% Barisunfat - Độ kết dính, có cản quang - Thời gian đông tối thiểu 8 phút ở nhiệt độ 22° C - Tương thích với "Mũi khoan đốt sống, rỗng nòng, cỡ 8G" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lọ	30
450	Ống phun keo sinh học sử dụng cho keo sinh học dán màng não và cột sống chống rò dịch não tủy	Ống phun keo sinh học dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não, cột sống để ngừa rò dịch não tủy - Chất liệu nhựa - Ống phun sương dài $\geq 14\text{cm}$ - Tương thích với "Keo sinh học vá màng cứng vùng não và cột sống, $\geq 5\text{ml}$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
451	Keo sinh học vá màng cứng vùng não và cột sống, $\geq 5\text{ml}$	Keo sinh học vá màng cứng vùng não và cột sống - Hỗn hợp gồm: tiền chất Polyethylene Glycol (PEG) và trilylamine/ buffer - Tương thích với "Ống phun keo sinh học sử dụng cho keo sinh học dán màng não và cột sống chống rò dịch não tủy" tại danh mục mời thầu - Dung tích $\geq 5\text{ml}$ Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tuýp	45
452	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính (đầu gần và đầu xa) có tối thiểu các cỡ (5.5 và 7.0mm), (6.0 và 7.5mm), (6.5 và 8.0mm), (7.0 và 8.5mm), dài trong khoảng 30 - 100mm - Đầu vít đa trục, biên độ hoạt động $\pm 30^\circ$ - Tương thích với "Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng cho vít cột sống mũi cùn", "Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng, dài 30 - 500 mm, đường kính $\leq 5.5\text{ mm}$" hoặc "Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống" hoặc "Nẹp bán động lắp sẵn 2 tầng, chất liệu PET và PCU, các loại, các cỡ" tại danh mục mời thầu	Cái	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
453	Vít cột sống lưng đơn trực mũi cùn, đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 90mm	Vít cột sống lưng đơn trực mũi cùn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính ≥ 6 cỡ và trong khoảng 4.0 - 8.5mm - Chiều dài từ 25mm đến 90mm (bước tăng 5mm) - Tương thích với "Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng cho vít cột sống mũi cùn", "Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng, dài 30 - 500 mm, đường kính ≤ 5.5 mm" hoặc "Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống " hoặc "Nẹp bán động lắp sẵn 2 tầng, chất liệu PET và PCU, các loại, các cỡ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
454	Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính > 4.0mm, dài 20 - 90mm	Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng trên người bệnh có nguy cơ loãng xương/ loãng xương mức độ nhẹ- Chất liệu Titanium, bề mặt vít phủ hydroxyapatite- Đường kính > 4.0mm và có tối thiểu các cỡ 6.5mm, 7.5mm, 8.5mm- Chiều dài trong khoảng 20 - 90mm- Tự tạo ren, mũi vít cùn, biên độ hoạt động $\pm 30^\circ$ - Tương thích với "Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng cho vít cột sống mũi cùn", "Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng, dài 30 - 500 mm, đường kính ≤ 5.5 mm" hoặc "Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống " hoặc "Nẹp bán động lắp sẵn 2 tầng, chất liệu PET và PCU, các loại, các cỡ" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
455	Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm	Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính ≥ 8 cỡ và trong khoảng 4.0 - 10mm - Chiều dài trong khoảng 20 - 90mm - Tự tạo ren, mũi vít cùn - Tương thích với "Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng cho vít cột sống mũi cùn", "Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng, dài 30 - 500 mm, đường kính ≤ 5.5 mm" hoặc "Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống " hoặc "Nẹp bán động lắp sẵn 2 tầng, chất liệu PET và PCU, các loại, các cỡ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
456	Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng cho vít cột sống mũi cùn	Vít khóa trong hai tầng loại không ren dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Cơ chế khóa xoay 90° - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính > 4.0mm, dài 20 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường	Cái	105

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
457	Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng, dài 30 - 500 mm, đường kính ≤ 5.5 mm	Nẹp dọc cột sống lưng, thẳng cố định vít và vít trong khi cố định cột sống lưng, ngực - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài trong khoảng 30 - 500mm, đường kính có tối thiểu cỡ 5.5 mm - Thẳng, uốn cong được - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính > 4.0mm, dài 20 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
458	Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống	Nẹp bán động 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu dây nối Polyethylene Terephthalate (PET), miếng đệm chất liệu Polycarbonate Urethane (PCU) - Chiều dài trong khoảng 20 - 42mm, bước tăng 2mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính > 4.0mm, dài 20 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
459	Nẹp bán động lắp sẵn 2 tầng, chất liệu PET và PCU, các loại, các cỡ	Nẹp bán động 2 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu dây nối Polyethylene Terephthalate (PET), miếng đệm chất liệu Polycarbonate Urethane (PCU) - Chiều dài trong khoảng 20 - 42mm, bước tăng 2mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 8.5mm, dài 25 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn có phủ hydroxyapatite, đường kính > 4.0mm, dài 20 - 90mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục mũi cùn, đường kính 4.0 - 10mm, dài 20 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
460	Vít cột sống cổ sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mô	Vít cột sống cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mô - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5mm, 4.0mm, 4.5 mm, dài trong khoảng 10 - 40 mm - Bán kính góc xoay lớn nhất khoảng 50° - 60° - Tương thích với "Vít khóa trong cột sống cổ sau, lõi hình sao tương thích vít cột sống cổ sau", "Nẹp dọc cột sống cổ đường kính ≤ 3.5mm, dài 60 - 240mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn	Cái	30

Đạt

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
461	Vít khóa trong cột sống cổ sau, lõi hình sao tương thích vít cột sống cổ sau	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium - Lõi hình sao, cung xoay tối đa 80° - Tương thích với "Vít cột sống cổ sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mô", "Nẹp dọc cột sống cổ đường kính ≤ 3.5mm, dài 60 - 240mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
462	Nẹp dọc cột sống cổ đường kính ≤ 3.5mm, dài 60 - 240mm	Nẹp dọc cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau- Chất liệu titanium- Đường kính có tối thiểu cỡ 3.5mm, dài trong khoảng 60 - 240mm, có tối thiểu ≥ 3 cỡ- Tương thích với "Vít cột sống cổ sau kết hợp được hệ thống theo dõi thần kinh trong mô", "Vít khóa trong cột sống cổ sau, lõi hình sao tương thích vít cột sống cổ sau " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
463	Vít chằm cổ sau, đường kính 4.5/ 5.0mm, dài 6 - 16mm	Vít chằm cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ đoạn cao lõi sau - Chất liệu Titanium, tự tạo ren - Đường kính 4.5 hoặc 5.0 mm, dài trong khoảng 6 - 16mm - Vít có thể xoay góc ± 8 độ - Tương thích với "Nẹp chằm cổ sau, 5 lỗ, rộng 47 - 57mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
464	Nẹp chằm cổ sau, 5 lỗ, rộng 47 - 57mm	Nẹp chằm cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ đoạn cao lõi sau - Chất liệu Titanium - Chiều rộng có tối thiểu các cỡ 47mm, 57mm - Có khoảng 4 - 5 lỗ vít trên thân nẹp bắt cố định vào hộp sọ - 2 bên có điểm nối với nẹp nối dọc chằm cổ - Tương thích với "Vít chằm cổ sau, đường kính 4.5/ 5.0mm, dài 6 - 16mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
465	Vít cột sống lưng cố định đơn trục/ đa trục, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm	Vít cột sống lưng cố định đơn trục/ đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Titanium - Đường kính có ≥ 5 cỡ trong khoảng 4.5 - 8.5mm và dài trong khoảng 25 - 80mm - Đơn trục/ đa trục, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, kèm kim đẩy xi măng, có góc xoay 46°- 60° - Tương thích với "Vít khóa trong của vít cố định đơn trục/ đa trục trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu ", "Nẹp dọc cột sống lưng, dài 35 - 500mm, đường kính khoảng 5.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	240

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
466	Vít khóa trong của vít cố định đơn trực/ đa trực trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu	Vít khóa trong tự khóa tự ngắt - Chất liệu hợp kim Titanium - Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	240
467	Nẹp dọc cột sống lưng, dài 35 - 500mm, đường kính khoảng 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da cột sống lưng, ngực - Chất liệu titanium - Chiều dài trong khoảng 35 - 500mm, đường kính tối thiểu 5.5mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
468	Kim đẩy xi măng dùng cho vít bơm xi măng và bắt vít qua da	Kim đẩy xi măng dùng cho vít bơm xi măng và bắt vít qua da dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 1.8 - 2.0mm, dài trong khoảng 270 - 280mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
469	Xi măng hóa học tạo hình đốt sống dùng kèm vít đơn và đa trực bơm xi măng	Xi măng hóa học tạo hình đốt sống dùng kèm vít đơn và đa trực bơm xi măng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng ngực - Thành phần: polymetyl metacrylate, có tính cản quang - Thời gian đông 15 phút ở nhiệt độ 28° C Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lọ	120
470	Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng	Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu kèm bơm xi măng - Chất liệu hợp kim Ti-6Al-4V ELI - Thân vít rỗng, đường kính ≥ 5 cỡ trong khoảng 4.5 - 9.5mm - Dài trong khoảng 25 - 100mm - Đuôi vít đường kính có tối thiểu cỡ 12.5mm, dài ≥ 150 mm - Kim đẩy xi măng đường kính có tối thiểu cỡ 1.8mm, dài ≥ 273 mm - Tương thích với "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời", "Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm" hoặc "Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
471	Vít cột sống lưng đa trực bắt	Vít cột sống lưng đa trực bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu	Cái	30

Low

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời	- Chất liệu hợp kim Ti-6Al-4V ELI - Thân vít rỗng có tối thiểu cỡ 1.9mm, đường kính khoảng 4.5 - 9.5mm, dài trong khoảng 25 - 100mm - Đuôi vít đường kính có tối thiểu cỡ 12.5mm, dài ≥ 150mm - Tương thích với "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời", "Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm" hoặc "Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
472	Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời	Vít khoá trong của vít hai ren đuôi vít rời dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu- Chất liệu hợp kim Titanium- Đầu vắn hình hoa thị- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời", "Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm" hoặc "Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
473	Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu bằng titanium - Đường kính tối thiểu 5.5mm, dài trong khoảng 30 - 150mm - Khối trụ, loại thẳng hoặc uốn sẵn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời", "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
474	Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da	Nẹp dọc dùng cho vít 2 ren bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Chiều dài trong khoảng 50 - 125mm, đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm - Hình trụ, thẳng - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời", "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
475	Vít cột sống lưng đa trục đuôi nhỏ, kèm vít khóa trong	Vít cột sống lưng đa trục - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 12.5mm, dài trong khoảng 25 - 60mm, kèm vít khóa trong - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài 250 - 500mm,	Cái	240

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		đường kính khoảng 5.5mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
476	Nẹp dọc cột sống lưng, dài 250 - 500mm, đường kính khoảng 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng - Chất liệu Titanium - Chiều dài trong khoảng 250 - 500mm, đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm, nẹp thẳng - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục đuôi nhỏ, kèm vít khóa trong" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
477	Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thân sống	Bộ trộn và phân phối xi măng dùng cho phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Ống trộn xi măng - 5 bơm tiêm xi măng (3ml) - Khóa vận - Thể tích tối thiểu 15ml - Tương thích "Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài khoảng 100 - 130mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30
478	Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài khoảng 100 - 130mm	Kim chọc dò bơm xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: cỡ 11G, 13G - Dài trong khoảng 100 - 150mm - Nòng rỗng và có cây lõi bên trong - Tương thích với "Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thân sống" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
479	Xi măng hóa học bơm thân sống	Xi măng hóa học tạo bơm thân sống dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Thành phần: polymetyl - metacrylate, có tính cản quang - Trọng lượng khoảng 27.0 - 27.5g bột và 9.0 - 9.5g dịch Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lọ	75
480	Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài 110 - 120mm	Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da ở cột sống ngực, lưng - Chất liệu: Titanium - Đường kính ngoài có ≥ 4 cỡ từ 5.0mm đến 7.5mm, dài trong khoảng 25 - 120mm - Thiết kế: đầu vít đa trục, thân vít rỗng ruột, đuôi vít dài trong khoảng 110 - 120mm - Tương thích với "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng, đường kính 10.5 - 11mm", "Nẹp dọc uốn sẵn đường kính khoảng 5.0 - 6.0mm, dài 40 - 90mm" tại danh mục mời thầu	Cái	30

Long

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiết khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
481	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng, đường kính 10.5 -11mm	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng - Chất liệu hợp kim Titanium - Hình ngôi sao - Đường kính khoảng 10 -11mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài 110 - 120mm", "Nẹp dọc uốn sẵn đường kính khoảng 5.0 - 6.0mm, dài 40 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
482	Nẹp dọc uốn sẵn đường kính khoảng 5.0 - 6.0mm, dài 40 - 90mm	Nẹp dọc dùng cho phẫu thuật cột sống qua da- Chất liệu Titanium- Đường kính khoảng 5.0 - 6.0mm, dài khoảng 40 - 90mm - Nẹp dọc uốn sẵn, một đầu thanh dọc nhọn, một đầu đẹp, có lỗ tròn- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài 110 - 120mm", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng, đường kính 10.5 - 11 mm" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
483	Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm	Vít cột sống cổ đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium. - Đường kính khoảng 3.5 - 4.5mm, dài trong khoảng 8 - 55mm - Góc xoay 50° - Tương thích với "Vít khóa trong cột sống cổ, đường kính 3.5 - 4.5mm", "Nẹp dọc cột sống cổ, dài khoảng 50mm, đường kính ≤ 3.3 mm, dài ≥ 50 mm" hoặc "Nẹp ngang cột sống cổ dài 30 - 70mm tương thích vít đa trục cột sống cổ" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
484	Vít khóa trong cột sống cổ, đường kính 3.5 - 4.5mm	Vít khóa trong cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 3.5 - 4.5mm - Hình lục giác hoặc ngôi sao - Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm", "Nẹp dọc cột sống cổ, dài khoảng 50mm, đường kính ≤ 3.3 mm, dài ≥ 50 mm" hoặc "Nẹp ngang cột sống cổ dài 30 - 70mm tương thích vít đa trục cột sống cổ" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
485	Nẹp dọc cột sống cổ, dài khoảng 50mm,	Nẹp dọc cột sống cổ dài dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium	Cái	12

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	đường kính $\leq$ 3.3mm, dài $\geq$ 50mm	- Đường kính có tối thiểu cỡ 3.3mm, dài $\geq$ 50mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm", "Vít khóa trong cột sống cổ, đường kính 3.5 - 4.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
486	Nẹp ngang cột sống cổ dài 30 - 70mm tương thích vít đa trục cột sống cổ	Nẹp ngang cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium. - Chiều dài trong khoảng 30 - 70mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm", "Vít khóa trong cột sống cổ, đường kính 3.5 - 4.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
487	Vít cột sống lưng đa trục, bằng Titanium hai loại ren bên và tù, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 20 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính $\geq$ 4 cỡ trong khoảng 4.5 - 7.5mm - Chiều dài $\geq$ 7 cỡ trong khoảng 20 - 60mm - Đầu gần ren tù cho vỏ xương, đầu xa ren bên cho xương xốp, góc xoay $40^\circ (\pm 20^\circ)$ - Tương thích với "Vít khóa trong hình ngôi sao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực", "Nẹp dọc cột sống lưng, đường kính $\leq$ 6.0mm, dài $\geq$ 400mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
488	Vít khóa trong hình ngôi sao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực	Vít khóa trong hình ngôi sao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Cao $>$ 5.0mm, đường kính có tối thiểu cỡ 10mm - Hình lục giác hoặc ngôi sao - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, bằng Titanium hai loại ren bên và tù, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 20 - 60mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, đường kính $\leq$ 6.0mm, dài $\geq$ 400mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
489	Nẹp dọc cột sống lưng, đường kính $\leq$ 6.0mm, dài $\geq$ 400mm	Nẹp dọc cột sống lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 6.0mm, dài $\geq$ 400mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục, bằng titanium hai loại ren bên và tù, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 20 - 60mm", "Vít khóa trong hình ngôi sao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
490	Vít cột sống lưng đa trục/ đơn trục, bước ren đôi 2.5mm (kèm vít khóa trong)	Vít cột sống lưng đa trục/ đơn trục, bước ren đôi 2.5mm dùng trong phẫu thuật cột sống- Chất liệu bằng hợp kim Titanium- Đường kính đầu vít khoảng 12 - 13mm- Đường kính vít khoảng 4.5 - 8.5mm, dài trong khoảng 30 - 55mm- Kèm vít khóa trong- Tương thích với "Thanh dọc titanium đường kính khoảng 5.5mm dài khoảng 450mm" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
491	Thanh dọc titanium đường kính khoảng 5.5mm dài khoảng 450mm	Thanh dọc dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu làm bằng hợp kim titanium - Đường kính 5.5mm, dài ≥ 450 mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục/ đơn trục, bước ren đôi 2.5mm (kèm vít khóa trong)" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
492	Vít cột sống lưng đa trục, đuôi vít hình Tulip, đường kính 4.75 → 8.5mm, dài 25 → 80mm	Vít cột sống lưng đa trục ren đôi, đuôi vít hình Tulip dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu làm bằng Titanium - Đường kính có ≥ 4 cỡ từ 4.75mm đến 8.5mm (bước tăng 0.75mm). Chiều dài từ 25mm đến 80mm - Vít quay đa hướng có góc quay 45° quanh thân vít - Thân vít có ren đôi dạng xoắn ốc - Tương thích với vít "Nẹp dọc cột sống lưng đi kèm vít đa trục đuôi vít Tulip, đường kính 5.5 - 6.0mm, dài ≥ 500 mm", "Vít khóa trong hình sao 6 cạnh dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
493	Vít khóa trong hình sao 6 cạnh dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực	Vít khóa trong hình sao 6 cạnh dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Hình sao 6 cạnh, có 3 đường ren, đường kính có tối thiểu cỡ 9.5 mm - Tương thích với "Vít cột sống đơn trục/ đa trục, đường kính 4.75 → 8.5mm, dài 25 → 80mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, đường kính 5.5 - 6.0 mm, dài ≥ 500 mm" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
494	Nẹp dọc cột sống lưng, đường kính 5.5 - 6.0 mm, dài ≥ 500 mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ngực - Chất liệu bằng Cobalt chrome và Titanium - Đường kính khoảng 5.5 - 6.0mm, dài trong khoảng 500 - 600mm - Thiết kế dạng thẳng, có thể uốn cong, đầu thanh dọc có hình lục giác điều chỉnh hướng - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục/đa trục kèm vít khóa trong , đuôi vít hình Tulip, 5.5 - 8.5 mm, dài 25 - 80mm", "Vít khóa trong hình sao 6 cạnh dùng trong phẫu	Cái	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		thuật cột sống lưng, ngực" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
495	Vít cột sống lưng đa trục hai rãnh mũ vít kèm vít khóa trong cột sống lưng, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 25 - 120mm	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 4.5 - 7.5mm, mỗi bước tăng 1mm - dài trong khoảng 25 - 120mm - Vít tự tạo ren, đa trục, góc dao động lên đến 60 độ, kèm vít khóa trong - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống thẳng, dài 40 - 450mm, đường kính 5.0 - 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
496	Nẹp dọc cột sống thẳng, dài 40 - 450mm, đường kính 5.0 - 6.0mm	Nẹp dọc thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 5.0, 5.5, 6.0mm, dài trong khoảng 40 - 450mm - Thẳng, uốn cong được - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục hai rãnh mũ vít kèm vít khóa trong cột sống lưng, đường kính 4.5 - 7.5mm, dài 25 - 120mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
497	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, bắt qua da, khóa ngàm vuông, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 100mm	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, bắt qua da, nhiều tầng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Titanium - Đường kính có ≥ 4 cỡ từ 4.5 đến 8.5mm - Chiều dài từ 25mm đến 100mm (bước tăng 5mm) - Đầu vít dạng khóa ngàm vuông. Cánh ren trên thân vít dạng ren đôi. Góc xoay của vít là 60° - Tương thích với "Vít khóa trong cho vít đa trục ngàm vuông dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu", "Nẹp dọc cột sống thắt lưng cho vít đa trục rỗng nòng, bắt qua da, khóa ngàm vuông, dài 20 - 160mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
498	Vít khóa trong cho vít đa trục ngàm vuông dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu- Chất liệu Titanium- Đầu vít khóa dạng hình sao, rỗng nòng- Cánh ren trên đầu vít dạng khóa ngàm vuông- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, bắt qua da, khóa ngàm vuông, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 100mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60

Đón

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
499	Nẹp dọc cột sống thắt lưng cho vít đa trục rỗng nòng, bắt qua da, khóa ngàm vuông, dài 20 - 160mm	Nẹp dọc cột sống lưng loại qua da dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Cobalt chromium và titanium - Chiều dài trong khoảng 20 - 160mm - Uốn sẵn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, bắt qua da, khóa ngàm vuông, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 100mm", "Vít khóa trong cho vít đa trục ngàm vuông dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng, ngực xâm lấn tối thiểu" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
500	Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren, dạng đa hướng, khóa ngàm xoắn	Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu Hợp kim Titanium (Ti - 6Al-4V) - Đường kính ≥ 7 cỡ từ 4.0 đến 8.5mm, bước tăng 0.5mm - Chiều dài từ 30mm đến 55mm, bước tăng 0.5mm - Tương thích với "Vít khóa trong đồng bộ vít đa trục 2 kiểu ren", "Nẹp dọc tròn tối thiểu 5.5mm, dài ≥ 500 mm, dùng cho vít cột sống 2 kiểu ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
501	Vít khóa trong đồng bộ vít đa trục 2 kiểu ren	Vít khóa trong tương thích vít đa trục 2 kiểu ren dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu Hợp kim Titanium (Ti - 6Al-4V) - Kích thước trong khoảng 9 - 9.5mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren, dạng đa hướng, khóa ngàm xoắn", "Nẹp dọc tròn tối thiểu 5.5mm, dài ≥ 500 mm, dùng cho vít cột sống 2 kiểu ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
502	Nẹp dọc tròn tối thiểu 5.5mm, dài ≥ 500 mm, dùng cho vít cột sống 2 kiểu ren	Nẹp dọc tròn dành cho mật độ xương trung bình và thấp - Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti - 6Al-4V) - Đường kính tối thiểu 5.5mm, dài ≥ 500 mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục 2 kiểu ren, dạng đa hướng, khóa ngàm xoắn", "Vít khóa trong đồng bộ vít đa trục 2 kiểu ren" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	6
503	Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống,	Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng qua da dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng ở nhóm người bệnh loãng xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 4.5 - 10mm - Dài trong khoảng 25 - 60mm, mỗi bước tăng 5mm - Vít có 15 lỗ, đường kính lỗ bơm xi măng khoảng 1.0-1.2mm, ống nong qua da khoảng 15 - 20mm.	Cái	45

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm	- Tự tạo ren, góc xoay $\pm 30^\circ$ - Tương thích với "Vít khoá trong cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng", "Nẹp dọc cột sống lưng, ngực, cong, dài 30 - 200mm, đường kính 5.5 - 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
504	Vít khoá trong cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng	Vít khoá trong cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng - Chất liệu Titanium - Dạng khóa kép, dạng vít lồng trong vít, rộng của bước ren là $0.45 \pm 0.05\text{mm}$ - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, ngực, cong, dài 30 - 200mm, đường kính 5.5 - 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
505	Kim chuyển đổi vít đa trục bơm xi măng	Kim chuyển đổi vít đa trục bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng - Chất liệu titanium - Hình que - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	11
506	Nẹp dọc cột sống lưng, ngực, cong, dài 30 - 200mm, đường kính 5.5 - 6.0mm	Nẹp dọc cột sống lưng, ngực, cong - Chất liệu titanium - Đường kính khoảng 5.5 - 6.0mm, dài trong khoảng 30 - 200mm - Hình trụ, thân nẹp uốn cong, 2 đầu dạng nhọn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm", "Vít khoá trong cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	9
507	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm vít đa trục bơm xi măng bắt qua da trong phẫu thuật cột sống	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm vít đa trục bơm xi măng bắt qua da trong phẫu thuật cột sống- Bộ trộn kín được làm bằng nhựa trong đó nắp có khóa và có 1 quả bóng bằng kim loại.- Có tay cầm, 1 bơm tiêm, ống nối dài có tối thiểu 20cm- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý	Bộ	11

Đan

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
508	Vít đa trục có thể chuyển đổi thành đơn trục, mũ vít bước ren vuông	Vít đa trục có thể chuyển đổi thành đơn trục, mũ vít bước ren vuông dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính > 4 cỡ từ 4.5mm đến 10mm - Chiều dài từ 25mm đến 60mm, mỗi bước tăng 5mm - Tự tạo ren, mũ vít mỏng, đường ren mở góc 12 độ - Tương thích với "Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông", "Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài ≤ 500mm, đường kính ≤ 6.0mm" hoặc "Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài 60 - 95mm, đường kính ≤ 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
509	Vít cột sống lưng đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính > 4 cỡ từ 4.5mm đến 10mm - Chiều dài từ 25mm đến 60mm (bước tăng 5mm) - Tự tạo ren, góc xoay ± 30° - Tương thích với "Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông", "Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài ≤ 500mm, đường kính ≤ 6.0mm" hoặc "Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài 60 - 95mm, đường kính ≤ 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	120
510	Vít cột sống lưng đa trục cố định kép rãnh mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục cố định kép dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Đường kính > 4 cỡ từ 4.5mm đến 10mm - Chiều dài từ 25mm đến 60mm (bước tăng 5mm) - Tương thích với "Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông", "Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài ≤ 500mm, đường kính ≤ 6.0mm" hoặc "Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài 60 - 95mm, đường kính ≤ 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
511	Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông	Vít khoá trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Bước ren ngang với góc mở 12° và rộng của bước ren 0.45 ± 0.05mm - Tương thích với "Vít đa trục có thể chuyển đổi thành đơn trục, mũ vít bước ren vuông" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục cố định kép rãnh mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	210

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
512	Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài ≤ 500mm, đường kính ≤ 6.0mm	Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu bằng hợp kim titanium/ CoCr - Chiều dài có tối thiểu cỡ 500mm, đường kính có tối thiểu cỡ 6.0mm - Có dạng cong và thẳng, đầu nẹp dọc phẳng hoặc hình lục giác - Tương thích với "Vít đa trục có thể chuyển đổi thành đơn trục, mũ vít bước ren vuông" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục có định kếp rãnh mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm", "Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
513	Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài 60 - 95mm, đường kính ≤ 6.0mm	Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu bằng hợp kim Titanium/ CoCr - Chiều dài trong khoảng 60 - 95mm, đường kính có tối thiểu cỡ 6.0mm - Dạng cong và thẳng, đầu nẹp dọc phẳng hoặc hình lục giác - Tương thích với "Vít đa trục có thể chuyển đổi thành đơn trục, mũ vít bước ren vuông" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục có định kếp rãnh mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm", "Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
514	Vít cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa	Vít cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 4.5mm, dài trong khoảng 12 - 18mm - Đa hướng, có rãnh tự tạo ren - Tương thích với "Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 1 tầng, dài 12 - 26mm" hoặc "Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 2 tầng, dài 24 - 46mm" hoặc "Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 3 tầng, dài 39 - 69mm" hoặc "Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 4 tầng, dài 60 - 84mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
515	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 1 tầng, dài 12 - 26mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 1 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu hợp kim Titanium- Chiều dài trong khoảng 10 - 30mm, dày ≥ 2.0mm- Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5

dm

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
516	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 2 tầng, dài 24 - 46mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 2 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài trong khoảng 20 - 50mm, dày $\geq 2.0\text{mm}$ - Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
517	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 3 tầng, dài 39 - 69mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 3 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài trong khoảng 30 - 70mm, dày $\geq 2.0\text{mm}$ - Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
518	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 4 tầng, dài 60 - 84mm	Nẹp cột sống cổ trước có vòng khóa 4 tầng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồng trước - Chất liệu hợp kim Titanium - Chiều dài trong khoảng 60 - 84mm, dày có tối thiểu cỡ 2.0mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ lồng trước đa hướng dùng kèm nẹp cổ trước có vòng khóa" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
519	Vít cột sống lưng bán động, phủ chất kích thích mọc xương, đường kính 5.5, 6.5, 7.5mm, dài 30 → 55mm	Vít cột sống lưng bán động, phủ chất kích thích mọc xương dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hóa cột sống lưng, ngực - Chất liệu bằng hợp kim Titanium được phủ bionit (canxium phosphate) - Đường kính 5.5, 6.5, 7.5mm - Dài từ 30mm đến 55mm, mỗi bước tăng 5mm - Mũ vít có dạng hình tulip, mũ vít được nối với thân vít bởi một khớp nối tròn xoay góc 10° - Lõi vít hình nón, đầu mũ vít tự taro và rỗng lòng - Tương thích với "Vít khóa trong vít bán động cột sống lưng", "Nẹp dọc cột sống lưng, ngực cho vít bán động, dài $\geq 200\text{mm}$, đường kính $\geq 6.0\text{mm}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
520	Vít khóa trong vít bán động cột sống lưng	Vít khóa trong vít bán động dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hóa cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Tương thích với "Vít cột sống lưng bán động, phủ chất kích thích mọc xương, đường kính 5.5, 6.5, 7.5mm, dài 30 → 55mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, ngực cho vít bán động, dài $\geq 200\text{mm}$, đường kính $\geq 6.0\text{mm}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn	Cái	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
521	Nẹp dọc cột sống lưng, ngực cho vít bán động, dài $\geq 200\text{mm}$, đường kính $\geq 6.0\text{mm}$	Nẹp dọc cho vít bán động dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Chiều dài $\geq 200\text{mm}$, đường kính có tối thiểu cỡ 6.0mm - Đầu nẹp dọc có khoan lỗ - Tương thích với "Vít cột sống lưng bán động, phủ chất kích thích mọc xương, đường kính $5.5, 6.5, 7.5\text{mm}$, dài $30 \rightarrow 55\text{mm}$ ", "Vít khóa trong vít bán động cột sống lưng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
522	Vít cột sống lưng đa trục hai bước ren, đường kính $4.0 - 8.5\text{mm}$	Vít cột sống lưng đa trục, 2 bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng. - Chất liệu Hợp kim Titanium, mũ vít bằng Cobalt Chrome, - Đường kính từ 4.0mm đến 6.0mm (bước tăng 0.5mm), từ 6.5mm đến 8.5mm (bước tăng 1mm) - Chiều dài trong khoảng $20 - 60\text{mm}$ - Tương thích với "Vít khóa trong dùng cho vít cột sống lưng tự ngắt, tự đo lực, đường kính khoảng $7 - 8\text{mm}$ ", "Nẹp dọc thẳng cột sống thắt lưng" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
523	Vít khóa trong dùng cho vít cột sống lưng tự ngắt, tự đo lực, đường kính khoảng $7 - 8\text{mm}$	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng - Chất liệu Hợp kim Titanium - Đường kính khoảng $7 - 8\text{mm}$ - Dài trong khoảng $12 - 13\text{mm}$ - Đầu tù, cánh ren ngược - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục hai bước ren, đường kính $4.0 - 8.5\text{mm}$ ", "Nẹp dọc thẳng cột sống thắt lưng" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
524	Nẹp dọc thẳng cột sống thắt lưng	Nẹp dọc cột sống thắt lưng dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng - Hợp kim Cobalt Chrom - Đường kính khoảng $4.5 - 5.0\text{mm}$, dài $\geq 500\text{mm}$, loại thẳng - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục hai bước ren, đường kính $4.0 - 8.5\text{mm}$ ", "Vít khóa trong dùng cho vít cột sống lưng tự ngắt, tự đo lực, đường kính khoảng $7 - 8\text{mm}$ " tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
525	Vít cột sống lưng rỗng nòng, dài $30 - 60\text{mm}$, đường kính $5.5 - 7.5\text{mm}$	Vít cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực xâm lấn tối thiểu- Chất liệu Titanium- Đường kính khoảng $5.5 - 7.5\text{mm}$, dài trong khoảng $30 - 60\text{mm}$, đầu vít dài 77 hoặc 127mm - Lòng vít rỗng, vít tự tạo ren- Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài $50 - 200\text{mm}$, đường kính $\geq 6.0\text{mm}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý	Cái	120

Handwritten signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
526	Nẹp dọc cột sống lưng, dài 50 - 200mm, đường kính $\geq$ 6.0mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong mổ cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 6.0mm, dài trong khoảng 50 - 200mm - Thiết kế kiểu thanh dọc, tròn, hình dạng cong được uốn sẵn, 1 đầu nẹp thuôn nhọn, 1 đầu nẹp có ngàm để gắn vào trụ cụ đặt nẹp - Tương thích với "Vít cột sống lưng rộng nông, dài 30 - 60mm, đường kính 5.5 - 7.5mm" tại danh mục mời thầu Tiết khoản Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
527	Vít cột sống lưng đầu dài ren đôi lõi hình nón 27.2mm/28.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 20 - 130mm	Vít cột sống lưng đầu dài dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính vít $\geq$ 4 cỡ trong khoảng 4.5 - 8.5mm, dài trong khoảng 20 - 130mm - Đầu vít đơn trục dài trong khoảng 27 - 28mm và đa trục dài trong khoảng 28 - 29mm, đoạn tab bẻ dài 12mm - Đầu vít và lõi hình nón, vít đa trục có góc xoay 45°, thân vít thiết kế dạng ren đôi. Vít được mã hoá màu theo kích cỡ vít. Mũi vít tự taro - Tương thích với "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, dài 120 - 200mm, đường kính 5.5/6.0mm" hoặc "Nẹp dọc cột sống lưng, dài $\geq$ 400mm, đường kính 5.5/6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiết khoản Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
528	Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm	Vít cột sống lưng đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính vít $\geq$ 4 cỡ trong khoảng 4.5 - 8.5mm, dài trong khoảng 25 - 130mm - Tương thích với "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, dài 120 - 200mm, đường kính 5.5, 6.0mm" hoặc "Nẹp dọc cột sống lưng, dài $\geq$ 400mm, đường kính 5.5/6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiết khoản Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	180
529	Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng	Vít khoá trong đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao trong khoảng 5.5 - 6.0mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình	Cái	360

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm	nón, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm" hoặc "Vít cột sống lưng đầu dài ren đôi lõi hình nón 27.2mm/28.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 20 - 130mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, dài 120 - 200mm, đường kính 5.5, 6.0mm" hoặc "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 400 mm, đường kính 5.5/6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
530	Nẹp dọc cột sống lưng, dài 120 - 200mm, đường kính 5.5, 6.0mm	Nẹp dọc cột sống lưng đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Chiều dài trong khoảng 120 - 200mm, đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm, 6.0mm - Thanh tròn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm" hoặc "Vít cột sống lưng đầu dài ren đôi lõi hình nón 27.2mm/28.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 20 - 130mm", "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
531	Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 400 mm, đường kính 5.5, 6.0mm	Nẹp dọc cột sống lưng đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Chiều dài 300 - 500mm, tối thiểu ≥ 400 mm - Đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm, 6.0mm - Thanh tròn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm" hoặc "Vít cột sống lưng đầu dài ren đôi lõi hình nón 27.2mm/28.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 20 - 130mm", "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
532	Vít trượt cổ sau kèm vít khóa trong, đường kính 3.5/ 4.0mm	Vít trượt cổ sau kèm vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Đường kính cỡ 3.5mm hoặc 4.0mm - Vít tự tạo ren, góc xoay trong khoảng 77° - 92° - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	120

Lon

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
533	Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu	Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu- Chất liệu Ti-6Al-4V ELI- Đường kính 3.5 hoặc 6.0mm, dài trong khoảng 100 - 300mm- Hình trụ- Tương thích với "Vít trượt cổ sau kèm vít khóa trong, đường kính 3.5/ 4.0mm" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
534	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng	Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu: Ti-6Al-4V ELI - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.5mm, 5.2mm, 6.2mm, 7.2mm - Chiều dài trong khoảng 25 - 80mm - Thiết kế: Thân vít có bước ren đôi, hai bước ren rỗng nòng, mũi vít tự ta rô. Có lỗ cho phép bơm xi măng. Bước ren đôi 5 mm. Góc dao động: 52° - Tương thích với "Dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng, 2 bước ren" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
535	Vít cột sống lưng rỗng nòng bơm xi măng đa trục, hai bước ren	Vít cột sống lưng rỗng nòng bơm xi măng đa trục, hai bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống ở bệnh nhân loãng xương - Chất liệu: Ti6Al4V ELI - Đường kính có tối thiểu 5.2, 6.2mm tương ứng chiều dài 35, 40, 45, 50, 55, 60mm ; đường kính 7.2mm tương ứng chiều dài 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80mm - Thân vít rỗng nòng và có lỗ bơm xi măng, mũi vít tù. Bước ren đôi, hai bước ren với khoảng cách 5 mm. Góc dao động: 52° - Tương thích với "Dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng, 2 bước ren" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
536	Dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng, 2 bước ren	Dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng, 2 bước ren dùng trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu + bơm xi măng - Chất liệu: Thép không gỉ - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng, ren đôi, hai bước ren, mũi vít tự dẫn hướng" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
537	Vít cột sống cổ lõi sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45°	Vít cột sống dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.0, 4.5mm - Dài trong khoảng 10 - 52mm, mỗi bước tăng 2mm - Tự taro - Góc nghiêng tối đa 45°	Cái	30

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tương thích với "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng Titanium", "Bộ 2 nẹp dọc uốn sẵn, một đầu nhọn, một đầu dẹp có lỗ tròn" hoặc "Nẹp dọc cột sống cổ sau, dài $\geq 240\text{mm}$, đường kính 3.0 - 3.2mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
538	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng Titanium	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium - Ren chịu lực - Đường kính trong khoảng 5.5 - 6.0mm - Chiều cao trong khoảng 3.5 - 4.0mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45° ", "Bộ 2 nẹp dọc uốn sẵn, một đầu nhọn, một đầu dẹp có lỗ tròn" hoặc "Nẹp dọc cột sống cổ sau, dài $\geq 240\text{mm}$, đường kính 3.0 - 3.2mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
539	Bộ 2 nẹp dọc uốn sẵn, một đầu nhọn, một đầu dẹp có lỗ tròn	Bộ 2 nẹp dọc uốn sẵn dùng trong phẫu thuật làm cứng cột sống lưng, ngực bắt vít qua da - Chất liệu: Ti6Al4V ELI - Kích thước: có tối thiểu cỡ 5.5mm; chiều dài trong khoảng 40 - 135mm - Thiết kế: một đầu nhọn, một đầu dẹp có lỗ tròn - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45° ", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng Titanium" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
540	Nẹp dọc cột sống cổ sau, dài $\geq 240\text{mm}$, đường kính 3.0 - 3.2mm	Nẹp dọc cột sống cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium - Chiều dài $\geq 240\text{mm}$, đường kính khoảng 3.0 - 3.2mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45° ", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng Titanium" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
541	Vít cố định chằm cổ, dài 6 - 14mm, đường kính 4.0, 4.5mm	Vít cố định chằm cổ dùng kèm nẹp cố định xương chằm cổ, hình thang- Vật liệu: Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.0, 4.5mm, dài trong khoảng 6 - 12mm- Vít ren xương cứng- Tương thích với "Nẹp cố định xương chằm cổ" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
542	Nẹp cố định xương chằm cổ	Nẹp cố định xương chằm cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ đoạn cao - Chất liệu: hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.2mm	Cái	3

Handwritten signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Dài 200mm - Thiết kế uốn sẵn tại vùng chằm - Đường kính vùng uốn trong khoảng 3.5 - 3.7mm - Tương thích với "Vít cố định chằm cổ, dài 6 - 14mm, đường kính 4.0, 4.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
543	Đầu đốt điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh điều trị đau vùng cột sống lưng, cổ, xương cùng cụt và dây thần kinh ba, dài 10cm, loại sử dụng 1 lần.	Đầu đốt điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh điều trị đau vùng cột sống lưng, cổ, xương cùng cụt và dây thần kinh ba, dài 10cm, loại sử dụng 1 lần. - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài có tối thiểu cỡ 10cm - Tương thích với máy Cosman G4 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
544	Đầu đốt điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba, dài 5, 10, 15, 20cm, loại sử dụng 1 lần	Đầu đốt điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba, dài 5cm, loại sử dụng 1 lần. - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài có tối thiểu cỡ 5, 10, 15, 20cm - Tương thích với máy Cosman G4 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
545	Ống nong (Cannula) dùng với Đầu đốt Điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba, thẳng dài 5cm, ngàm hoạt động dài 10mm, cỡ 20G	Ống nong (Cannula) dùng với Đầu đốt Điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba, dài 5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: 5cm - Ngàm hoạt động: 10mm. - Đường kính ngàm các cỡ: 21G - Đầu tip thẳng - Tương thích với máy Cosman G4. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
546	Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn - Chất liệu Titanium - Kích thước có ≥ 5 cỡ trong khoảng 4.5 - 8.0mm, dài trong khoảng 30 - 60mm - Đầu vít dài dạng 1/4 ống - Tương thích với "Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn", "Nẹp dọc cột sống lưng đường kính khoảng 5.5mm, dài 40 - 150mm, cho vít đa trục (kiểu 1/4 ống)" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn	Cái	75

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO		
547	Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn	Vít khóa trong vít đa trục 1/4 ống dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn - Chất liệu Titanium - Đầu vít hình ngôi sao, đường kính 10.0mm, dài 5mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)", "Nẹp dọc cột sống lưng đường kính khoảng 5.5mm, dài 40 - 150mm, cho vít đa trục (kiểu 1/4 ống)" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	75
548	Nẹp dọc cột sống lưng đường kính khoảng 5.5mm, dài 40 - 150mm, cho vít đa trục (kiểu 1/4 ống)	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn cột sống lưng, ngực lõi sau - Chất liệu Titanium - Đường kính tối thiểu các cỡ 5.5mm, dài trong khoảng 40 - 150mm - Nẹp dọc uốn cong sẵn. 1 đầu thuôn nhọn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)", "Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
549	Vít cột sống lưng đa trục lồng rỗng kèm xi măng sinh học ren đôi, đường kính 5.5 - 6.5mm, dài 35 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng trên người bệnh loãng xương - Chất liệu Titanium- Đường kính vít có cỡ 5.5 hoặc 6.0 hoặc 6.25 hoặc 6.5mm, dài trong khoảng 35 - 60mm- Ren đôi, góc xoay 30°, lồng vít rỗng, có các lỗ dọc đầu thân vít, có kèm xi măng sinh học- Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật loãng xương, đường kính ≤ 5.5mm, dài 40 → 200mm" tại danh mục mời thầuTiệt khuẩnTiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60
550	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật loãng xương, đường kính ≤ 5.5mm, dài 40 → 200mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng ở người bệnh loãng xương - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm, dài trong khoảng 40 - 200mm - Bề mặt trơn láng - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục lồng rỗng kèm xi măng sinh học ren đôi, đường kính 5.5 - 6.5mm, dài 35 - 60mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
551	Vít vá sọ tự khoan, đường kính ≤ 1.6mm, dài 4 - 6mm	Vít vá sọ tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 1.6mm, dài trong khoảng 4 -	Cái	450

Signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		6mm - Tương thích với "Nẹp thẳng vá sọ, 16/ 18/ 34 lỗ", "Nẹp thẳng vá sọ, 12 lỗ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
552	Vít vá sọ tự khoan, đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm	Vít vá sọ tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu 2.0mm - Dài trong khoảng 4 - 8mm, có tối thiểu ≥ 3 cỡ. Tự khoan, tự taro - Tương thích với "Nẹp thẳng vá sọ, 16/ 18/ 34 lỗ", "Nẹp thẳng vá sọ, 12 lỗ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	750
553	Nẹp thẳng vá sọ, 16/ 18/ 34 lỗ	Nẹp thẳng vá sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Đường kính lỗ nẹp khoảng 1.5 - 2.0mm, dày trong khoảng 0.5 - 1.0mm - Nẹp thẳng, có 16 hoặc 18 hoặc 34 lỗ - Tương thích với "Vít vá sọ tự khoan, đường kính ≤ 1.6 mm, dài 4 - 6mm" hoặc "Vít vá sọ tự khoan, đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
554	Nẹp thẳng vá sọ, 12 lỗ	Nẹp thẳng vá sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Đường kính lỗ nẹp tối thiểu 2.0mm, dày ≥ 1.0 mm - Nẹp thẳng 12 lỗ, khoảng cách lỗ nẹp 4.5mm, rộng 3.7mm - Tương thích với "Vít vá sọ tự khoan, đường kính ≤ 1.6 mm, dài 4 - 6mm" hoặc "Vít vá sọ tự khoan, đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
555	Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm	Vít cột sống cổ lõi trước, tự khóa, tự khoan, tự tạo ren. Có khóa ở đầu vít, góc xoay khoảng 10° so với trục vuông góc nẹp. - Chất liệu Hợp kim Titanium - Đường kính cỡ 4.0mm hoặc 4.35mm; dài trong khoảng 12 - 16mm - Tương thích với "Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 3 - 4 tầng, dài khoảng 50 - 100mm" hoặc "Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 1 - 2 tầng, dài khoảng 22 - 54mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
556	Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 3 - 4 tầng, dài khoảng 50 - 100mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động khoảng 3 - 4 tầng - Chất liệu hợp kim Titanium - Dài trong khoảng 50 - 100mm, dày có tối thiểu 1.8mm - Nẹp bán cứng - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
557	Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 1 - 2 tầng, dài khoảng 22 - 54mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động khoảng 1 - 2 tầng - Chất liệu hợp kim Titanium - Dài trong khoảng 22 - 54mm, dày có tối thiểu 1.8mm - Nẹp bán cứng - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
558	Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550 mm, đường kính 5.0 - 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng- Chất liệu titanium- Đường kính khoảng 5.0 - 5.5mm- Chiều dài ≥ 550 mm, nẹp thẳng- Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng ruột hai loại ren dùng để bơm xi măng dành cho người bệnh loãng xương, đường kính 5 $\rightarrow$ 7mm, dài 35 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt hai loại ren bén nhuyễn, mũi vít nhỏ, đường kính ≤ 4 mm, dài 25 - 45mm", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
559	Vít cột sống lưng đa trục rỗng ruột hai loại ren dùng để bơm xi măng dành cho người bệnh loãng xương, đường kính 5 $\rightarrow$ 7mm, dài 35 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục rỗng sử dụng cho người bệnh loãng xương - Vít bằng titanium, canulla bằng hợp kim - Đường kính trong khoảng 5 - 7mm, dài trong khoảng 35 - 60mm - Vít có 2 loại ren bén và nhuyễn, trên thân vít có 6 lỗ bơm xi măng - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550 mm, đường kính 5.0 - 5.5mm", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
560	Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt hai loại ren bén nhuyễn, mũi vít nhỏ, đường kính ≤ 4 mm, dài 25 - 45mm	Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt dùng trong phẫu thuật nắn chỉnh trượt cột sống ngực, lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 4mm, khoảng cách ren trong khoảng 2.0 - 2.2mm, dài trong khoảng 25 - 45mm - Đầu vít có góc xoay trong khoảng 45 - 50° - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550 mm, đường kính 5.0 - 5.5mm", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	120

Low

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
561	Vít khóa trong lồng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng	Vít khóa trong lồng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng - Chất liệu Titanium - Hình lục giác - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài $\geq 550\text{mm}$, đường kính 5.0 - 5.5mm", "Vít cột sống lưng đa trục rỗng ruột hai loại ren lồng để bơm xi măng dành cho người bệnh loãng xương, đường kính 5 $\rightarrow$ 7mm, dài 35 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt hai loại ren bên nhuyển, mũi vít nhỏ, đường kính $\leq 4\text{mm}$, dài 25 - 45mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	210
562	Vít cột sống cổ đa trục, đường kính tối thiểu 4.5mm, dài 14/ 16/ 18mm	Vít cột sống cổ đa trục lồng trong mô cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Titanium - Đường kính tối thiểu 4.5mm, dài 14 hoặc 16 hoặc 18mm - Tương thích với "Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ, dài $\geq 25\text{mm}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
563	Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ, dài $\geq 25\text{mm}$	Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ lồng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu gồm PEEK và titanium - Dày $\geq 1\text{mm}$, dài $\geq 25\text{mm}$, rộng $\geq 7.5\text{mm}$, có 2 lỗ để bắt vít - Bên trong có khoang chứa xương, kích thước khoang 12 x 15 x (5-6-7) mm, 14mm x 17mm x (5-6-7) mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục, đường kính tối thiểu 4.5mm, dài 14/ 16/ 18mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
564	Bộ dụng cụ bơm xi măng lồng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống qua da khoảng 20g	Bộ dụng cụ bơm xi măng lồng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Thành phần: + Lọ bột xi măng 20g: - Polymethylmethacrylate khoảng 65 - 70%, Barium sulphate khoảng 28-30%, Benzoyl peroxide khoảng 2.5 - 3.0% + Lọ chứa dung môi: Methylmethacrylate khoảng 99 - 99.5%, N,N-dimethyl-p-toluidine khoảng 0.5 - 0.9%, Hydroquinone 75ppm - Có bơm tiêm, dây nối kim chọc dò - Tương thích "Kim chọc dò tạo đường dẫn xi măng, tương thích bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
565	Kim chọc dò tạo đường dẫn xi măng, tương thích bộ dụng	Kim chọc dò tạo đường dẫn xi măng lồng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính tối đa 9G, tối thiểu 13G	Cái	36

STT	Tên danh mục	Đặc tính yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da	- Chiều dài trong khoảng 125 - 130mm - Đầu vát 35° hoặc đầu thẳng - Tương thích "Bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da khoảng 20g" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		
566	Bộ nẹp vít sọ hình tròn, 6 lỗ vít	Bộ nẹp vít sọ hình tròn, 6 lỗ vít dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ- Chất liệu Titanium- Gồm 1 nẹp tròn 6 lỗ, đường kính khoảng 20 - 25mm, 2 nẹp thẳng 2 lỗ dài khoảng 15 - 20mm- Đi kèm 10 vít sọ tự khoan, kích thước đường kính khoảng 1.4 - 1.6mm, dài khoảng 3 - 5mm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	75
567	Màng cứng nhân tạo sinh học tự tiêu, 4 x 5 cm	Màng cứng nhân tạo sinh học tự tiêu phủ khuyết điểm màng cứng khoảng 1cm - Chất liệu Collagen tinh khiết, từ màng ngoài tim bò, kết hợp 2 vật liệu (polyester và Polypropylen) - Kích thước 4 x 5 cm - Độ bám dính cao Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30

Lozano

CÔNG TY.....
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Số điện thoại liên hệ:

Mẫu chào giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ										
	TT theo thư mời chào giá	Tên danh mục	Tên thiết bị y tế// Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Chứng minh giá (nếu có)
1													Tên cơ sở y tế:..... Số/ ngày hợp đồng:..... Đơn giá:....
2													

- Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)



BM: CVĐT.03(1)

Lozano